



NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH BẰNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN
TRẦN VĂN NHÂN – NGUYỄN CHÍ TUẤN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)

NGUYỄN KHÁNH BĂNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN

TRẦN VĂN NHÂN – NGUYỄN CHÍ TUẤN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG	4
PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ	14
CHỦ ĐỀ 1. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM	14
Bài 1. Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca	14
Bài 2. Thiên nhiên Việt Nam	18
Bài 3. Biển, đảo Việt Nam	22
Bài 4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	26
CHỦ ĐỀ 2. NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM	30
Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc	30
Bài 6. Vương quốc Phù Nam	34
Bài 7. Vương quốc Chăm-pa	38
CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	42
Bài 8. Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc	42
Bài 9. Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long	46
Bài 10. Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên	50
Bài 11. Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê	54
Bài 12. Triều Nguyễn	58
Bài 13. Cách mạng tháng Tám năm 1945	62
Bài 14. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	66
Bài 15. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	70
Bài 16. Đất nước đổi mới	74
CHỦ ĐỀ 4. CÁC NƯỚC LÃNG GIỀNG	78
Bài 17. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	78
Bài 18. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	84
Bài 19. Vương quốc Cam-pu-chia	88
Bài 20. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	92
CHỦ ĐỀ 5. TÌM HIỂU THẾ GIỚI	96
Bài 21. Các châu lục và đại dương trên thế giới	96
Bài 22. Dân số và các chủng tộc trên thế giới	102
Bài 23. Văn minh Ai Cập	104
Bài 24. Văn minh Hy Lạp	108
CHỦ ĐỀ 6. CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI	112
Bài 25. Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp	112
Bài 26. Xây dựng thế giới hoà bình	116

LỜI NÓI ĐẦU

Lịch sử và Địa lí 5 – Sách giáo viên thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* được phát triển dựa trên các nội dung và yêu cầu cần đạt từ sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 5* – bộ sách *Chân trời sáng tạo* với mục đích hỗ trợ thầy, cô giáo thiết kế hoạt động dạy học một cách sinh động, hấp dẫn; nhằm mục tiêu phát triển toàn diện năng lực chung, năng lực đặc thù và phẩm chất cho học sinh.

Các tác giả mong rằng quyển sách sẽ góp phần hỗ trợ các thầy, cô giáo giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí một cách thuận lợi và hiệu quả hơn, giúp phát triển năng lực lịch sử và năng lực địa lí của học sinh trên nền tảng kiến thức cơ bản với 6 chủ đề, bao gồm: *Đất nước và con người Việt Nam, Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam, Các nước láng giềng, Tìm hiểu thế giới, Chung tay xây dựng thế giới*.

Sách được chia làm hai phần:

Phần một: sách nêu ra những vấn đề về chương trình, cấu trúc sách và cấu trúc bài học, phương pháp và kĩ thuật dạy học, phương pháp đánh giá,... Từ đó, giáo viên có thể chủ động thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với từng bài học theo định hướng phát triển năng lực.

Phần hai: sách đưa ra những gợi ý cho giáo viên thiết kế hoạt động dạy học cho từng bài học trong sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 5* – bộ sách *Chân trời sáng tạo*. Tuy nhiên, những gợi ý này chỉ mang tính chất tham khảo, tùy tình hình thực tế của nhà trường, đặc điểm của học sinh mà giáo viên sáng tạo, linh hoạt để có thể tối ưu hoá việc dạy học nhằm phát triển năng lực Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí; Tìm hiểu lịch sử và địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Hi vọng quyển sách là tư liệu hữu ích, hỗ trợ thầy, cô giáo trong quá trình giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí. Chúc quý thầy, cô gặt hái được nhiều thành công và có nhiều niềm vui trong công tác.

NHÓM TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

A. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Môn Lịch sử và Địa lí là môn học bắt buộc ở cấp Tiểu học (được tổ chức dạy và học ở lớp 4 và lớp 5) giúp hình thành, phát triển ở học sinh (HS) năng lực lịch sử và địa lí với các thành phần: nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; đồng thời góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học giúp HS khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh để bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc. Từ đó, HS hình thành và phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ NĂNG LỰC CHUNG VÀ CÁC PHẨM CHẤT CHỦ YẾU

Môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu theo từng mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử và địa lí, biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học với các thành phần: nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Biểu hiện của các thành phần năng lực này được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Biểu hiện
NHẬN THỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	– Kể, nêu, nhận biết được các hiện tượng địa lí, sự kiện lịch sử diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian; một số giá trị truyền thống kết nối con người Việt Nam; một số nền văn minh; các vấn đề khó khăn mà nhân loại đang phải đối mặt. – Trình bày, mô tả được một số nét chính về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước, thế giới. – Nêu được cách thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
TÌM HIỂU LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	– Biết quan sát, tra cứu tài liệu để tìm thông tin hoặc thực hiện điều tra ở mức độ đơn giản về các sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lí; biết đọc lược đồ, biểu đồ, bản đồ tự nhiên, dân cư,... ở mức đơn giản. – Từ những nguồn tư liệu, số liệu, biểu đồ, lược đồ, bản đồ,... nêu được nhận xét về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử và các đối tượng, hiện tượng địa lí.

Thành phần năng lực	Biểu hiện
	– Trình bày được ý kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... – So sánh, nhận xét, phân biệt được sự đa dạng về tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hoá ở một số vùng miền; nhận xét được sự tác động của tự nhiên đến hoạt động sản xuất của con người và tác động của con người đến tự nhiên.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	– Xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian trên bản đồ; sử dụng được đường thời gian để biểu diễn tiến trình phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử. – Sử dụng được biểu đồ, số liệu,... để nhận xét về một số sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí. – Biết sưu tầm và sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận và trình bày quan điểm về một số vấn đề lịch sử, địa lí, xã hội đơn giản. – Vận dụng được kiến thức lịch sử và địa lí đã học để phân tích và nhận xét ở mức độ đơn giản việc tác động của một sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... đối với cuộc sống hiện tại. – Đề xuất được ý tưởng và thực hiện được một số hành động như: sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử – văn hoá,...

C. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

I. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH

– Nội dung sách được triển khai bám sát Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp Tiểu học) được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 – 12 – 2018, đồng thời tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn sách giáo khoa (SGK) mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 – 12 – 2017; Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT ngày 6 – 8 – 2020 và Thông tư số 5/2022/TT-BGDĐT ngày 19 – 3 – 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 – 12 – 2017.

– Đảm bảo các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể đồng thời với các năng lực đặc thù của môn học: Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí; Tìm hiểu lịch sử và địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– Tư tưởng chủ đạo của bộ sách: đổi mới và sáng tạo, vận dụng triệt để các quan điểm: tích cực hoá hoạt động của HS, dạy học tích hợp. Giúp HS hình thành, phát triển năng lực địa lí – lịch sử đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở HS phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đó là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội;...

II. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

1. Cấu trúc sách

Nội dung giáo dục môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học gồm mạch nội dung được sắp xếp theo các mạch kiến thức và kĩ năng cơ bản, thiết yếu về địa lí, lịch sử của đất nước Việt Nam, các nước láng giềng và một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới.

Nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí còn liên quan trực tiếp với nhiều môn học và các hoạt động giáo dục khác như: Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm,...

Nội dung giáo dục môn Lịch sử và Địa lí lớp 5 gồm 6 chủ đề: *Đất nước và con người Việt Nam, Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam, Các nước láng giềng, Tìm hiểu thế giới, Chung tay xây dựng thế giới.*

2. Cấu trúc bài học

Mỗi chủ đề được trình bày thành các bài học. Các bài học là phần cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt trong mỗi chủ đề. Việc sắp xếp, kết nối, phân tách các yêu cầu cần đạt cho phù hợp với cấu trúc các bài học trong mỗi chủ đề đã được cân nhắc kĩ. Mục đích là làm sao để giáo viên (GV) và HS đạt được các yêu cầu một cách dễ dàng nhất. Mỗi bài học có bố cục hợp lí, nhằm làm nổi bật quan điểm biên soạn sách là tiếp cận năng lực và dạy học tích hợp:

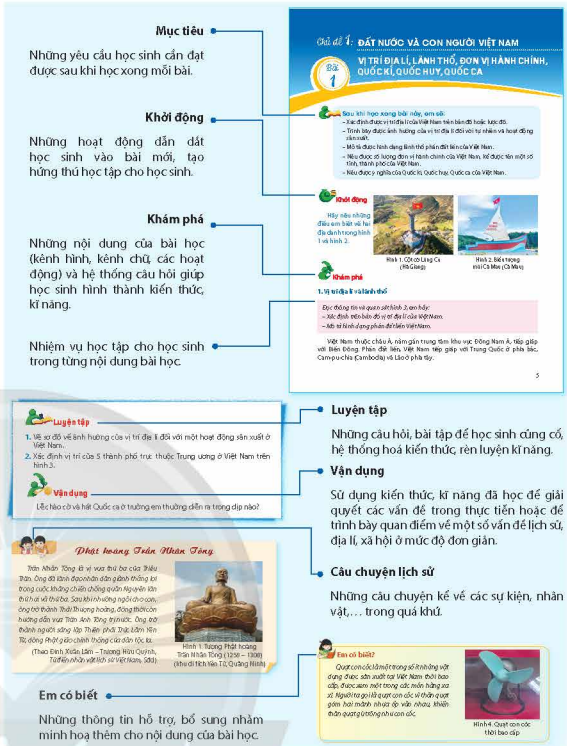
- Phần Mục tiêu: những yêu cầu HS cần đạt được sau khi học xong mỗi bài.
- Phần Khởi động: những hoạt động dẫn dắt HS vào bài mới, tạo hứng thú học tập cho HS.

– Phần Khám phá: bắt đầu bằng hình ảnh trang sách mở ra. Ở phần này, hệ thống kênh hình, kênh chữ trong mỗi bài có sự chọn lọc, thể hiện sự sinh động, mang tính sư phạm cao; kết hợp với các hoạt động học để HS đạt được yêu cầu cần đạt sau khi học.

- Phần Luyện tập – Vận dụng: cuối mỗi bài gồm các câu hỏi luyện tập và vận dụng để HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kĩ năng.

Số tiết dự kiến ở mỗi bài học trong Lịch sử và Địa lí 5 như sau:

Chủ đề	Bài học	Số tiết dự kiến
1. Đất nước và con người Việt Nam	Bài 1. Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca	2
	Bài 2. Thiên nhiên Việt Nam	4
	Bài 3. Biển, đảo Việt Nam	2
	Bài 4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	3



Chủ đề	Bài học	Số tiết dự kiến
2. Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam	Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc	3
	Bài 6. Vương quốc Phù Nam	2
	Bài 7. Vương quốc Chăm-pa	2
3. Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam	Bài 8. Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc	3
	Bài 9. Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long	2
	Bài 10. Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên	3
	Bài 11. Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê	3
	Bài 12. Triều Nguyễn	3
	Bài 13. Cách mạng tháng Tám năm 1945	3
	Bài 14. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	2
	Bài 15. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	2
	Bài 16. Đất nước đổi mới	3
4. Các nước láng giềng	Bài 17. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	2
	Bài 18. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	2
	Bài 19. Vương quốc Cam-pu-chia	2
	Bài 20. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2
5. Tìm hiểu thế giới	Bài 21. Các châu lục và đại dương trên thế giới	4
	Bài 22. Dân số và các chủng tộc trên thế giới	2
	Bài 23. Văn minh Ai Cập	2
	Bài 24. Văn minh Hy Lạp	2
6. Chung tay xây dựng thế giới	Bài 25. Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp	2
	Bài 26. Xây dựng thế giới hoà bình	2

D. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

1. Phương pháp dạy học trực quan

a) Khái niệm

Dạy học trực quan là phương pháp dạy học mà GV sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kĩ thuật để tổ chức bài học. Trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp

Tiểu học, phương pháp này mang lại hiệu quả cao trong việc giúp HS hình thành những biểu tượng và khái niệm lịch sử, địa lí, khắc phục được những khó khăn trong học tập và nghiên cứu lịch sử, địa lí (người học không thể trực tiếp tiếp xúc, quan sát đối tượng nghiên cứu,...).

Trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học, đồ dùng trực quan rất đa dạng. Trên thực tế, bản đồ, lược đồ, tranh, ảnh, phim tư liệu, bảng biểu, sơ đồ được sử dụng phổ biến hơn và thường kết hợp với các thiết bị công nghệ, phần mềm hoặc công cụ để giới thiệu cho HS. Theo cách sử dụng truyền thống, GV sẽ giới thiệu đồ dùng trực quan, yêu cầu HS miêu tả lại. Cuối cùng, GV chốt ý, sử dụng đồ dùng trực quan theo hướng phát triển năng lực. GV phải gợi mở những khía cạnh của đồ dùng trực quan để giúp HS tự khám phá, phát hiện kiến thức.

b) Cách tiến hành

Phương pháp dạy học trực quan trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí có thể tiến hành theo các bước sau:

Bước 1. Lựa chọn đồ dùng trực quan phục vụ chủ đề. Đồ dùng trực quan phục vụ dạy học trên lớp thuộc nhóm đồ dùng trực quan tạo hình hoặc quy ước. Việc lựa chọn đồ dùng trực quan thường căn cứ vào yêu cầu cần đạt của từng chủ đề.

Bước 2. Tổ chức và hướng dẫn HS khai thác thông tin từ đồ dùng trực quan

GV giới thiệu đồ dùng trực quan trong dạy học, đặt ra các câu hỏi, nhiệm vụ học tập cho HS. Để phát huy tính tích cực của HS, GV nên tổ chức cho HS quan sát đồ dùng trực quan, đặt thêm câu hỏi định hướng, gợi mở để HS tìm hiểu, khai thác những thông tin cơ bản được thể hiện qua đồ dùng trực quan.

Bước 3. Báo cáo kết quả, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả. Cả lớp lắng nghe và bổ sung ý kiến. GV và cả lớp thống nhất kết quả quan sát và những nội dung cơ bản.

2. Phương pháp kể chuyện

a) Khái niệm

Kể chuyện là phương pháp dạy học dùng lời nói trình bày một cách sinh động, có hình ảnh và truyền cảm hứng đến người nghe về một nhân vật lịch sử, một sự kiện lịch sử, một phát minh hay một vùng đất,... qua đó hình thành biểu tượng hoặc một khái niệm.

Các hình thức kể chuyện:

- GV trực tiếp kể chuyện, thông qua đó cung cấp thông tin bài học.
- HS tham gia kể chuyện sau khi đã tìm hiểu bài học, đối thoại để hiểu tình tiết chủ yếu của bài học lịch sử, địa lí hoặc đọc thêm tài liệu.
- Kể chuyện kết hợp với các phương tiện nghe nhìn, dưới dạng dẫn chuyện hoặc thuyết minh.
- Kể chuyện có thể xen kẽ với các nội dung khoa học khi HS đang tìm hiểu các chủ đề môn học.

b) Cách tiến hành

Từ đặc điểm của chương trình Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học, đặc điểm tâm sinh lí của HS và từ

định hướng đổi mới phương pháp dạy học, việc sử dụng phương pháp kể chuyện có thể tiến hành theo các bước sau:

Bước 1. Tổ chức cho HS tìm hiểu câu chuyện

GV xác định mục tiêu bài học, dự kiến nội dung cần tổ chức cho HS kể chuyện, trên cơ sở đó chuẩn bị các đồ dùng dạy học cần thiết và phiếu học tập cho các nhóm HS. Các câu hỏi trong phiếu học tập phải logic, gắn với diễn biến của các sự kiện và trình tự hoạt động của nhân vật.

- GV đặt câu hỏi làm cơ sở cho HS tìm hiểu câu chuyện.
- GV tổ chức cho HS xác định trên lược đồ, bản đồ diễn biến chiến dịch hoặc trận đánh.
- GV tổ chức cho HS xây dựng bảng niên biểu phản ánh diễn biến cuộc khởi nghĩa hoặc trận đánh.
- GV tổ chức cho HS sắp xếp hệ thống tranh liên hoàn.

Bước 2. Tổ chức cho HS thảo luận và kể chuyện trong nhóm

GV chia HS thành từng nhóm (mỗi nhóm từ 4 – 6 HS), phát phiếu học tập cho các nhóm, hướng dẫn nhiệm vụ thảo luận, cách kể chuyện trong nhóm cho HS, hướng dẫn cách diễn tả câu chuyện sao cho chính xác, sinh động, hấp dẫn.

Các nhóm HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập qua phiếu học tập và hướng dẫn của GV. Nhóm cử đại diện trình bày trước cả lớp, tiến hành làm việc với SGK, với các đồ dùng học tập (tranh ảnh, lược đồ,...). Sau đó, HS trao đổi, thảo luận và tập kể trong nhóm về các sự kiện, nhân vật lịch sử theo gợi ý của các câu hỏi trong phiếu học tập và qua hướng dẫn của GV. Các thành viên trong nhóm theo dõi và góp ý cho nhau về cách kể chuyện cho sinh động, hấp dẫn, kết hợp kể chuyện với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... lôi cuốn người nghe.

Bước 3. Tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp

Kết thúc thời gian thảo luận nhóm, đại diện các nhóm kể lại các sự kiện, nhân vật lịch sử, địa lí bằng ngôn ngữ của mình, kết hợp sử dụng tranh ảnh, tư liệu lịch sử, bản đồ, lược đồ,... (nếu cần thiết). Các nhóm khác theo dõi nội dung, cách kể chuyện của các bạn để có những nhận xét đánh giá chính xác. GV theo dõi phần trình bày, kể chuyện của đại diện các nhóm để nhận xét khách quan, công bằng, điều chỉnh những sai sót về kiến thức cũng như kĩ năng của HS.

Bước 4. Nhận xét và rút ra kết luận chung

Trên cơ sở tự đánh giá của HS, GV đưa ra nhận xét, đánh giá cuối cùng, biểu dương những nhóm hoạt động tích cực, có kết quả kể chuyện tốt, hay, sinh động. Đồng thời, GV cần nhấn mạnh những kiến thức trọng tâm của bài học được rút ra từ câu chuyện kể của HS.

3. Phương pháp dạy học hợp tác

a) Khái niệm

Dạy học hợp tác là phương pháp dạy học, trong đó HS được chia thành các nhóm nhỏ, cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, tìm cách giải quyết các vấn đề mà GV đặt ra, từ đó giúp HS tiếp thu kiến thức nhất định nào đó. Các vấn đề thảo luận nhóm cần có tính chất phức hợp, huy động được sự tranh luận, hợp tác của HS trong giải quyết nhiệm vụ học tập.

b) Cách tiến hành



Hình 1. Các bước tiến hành phương pháp dạy học hợp tác

Để vận dụng thành công phương pháp dạy học hợp tác, GV cần kết hợp nhiều kĩ thuật dạy học tích cực (những biện pháp, cách thức hành động của người dạy và người học trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học). Ví dụ như kĩ thuật “XYZ”, kĩ thuật “khăn trải bàn”, kĩ thuật “phòng tranh”, kĩ thuật “321”,...

4. Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề

a) Khái niệm

Giải quyết vấn đề là phương pháp dạy học, trong đó GV tạo ra những tình huống có vấn đề, kích thích HS phát hiện vấn đề, hoạt động tích cực, chủ động, sáng tạo giải quyết vấn đề. Từ đó, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Đặc trưng cơ bản của phương pháp này là tình huống “có vấn đề” vì tư duy chỉ xuất hiện khi gặp tình huống có vấn đề.

b) Cách tiến hành

Tùy vào đặc điểm nhận thức của HS mà GV có thể tổ chức dạy học giải quyết vấn đề theo các mức độ khác nhau, như:

– Mức 1: GV phát biểu vấn đề; GV hướng dẫn HS lập kế hoạch giải quyết; HS thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề; GV kiểm tra, đánh giá và kết luận.

– Mức 2: GV hỗ trợ HS nhận biết vấn đề; GV hướng dẫn HS lập kế hoạch giải quyết; HS thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề; GV kiểm tra, đánh giá và kết luận.

II. MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

1. Kỹ thuật “sơ đồ tư duy”

a) Khái niệm

Sơ đồ tư duy là hình thức trình bày thông tin trực quan. Thông tin được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và biểu diễn bằng các từ khoá, hình ảnh,... Thông thường, chủ đề hoặc ý tưởng chính được đặt ở giữa, các nội dung hoặc ý triển khai được đặt ở các nhánh chính và nhánh phụ xung quanh.

b) Cách tiến hành

Bước 1. Chuẩn bị phương tiện và các nội dung liên quan

- Bút lông với ít nhất 5 màu, giấy khổ lớn, keo dính,...
- Ngoài ra, cần chuẩn bị trước tên chủ đề, từ khoá và các biểu tượng để có thể khai thác chủ động và hiệu quả.

Bước 2. Vẽ sơ đồ tư duy

- Viết tên chủ đề ở trung tâm hoặc vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.
- Vẽ các nhánh chính từ chủ đề trung tâm. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, nên sử dụng từ khoá và viết bằng chữ in hoa. HS có thể dùng các biểu tượng nhằm mô tả thuật ngữ, từ khoá để gây hiệu ứng chú ý và ghi nhớ.
- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ, viết tiếp những nội dung thuộc nhánh phụ đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.
- Tiếp tục như vậy ở các nhánh phụ tiếp theo cho đến hết.

2. Kỹ thuật “KWL” và “KWLH”

a) Khái niệm

Kỹ thuật KWLH (Know – Want – Learn – How) là cách thức tổ chức hoạt động học tập, trong đó bắt đầu bằng việc HS sử dụng bảng KWLH để viết tất cả những điều đã biết và muốn biết liên quan đến vấn đề, chủ đề học tập. Trong và sau quá trình học tập, HS sẽ tự trả lời về những câu hỏi muốn biết và ghi nhận lại những điều đã học vào bảng.

Bảng 1. Bảng KWLH

K	W	L	H
Liệt kê những điều em đã biết về...	Liệt kê những điều em muốn biết thêm về...	Liệt kê những điều em đã học được về...	Liệt kê những cách học

b) Cách tiến hành

- Sau khi giới thiệu tổng quan và mục tiêu của vấn đề, chủ đề, GV yêu cầu HS điền những điều đã biết về vấn đề, chủ đề đó vào cột K của bảng.
- GV khuyến khích HS suy nghĩ và viết vào cột W những điều muốn tìm hiểu về vấn đề, chủ đề.
- Trong và sau quá trình học tập, HS điền vào cột L những điều vừa học được.
- HS liệt kê những cách học trong quá trình tiếp thu kiến thức vào cột H.
- Cuối cùng, HS sẽ so sánh với những điều đã ghi tại cột K và cột W để kiểm chứng tính chính xác của những điều đã biết (cột K), mức độ đáp ứng nhu cầu của những điều muốn biết (cột W) ban đầu.

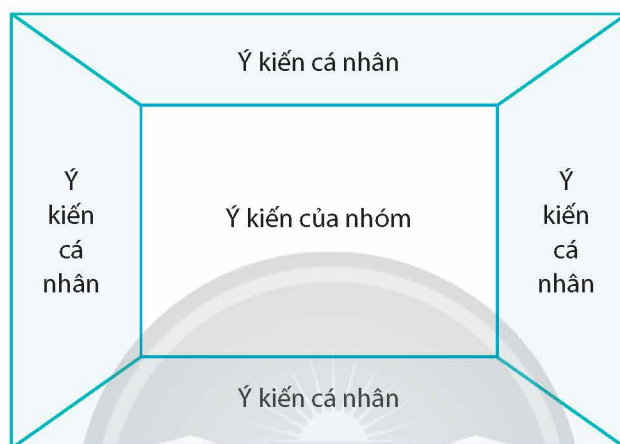
3. Kỹ thuật “khăn trải bàn”

a) Khái niệm

Kỹ thuật khăn trải bàn là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của HS.
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS.
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS.

b) Cách tiến hành



Hình 2. Sơ đồ của “khăn trải bàn”

- Mỗi người ngồi vào vị trí như hình 2.
- Tập trung trả lời câu hỏi hoặc chủ đề.
- Viết vào ô mang số của HS câu trả lời hoặc ý kiến của HS về chủ đề. Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng thời gian theo quy định của GV.
- Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời.
- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0).

E. ĐÁNH GIÁ TRONG TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

I. KHÁI NIỆM

Đánh giá HS trong tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lí 5 là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập; rèn luyện, hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS cấp Tiểu học.

II. CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá kết quả giáo dục HS diễn ra trong tiến trình

thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và một số biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS. Đánh giá thường xuyên nhằm cung cấp thông tin phản hồi cho GV để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là hoạt động đánh giá kết quả giáo dục HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học. Vào cuối học kì I và cuối năm học, môn Lịch sử và Địa lí có bài kiểm tra định kì.

3. Một số phương pháp đánh giá

– Phương pháp quan sát: GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình giảng dạy trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS.

– Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS: GV đưa ra các nhận xét về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung có liên quan.

– Phương pháp vấn đáp: GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

– Phương pháp kiểm tra viết: GV sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

Chân trời sáng tạo

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lý:
- + Trình bày được đặc điểm vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.
- + Kể được tên một số đơn vị hành chính ở Việt Nam.
- + Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lý:
- + Tìm, tra cứu hoặc sưu tầm thông tin cơ bản về ý nghĩa Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- + Khai thác lược đồ hoặc bản đồ để kể tên các quốc gia tiếp giáp, một số đơn vị hành chính ở Việt Nam.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ các quốc gia, biển,... tiếp giáp với Việt Nam.
- + Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: hoàn thành công việc theo sự phân công, hướng dẫn của GV.
- Giao tiếp và hợp tác: tích cực trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.

Phẩm chất

Yêu nước: yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu tượng của đất nước.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Hình 1 và hình 2 trong SGK gợi cho em điều gì về địa danh Lũng Cú và mũi Cà Mau?

GV trình chiếu những hình ảnh hoặc video về Lũng Cú, mũi Cà Mau. GV hướng dẫn HS tìm các thông tin có ý nghĩa biểu tượng của Việt Nam liên quan đến 2 địa danh hoặc thông tin có trong hình 1 và hình 2:

- Ở đâu: cực Bắc, cực Nam của Việt Nam.
- Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh: Hà Giang, Cà Mau.
- Quốc kì: cờ đỏ, sao vàng.

Chủ đề 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA

Bài 1



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lý của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.



Khởi động

Hãy nêu những điều em biết về hai địa danh trong hình 1 và hình 2.



Hình 1. Cột cờ Lũng Cú (Hà Giang)



Hình 2. Biểu tượng mũi Cà Mau (Cà Mau)



Khám phá

1. Vị trí địa lý và lãnh thổ

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Xác định trên bản đồ vị trí địa lý của Việt Nam.
- Mô tả hình dạng phần đất liền Việt Nam.

Việt Nam thuộc châu Á, nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với Biển Đông. Phần đất liền, Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc ở phía bắc, Cam-pu-chia (Cambodia) và Lào ở phía tây.

5

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lý và lãnh thổ Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 3 trong SGK để xác định vị trí địa lý và mô tả hình dạng phần đất liền của Việt Nam.

Bước 2. HS thực hiện.

Xác định trên bản đồ:

- Phạm vi lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền).
- Các quốc gia tiếp giáp: Trung Quốc (ở phía bắc), Lào và Cam-pu-chia (ở phía tây).
- Biển: Biển Đông (ở phía đông và nam).

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý: phần đất liền Việt Nam có hình chữ S, trải dài theo chiều Bắc – Nam, hẹp theo chiều ngang.



Hình 3. Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2022

6

Bước 4. GV nhận xét.

- Nhận xét và điều chỉnh kĩ năng xác định các đối tượng địa lí trên bản đồ cho HS (GV thực hiện đồng thời ở bước 2).
- Chuẩn kiến thức.

GV trao đổi thêm:

• Các điểm cực ở Việt Nam

Các điểm cực địa lí (gọi tắt là điểm cực) của Việt Nam là các địa điểm có toạ độ xa nhất về phía bắc, nam, đông, tây của Việt Nam, khi so với bất kì vị trí nào khác trên lãnh thổ của đất nước. Việt Nam có 6 điểm cực, trong đó 4 điểm trên đất liền và 2 điểm trên biển. Trong 4 điểm cực ở đất liền, điểm cực Bắc (Lũng Cú, Hà Giang) và điểm cực Tây (A Pa Chải,

Điện Biên) nằm trên đất liền. Điểm cực Nam (Đất Mũi, Cà Mau) và điểm cực Đông (Mũi Đồi, Khánh Hoà) tiếp cận biển. Hai điểm cực trên biển là hòn Đá Lẻ (Cà Mau) và hải đăng đảo Tiên Nữ (Khánh Hoà).

Cột cờ Lũng Cú (Hà Giang) từ lâu được biết đến là điểm cực Bắc của Tổ quốc. Tuy nhiên trên thực tế, toạ độ điểm cực Bắc được xem là chính xác còn cách cột cờ Lũng Cú vài km nữa. Ở điểm cực Nam (Cà Mau), mốc GPS 0001 cùng biểu tượng con tàu Đất Mũi cũng chưa phải là toạ độ chính xác. Điểm tương đối chính xác phải là bờ biển ở phía nam thuộc Khu du lịch Khai Long.

Cột cờ Lũng Cú và mốc GPS 0001 chưa phải toạ độ chính xác của điểm cực nhưng vẫn trong cùng một tỉnh. Tuy nhiên, điểm cực Đông đôi khi gây tranh cãi. Trước đây, hải đăng Mũi Điện (hay còn gọi là hải đăng Đại Lãnh, Phú Yên) được xem là điểm cực Đông. Vì vậy, một tấm bảng bằng đá hoa cương có ghi dòng chữ “Điểm cực Đông – Nơi đón bình minh đầu tiên trên đất liền Việt Nam” được dựng ở nơi này. Gần đây, toạ độ điểm cực Đông được xác định ở Mũi Đồi (bán đảo Hòn Gốm, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà).

• Phân cấp hành chính ở Việt Nam

Theo điều 110 Hiến pháp 2013 và điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, phân cấp hành chính Việt Nam gồm 3 cấp hành chính là:

- Cấp tỉnh: Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Cấp huyện: Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.
- Cấp xã: Xã, phường, thị trấn.

Ngoài ra còn có đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập.

Dưới xã có làng, thôn, bản, buôn, sóc, ấp,... Dưới phường, thị trấn có khu dân cư, khu phố, khu vực, khóm, ấp. Khi dân cư đông, thôn, làng dưới xã có thể chia ra các xóm, còn khu dân cư ở phường, thị trấn, chia ra tổ dân phố, dưới tổ dân phố còn chia ra cụm dân cư. Đây là cấp cơ sở không pháp nhân, phục vụ cho quản lí dân cư nhưng không được xem là cấp hành chính.

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và cho biết vị trí địa lí có ảnh hưởng như thế nào đến tự nhiên, hoạt động sản xuất ở Việt Nam.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Thuận lợi đối với tự nhiên: vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Thuận lợi đối với hoạt động sản xuất: tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, du lịch, giao thông vận tải; thúc đẩy giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- Khó khăn: nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, điển hình là bão.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các đơn vị hành chính ở Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 3 trong SGK và cho biết:

- Việt Nam có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Tên một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

Đến năm 2023, Việt Nam có 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm 58 tỉnh và 5 thành phố trực thuộc Trung ương:

- Thủ đô: Hà Nội.
- Thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ,...
- Tỉnh: Lai Châu, Khánh Hoà, Kiên Giang,...

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm: vùng đất, vùng biển và vùng trời. Phần đất liền Việt Nam có hình chữ S, trải dài theo chiều Bắc – Nam, hẹp theo chiều ngang. Vùng biển Việt Nam thuộc Biển Đông có nhiều đảo và quần đảo. Đường bờ biển dài khoảng 3 260 km.

2. Ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất

Đọc thông tin, em hãy cho biết vị trí địa lí có ảnh hưởng như thế nào đến tự nhiên và hoạt động sản xuất ở Việt Nam.

Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa: khí hậu nóng, ẩm; sinh vật phong phú;...

Vị trí địa lí tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, du lịch, giao thông vận tải; thúc đẩy giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam cũng nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, điển hình là bão.

3. Đơn vị hành chính

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Cho biết Việt Nam có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Kể tên một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam.

Việt Nam có 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm 58 tỉnh và 5 thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ). Thành phố Hà Nội là thủ đô của Việt Nam.

4. Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca

Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca là biểu tượng của đất nước và con người Việt Nam; thể hiện ý chí, truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy nêu ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca Việt Nam.

Quốc kì

Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, màu vàng tượng trưng cho dân tộc Việt Nam. Năm cánh sao tượng trưng cho năm tầng lớp: sĩ, nông, công, thương, binh cùng đoàn kết



Hình 4. Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Hoạt động khám phá 4. Hướng dẫn HS tìm hiểu về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát các hình 4, 5 trong SGK và cho biết ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca Việt Nam.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Ý nghĩa của Quốc kì: nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, màu vàng tượng trưng cho dân tộc Việt Nam. Năm cánh sao tượng trưng cho năm tầng lớp: sĩ, nông, công, thương, binh cùng đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam; lá cờ đỏ sao vàng năm cánh là niềm tự hào và biểu tượng thiêng liêng của dân tộc Việt Nam.

trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam; lá cờ đỏ sao vàng năm cánh là niềm tự hào và biểu tượng thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Quốc kì thể hiện cho sự thống nhất, độc lập, tự chủ và hoà bình của dân tộc Việt Nam.

Quốc huy

Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hình ảnh bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho nông nghiệp, bánh xe tượng trưng cho công nghiệp. Quốc huy thể hiện khát vọng nền hoà bình, độc lập, tự do và về một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng.



Hình 5. Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Quốc ca



Hình 6. Buổi lễ chào cờ của học sinh Trường Tiểu học Xuân Hương (Bắc Giang)

Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài *Tiến quân ca*, do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác năm 1944. Quốc ca mang theo ước vọng của dân tộc Việt Nam về độc lập, hoà bình và sự trường tồn.

Chào cờ Tổ quốc và hát Quốc ca là một nghi lễ thiêng liêng, nghi thức quan trọng, thể hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc và trách nhiệm của mỗi công dân đối với đất nước, với nhân dân.



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ về ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với một hoạt động sản xuất ở Việt Nam.
2. Xác định vị trí của 5 thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam trên hình 3.



Vận dụng

Lễ chào cờ và hát Quốc ca ở trường em thường diễn ra trong dịp nào?

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ về ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với một hoạt động sản xuất ở Việt Nam.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS:

- Xác định nội dung của sơ đồ (tham khảo nội dung của mục 2, trang 7 SGK).
- Lên ý tưởng về hình thức: loại sơ đồ, màu sắc, hình ảnh minh hoạ,...

2. GV yêu cầu HS xác định vị trí của 5 thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam trên hình 3 trong SGK.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS:

- Cách đọc tên đơn vị hành chính cấp tỉnh trên bản đồ.
- Cách xác định đối tượng dạng vùng trên bản đồ.
- Xác định trên bản đồ vị trí của tỉnh, thành phố HS đang học hoặc nơi HS có hộ khẩu,... (câu hỏi vận dụng).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS dựa vào kiến thức đã học và các hoạt động thực tế ở nhà trường để tìm hiểu thông tin về các dịp tổ chức lễ chào cờ và hát Quốc ca.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS một số hoạt động ở nhà trường có lễ chào cờ và hát Quốc ca như lễ chào cờ đầu tuần, lễ khai giảng, cuộc thi về nghi thức đội,...

GV có thể yêu cầu HS chia sẻ cảm nghĩ khi thực hiện nghi thức chào cờ và hát Quốc ca.

Quốc kì thể hiện cho sự thống nhất, độc lập, tự chủ và hoà bình của dân tộc Việt Nam.

- Ý nghĩa của Quốc huy: hình ảnh bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho nông nghiệp, bánh xe tượng trưng cho công nghiệp. Quốc huy thể hiện khát vọng nền hoà bình, độc lập, tự do và về một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng.
- Ý nghĩa của Quốc ca: Quốc ca mang theo ước vọng của dân tộc Việt Nam về độc lập, hoà bình và sự trường tồn.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 4 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...).
- + Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- + Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- + Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- + Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Khai thác lược đồ tự nhiên Việt Nam, xác định được một số mỏ khoáng sản chính.
- + Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: đề xuất và thực hiện được một số biện pháp nhằm bảo vệ môi trường ở địa phương.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với các thành viên trong nhóm và trước lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện vấn đề, đặt câu hỏi, nêu ý kiến làm sáng tỏ thông tin.

Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào và có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
- Trách nhiệm: sẵn sàng hành động bảo vệ tài nguyên và môi trường; tham gia hoạt động tích cực.
- Chăm chỉ: chủ động học tập, tìm hiểu về thiên nhiên Việt Nam.

Bài 2

THIÊN NHIÊN VIỆT NAM



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...).
- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



Khởi động

Hãy chia sẻ nhận xét của em về thiên nhiên ở các hình 1, 2.



Hình 1. Cảnh quan thiên nhiên ở Cao Bằng



Hình 2. Cảnh đồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long



Khám phá

1. Đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam

Địa hình và khoáng sản

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Trình bày đặc điểm địa hình Việt Nam.
- Kể tên và xác định trên lược đồ một số khoáng sản chính của Việt Nam.

9

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV có thể chọn 1 trong 2 gợi ý sau để khởi động bài học:

- Gợi ý 1: GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu “Hãy chia sẻ nhận xét của em về thiên nhiên ở các hình 1, 2”.

Lưu ý: GV có thể gợi ý cho HS nhận xét về cảnh quan, địa hình, thực vật,... từ đó liên hệ đến hoạt động sản xuất của người dân.

- Gợi ý 2: GV thiết kế trò chơi “Tôi hiểu biết” để HS đoán và trả lời nhanh về các địa danh tự nhiên liên quan đến núi, sông, hồ, biển của nước ta.

Lưu ý: GV cân đối thời gian tổ chức trò chơi khởi động từ 5 – 7 phút. GV cần nêu rõ luật chơi, cách chơi để đảm bảo trò chơi diễn ra trong thời gian quy định.



Hình 3. Lược đồ tự nhiên Việt Nam

Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi, chiếm khoảng $\frac{3}{4}$ diện tích phần đất liền. Phần lớn các dãy núi có hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung. Đồng bằng chiếm khoảng $\frac{1}{4}$ diện tích phần đất liền. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có diện tích lớn, khá bằng phẳng; các đồng bằng duyên hải miền Trung hẹp và bị chia cắt bởi các dãy núi nhỏ lan ra sát biển.

Việt Nam có nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng. Phần lớn các mỏ khoáng sản có quy mô trung bình và nhỏ. Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn như than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, thiếc, a-pa-tít (apatite), bô-xít (bauxite),...

Khí hậu

Đọc thông tin, em hãy trình bày đặc điểm của khí hậu Việt Nam.

Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm cao, trên 20°C. Tổng lượng mưa lớn, trung bình trên 1500 mm/năm. Việt Nam chịu tác động của hai mùa gió chính là gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông.

Khí hậu Việt Nam có sự khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam. Miền Bắc có hai mùa chính là mùa nóng và mùa lạnh. Miền Nam có khí hậu nóng quanh năm với hai mùa là mùa khô và mùa mưa.

Sông ngòi

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy trình bày một số đặc điểm của sông ngòi Việt Nam.

Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc. Sông ngòi chảy theo hai hướng chính là tây bắc – đông nam và vòng cung. Các sông lớn có nhiều nước và phù sa. Lượng nước của sông ngòi thay đổi theo mùa.



Hình 4. Sông Hồng – đoạn chảy qua thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long

Đất

Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy trình bày một số đặc điểm của đất ở Việt Nam.

Việt Nam có hai nhóm đất chính là đất phù sa và đất phe-ra-lit (feralit).

Đất phe-ra-lit phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi, có màu đỏ vàng đến nâu đỏ. Đất phù sa phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng, khá màu mỡ.



Hình 5. Đất phe-ra-lit (Lâm Đồng)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam

Bước 1. GV chia lớp thành các nhóm và thông tin nhiệm vụ cho nhóm đọc thông tin, thiết kế một sơ đồ tư duy về đặc điểm thiên nhiên Việt Nam.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Địa hình và khoáng sản:
- + Địa hình chủ yếu là đồi núi. Các dãy núi có hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung. Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng là hai đồng bằng lớn nhất, khá bằng phẳng. Đồng bằng ven biển miền Trung hẹp, bị chia cắt.
- + Khoáng sản phong phú, đa dạng. Một số loại khoáng sản chính như dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt, bô-xít, a-pa-tít,...
- Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự khác nhau giữa miền Nam và miền Bắc.
- Sông ngòi:
- + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, chảy theo hai hướng chính là tây bắc – đông nam và vòng cung.
- + Các sông lớn có nhiều nước và phù sa. Lượng nước của sông ngòi thay đổi theo mùa.
- Đất:
- + Việt Nam có hai nhóm đất chính là đất phù sa và đất phe-ra-lit.
- + Đất phù sa tập trung chủ yếu ở đồng bằng. Đất phe-ra-lit phân bố ở vùng đồi núi.
- Rừng: có nhiều kiểu rừng, phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi. Tỷ lệ che phủ rừng ngày càng tăng.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu ảnh hưởng của thiên nhiên Việt Nam đến sản xuất và đời sống

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 7 trong SGK và yêu cầu HS:

- Nêu vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và giao thông vận tải.
- Thiên nhiên cũng mang đến nhiều khó khăn như thiên tai thường xuyên xảy ra, đặc biệt là bão, lũ lụt,... Địa hình nhiều đồi núi và mạng lưới sông ngòi dày đặc ảnh hưởng đến giao thông vận tải, xây dựng,...

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV có thể mở rộng, giới thiệu thêm một số khó khăn khác như diện tích rừng tự nhiên không còn nhiều; đất bị suy thoái, bạc màu diễn ra ngày càng phổ biến. Khoáng sản có nguy cơ cạn kiệt, nhiều khoáng sản khó khai thác do công nghệ chưa đáp ứng. Vào mùa khô, mực nước sông hạ thấp, gây tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất ở một số khu vực.

Rừng

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy trình bày một số đặc điểm cơ bản của tài nguyên rừng ở Việt Nam.

Việt Nam có nhiều kiểu rừng như rừng kín thường xanh, rừng trên núi đá vôi, rừng ngập mặn, rừng tre nứa,... Rừng chiếm hơn $\frac{2}{5}$ diện tích phần đất liền (năm 2021). Trong những năm gần đây, diện tích rừng đã tăng lên đáng kể, chủ yếu do trồng mới. Rừng được phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi và ven biển. Ở đồng bằng, diện tích rừng còn rất ít.



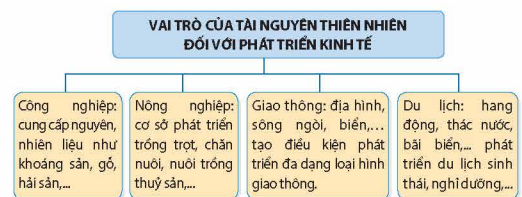
Hình 6. Rừng kín thường xanh ở vườn quốc gia Cúc Phương (Ninh Bình, Hoà Bình, Thanh Hoá)

2. Ảnh hưởng của thiên nhiên Việt Nam đến sản xuất và đời sống

Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy:

- Nêu vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.

Thiên nhiên Việt Nam có ý nghĩa lớn trong phát triển kinh tế, đặc biệt vai trò của tài nguyên thiên nhiên với công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và du lịch.



Hình 7. Sơ đồ thể hiện vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế

Tuy nhiên, Việt Nam thường chịu ảnh hưởng của các thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất,... Địa hình đồi núi nhiều chia cắt, chế độ nước sông thay đổi theo mùa,... ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất.

12

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát một số hình ảnh hoặc video về vấn đề môi trường của địa phương để nêu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên: cần khai thác hợp lý, khoa học; chú ý đổi mới công nghệ khai thác và chế biến; tái chế.
- Phòng, chống thiên tai:

3. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

Đọc thông tin và quan sát các hình 8, 9, 10, 11, em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



Hình 8. Trồng rừng ven biển (Cà Mau)



Hình 9. Trồng dừa trên đất dốc (Điện Biên)



Hình 10. Tàu thuyền neo đậu tránh bão năm 2021 (Đà Nẵng)



Hình 11. Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở Việt Nam



Luyện tập

- Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm của một trong những thành phần thiên nhiên Việt Nam.
- Tại sao tài nguyên thiên nhiên có vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống?



Vận dụng

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

- Sưu tầm tranh, ảnh về một loại tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, sau đó giới thiệu về vai trò của loại tài nguyên đó với các bạn cùng lớp.
- Vẽ một bức tranh nhằm tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hoặc phòng, chống thiên tai.

13

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

- GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm của một trong những thành phần thiên nhiên Việt Nam.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS:

- Xác định nội dung của sơ đồ (tham khảo nội dung trang 10 – 12 SGK).
- Lên ý tưởng về hình thức: loại sơ đồ, màu sắc, hình ảnh minh họa,...

- GV yêu cầu HS giải thích vì sao tài nguyên thiên nhiên có vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS tham khảo nội dung trang 12 SGK kết hợp đưa ví dụ liên hệ thực tế để chứng minh tài nguyên thiên nhiên có vai trò quan trọng.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm tranh, ảnh về một loại tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, sau đó giới thiệu về vai trò của loại tài nguyên đó với các bạn cùng lớp hoặc vẽ một bức tranh nhằm tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hoặc phòng, chống thiên tai.

Lưu ý: HS lựa chọn hình thức phù hợp. GV có thể gợi ý một số tiêu chí cụ thể để HS giải quyết vấn đề hiệu quả như độ phân giải của hình ảnh, màu sắc, bố cục, nội dung; một số tiêu chí tranh vẽ như màu sắc, bố cục, nội dung, ý tưởng,...

- Thực hiện hiệu quả theo Luật Phòng, chống thiên tai, đẩy mạnh tuyên truyền.
- Chú ý trồng và bảo vệ rừng, dự báo thông tin thời tiết kịp thời.
- Chủ động di dân khi có thiên tai hoặc di dời ra khỏi các khu vực nguy hiểm như sạt lở đất, lũ quét,...
- Kiên cố các công trình như đê, hồ, đập,...

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV có thể mở rộng một số thông tin về thiên tai, chú ý đến vấn đề của địa phương.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa,...).
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm cũng như trình bày trước lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện vấn đề, nêu ý kiến làm sáng tỏ thông tin.

Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.
- Chăm chỉ: chủ động học tập, tìm hiểu về biển, đảo Việt Nam.



BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa...).
- Sưu tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.



Khởi động

Em hãy kể tên các tỉnh, thành phố ven biển ở Việt Nam mà em biết.



Khám phá

01. Khái quát về biển, đảo Việt Nam

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.

Vùng biển Việt Nam thuộc Biển Đông. Việt Nam có nhiều đảo và quần đảo, trong đó hai quần đảo lớn là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Ba đảo lớn nhất Việt Nam là đảo Phú Quốc (Kiên Giang), đảo Cát Bà (Hải Phòng) và đảo Cái Bầu (Quảng Ninh).



Em có biết?

Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất Việt Nam. Năm 2021, Phú Quốc trở thành thành phố đảo đầu tiên và được mệnh danh là “Đào Ngọc” với nhiều địa điểm du lịch hấp dẫn.

14

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu khái quát về biển, đảo Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 1 và yêu cầu HS xác định vị trí vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV có thể chọn 1 trong 2 gợi ý sau để khởi động bài học:

- Gợi ý 1: GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Em hãy kể tên các tỉnh, thành phố ven biển ở Việt Nam mà em biết. HS dùng giấy ghi chú liệt kê nhanh trong 2 phút tên các tỉnh, thành phố giáp biển. GV gọi HS liệt kê theo vòng tròn cho đến hết.
- Gợi ý 2: GV thiết kế trò chơi “Ong tìm chữ” với khoảng 6 – 8 tỉnh, thành phố giáp biển trên giấy A5 với các gợi ý gắn gửi, đơn giản để HS có thể tìm ra. Sau khi tìm xong, HS chia sẻ một số thông tin ngắn gọn mà HS đã biết về tỉnh, thành phố đó.

GV giới thiệu thêm một số hình ảnh đặc sắc về các địa danh được nhắc đến trong trò chơi.

Lưu ý: GV cân đối thời gian tổ chức trò chơi khởi động trong 5 phút. GV cần nêu rõ luật chơi, cách chơi để đảm bảo trò chơi diễn ra trong thời gian quy định.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Bước 1. GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ: HS xem video, đọc thông tin về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, ghi chú lại một số thông tin cơ bản, các mốc thời gian có liên quan.

Bước 2. HS thực hiện, GV hỗ trợ.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Từ thế kỉ XVII, nhà nước Việt Nam thực hiện hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí và khai thác tài nguyên ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- Năm 1838, vua Minh Mạng cho vẽ *Đại Nam nhất thống toàn đồ*.
- Thời Pháp thuộc, bia chủ quyền được Pháp dựng ở quần đảo Hoàng Sa.
- Năm 1982, Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa, tham gia *Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982*.
- Năm 2002, Việt Nam kí *Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông*.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV trao đổi thêm:

Tờ lệnh ngày 15 – 4 đã góp phần khẳng định: từ xa xưa, Việt Nam đã thực hiện chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Tờ lệnh ngày 15 – 4 gồm có 4 trang, mỗi trang dài 36 cm, rộng 24 cm. Tờ lệnh có nội dung: “Theo tờ tư (một loại hình văn bản hành chính) của Bộ binh nhận được tháng trước có đoạn trình bày: Vâng theo sắc lệnh, Bộ đã tư cho tỉnh chuẩn bị điều động trước 3 chiếc thuyền lớn, cho tu sửa chắc chắn đợi tại kinh, Phái viên (người của triều đình được cử đi thực hiện công vụ) và Biển binh (chức quan võ cấp thấp trong quân đội thời phong kiến), thủy quân



Hình 1. Lược đồ biển, đảo Việt Nam

2. Công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, em hãy trình bày một số nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

15

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Phạm vi: thuộc Biển Đông.
- Các đảo lớn: Phú Quốc, Cái Bầu, Cát Bà, Phú Quý, Lý Sơn,...
- Các quần đảo: Hoàng Sa, Trường Sa, Thổ Chu, Nam Du, Côn Sơn, Cô Tô,...

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

- Đảo có nguồn gốc núi lửa tiêu biểu như Lý Sơn – là điểm đến hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước.
- Một số đảo có diện tích lớn với hệ sinh thái đa dạng, có vườn quốc gia trên đảo là Phú Quốc, Cát Bà, Côn Đảo,...
- Một số đảo nhỏ, nằm ven bờ, nổi tiếng như hòn Tre (Khánh Hòa), Cù lao Chàm (Quảng Nam),... với ngành du lịch phát triển.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

đến trước để hiệp đồng nhanh chóng đi khảo sát các xứ của Hoàng Sa. Hãy tuân mệnh...”

Tuy chỉ thể hiện ở 4 trang nhưng tờ lệnh chứa đựng nhiều thông tin, góp phần minh chứng, trước năm 1834, quần đảo Hoàng Sa đã thuộc phạm vi quản lí của Việt Nam. Tờ lệnh nêu rõ danh tính, quê quán của từng binh thuyền vâng mệnh triều đình đi lính ở quần đảo Hoàng Sa.

Tờ lệnh còn xác thực thêm những thông tin ghi chép về cách thức tổ chức của đội Hoàng Sa, phiên chế, cách tuyển chọn, thời gian xuất hành,... Tờ lệnh giúp khẳng định rằng mỗi năm vua Minh Mạng đều có huy động thuyền và lính ra quần đảo Hoàng Sa. Đó là việc rất quan trọng, được phối hợp hoạt động chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương trong việc lập bản đồ, cắm mốc chủ quyền, trồng cây và bảo vệ quần đảo Hoàng Sa.

Tờ lệnh này đã bổ sung vào kho tư liệu lịch sử, pháp lí khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, kết nối chặt chẽ với hệ thống tư liệu, di tích liên quan đến đội Hoàng Sa, lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa,...

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận quan trọng của lãnh thổ Việt Nam. Qua nhiều thế kỉ, ông cha ta không ngừng khẳng định và đấu tranh nhằm bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Từ thế kỉ XVIII, nhà nước Việt Nam thực hiện nhiều hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí và khai thác tài nguyên ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Năm 1838, vua Minh Mạng cho vẽ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* thể hiện rõ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là của Việt Nam. Thời Pháp thuộc, bia chủ quyền được Pháp dựng ở quần đảo Hoàng Sa.



Em có biết?

Theo sách “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn, vào đầu thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn thành lập “đội Hoàng Sa” và sau thêm đội Bắc Hải để giương buồm vượt sóng ra khơi tìm kiếm sản vật, đo đạc đường biển, tuần phòng trên Biển Đông. Họ cắm cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.



Hình 2. Tượng đài Đội Hoàng Sa kiểm quản Bắc Hải (Quảng Ngãi)



Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa

Lễ Khao lễ thể lính là một nghi lễ trang trọng được tổ chức trước khi đội Hoàng Sa đi làm nhiệm vụ quản lí và khai thác sản vật trên vùng biển ở quần đảo Hoàng Sa. “Khao lễ” là lễ khao định kì hàng năm, còn “thể lính” là việc cúng tế mạng cho những binh phu ra đảo. Lễ thức gồm các lễ nhỏ như lễ yết, lễ cung nghinh, lễ thả thuyền,... Năm 2013, lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa được ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

(Theo Hà Minh Hồng – Trần Nam Tiến – Nguyễn Kim Hoàng – Ngô Hữu Phước, Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019)



Hình 3. Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa được tổ chức tại huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)

16

Chân trời sáng tạo

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

- Câu 1, câu 2: GV có thể lồng ghép cho HS thực hiện trong quá trình giảng dạy.
- Câu 3: GV gợi ý một số thông tin liên quan đến câu chuyện và bài thơ về biển, đảo Việt Nam. HS sưu tầm, chia sẻ trước lớp vào tiết học sau.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS viết một bức thư thể hiện sự biết ơn gửi đến các chú bộ đội ở hải đảo xa đang ngày đêm làm nhiệm vụ canh giữ, bảo vệ bình yên cho Tổ quốc. HS có thể thực hiện tại lớp nếu được dặn chuẩn bị trước hoặc về nhà làm.

Lưu ý: GV có thể thêm 1 – 2 nhiệm vụ khác có độ khó tương đương để HS lựa chọn một trong các nhiệm vụ phù hợp.

Năm 1982, Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa), tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Năm 2002, Việt Nam kí Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông.

Việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông có ý nghĩa to lớn đối với phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng.



Hình 4. Chiến sĩ hải quân canh gác cột mốc chủ quyền trên đảo Trường Sa (huyện đảo Trường Sa, Khánh Hòa)

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thông tin về biển, đảo Việt Nam theo mẫu dưới đây vào vở:

Nội dung	Thông tin
Vùng biển Việt Nam	?
Tên một số quần đảo	?
Tên một số đảo	?

2. Nêu một số bằng chứng để khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông.

3. Suy nghĩ, kể lại một câu chuyện hoặc đọc một bài thơ về biển, đảo Việt Nam, sau đó nêu ý nghĩa của câu chuyện hoặc bài thơ đó.

Vận dụng

Viết một bức thư thể hiện sự biết ơn gửi đến các chú bộ đội ở hải đảo xa đang ngày đêm làm nhiệm vụ canh giữ, bảo vệ bình yên cho Tổ quốc.

17

Kiến thức bổ trợ

• Đội Hoàng Sa

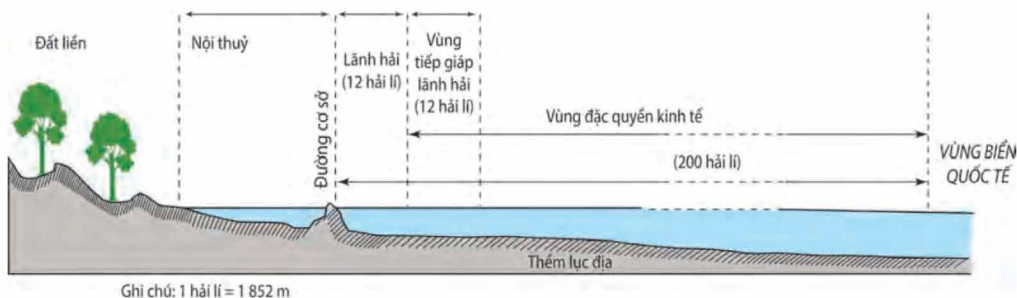
Các tài liệu lịch sử đều ghi lại đội Hoàng Sa được thành lập từ thời Chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Phạm vi hoạt động của đội Hoàng Sa vào thời kì mới thành lập chủ yếu ở quần đảo Hoàng Sa. Sau đó, lãnh thổ biển, đảo mở rộng về phía nam, Chúa Nguyễn quyết định lập thêm đội Bắc Hải. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn viết “Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận, hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần dò, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của tàu và các thứ đổi mỗi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai Cai đội Hoàng Sa kiêm quản”. Như vậy, đội Bắc Hải hoạt động ở quần đảo Trường Sa, vùng biển, đảo phía nam Biển Đông và vịnh Thái Lan. Tuy hoạt động độc lập nhưng đội Bắc Hải vẫn do đội Hoàng Sa kiêm quản.

Đội Hoàng Sa được tổ chức theo hình thức bán quân sự, hoạt động với chức năng chủ yếu là bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Trong *Phủ biên*

tạp lục, Lê Quý Đôn đã khảo tả khá cụ thể về hoạt động chính của đội Hoàng Sa: “... cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Ở đây tha hồ bắt chim, bắt cá mà ăn. Lấy được hoá vật của tàu, như là gương, ngựa, hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiến, cùng là kiếm lượm vỏ đồi mồi, vỏ hải ba, hải sâm, hột ốc vãn rất nhiều. Đến kì tháng 8 thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vãn, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng trở về”. Đội Hoàng Sa mỗi năm có đến nửa năm không chính thức hoạt động ngoài biển khơi nên họ được điều động đi làm các công việc khác.

• Các bộ phận của vùng biển Việt Nam

Vùng biển Việt Nam bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.



Hình 1. Sơ đồ mặt cắt khái quát vùng biển Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam năm 2012)

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được đặc điểm dân cư (số dân, gia tăng dân số, phân bố dân cư,...) của Việt Nam.
- + Kể được tên các dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Tìm, tra cứu hoặc sưu tầm thông tin cơ bản về văn hoá một số dân tộc ở Việt Nam.
- + Khai thác bảng số liệu để so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Nhận xét một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam.
- + Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: nhận ra được những bất đồng giữa bản thân với các bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết chia sẻ và quan tâm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

Phẩm chất

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về trang phục, tính cách, hoàn cảnh gia đình,...
- Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn.

Bài 4

DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.
- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.



Khởi động

Ở cột cờ Lũng Cú (Hà Giang), Quốc kì Việt Nam có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m và tổng diện tích là 54 m². Theo em, con số 54 cho biết thông tin gì về dân tộc Việt Nam?



Khám phá

1. Dân cư

• Quy mô dân số

Đọc thông tin và dựa vào bảng 1, em hãy cho biết:

- Số dân Việt Nam năm 2021.
- Các quốc gia có số dân lớn hơn và số dân nhỏ hơn Việt Nam năm 2021.

Việt Nam là nước đông dân. Năm 2021, số dân Việt Nam khoảng 98 504 nghìn người, xếp thứ 15 trên thế giới và thứ 3 ở khu vực Đông Nam Á.

Bảng 1. Số dân của Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á năm 2021

Quốc gia	Số dân (nghìn người)
Bru-nây (Brunei)	445
Cam-pu-chia	16 589
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	273 753
Lào	7 425
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	33 574
Mi-an-ma (Myanmar)	53 798
Phi-líp-pin (Philippines)	113 880
Xin-ga-po (Singapore)	5 941
Thái Lan	71 601
Ti-mo Lét-xtê (Timor-Leste)	1 321
Việt Nam	98 504

*Số liệu của Việt Nam lấy từ Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2022

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022)

18

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về quy mô dân số Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, bảng 1 trong SGK và yêu cầu HS cho biết:

- Số dân Việt Nam năm 2021.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV có thể chọn 1 trong 2 gợi ý sau để khởi động bài học:

- Gợi ý 1: GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Ở cột cờ Lũng Cú (Hà Giang), Quốc kì Việt Nam có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m và tổng diện tích là 54 m². Theo em, con số 54 cho biết thông tin gì về dân tộc Việt Nam?

Lưu ý: HS có thể trả lời chưa chính xác. GV chuyển thành tình huống có vấn đề để dẫn dắt HS tò mò, có nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới.

- Gợi ý 2: GV trình chiếu hình ảnh hoặc video về một số dân tộc ở Việt Nam (HS đã học ở SGK *Lịch sử và Địa lí 4* – bộ sách Chân trời sáng tạo) và đặt câu hỏi: Tên dân tộc là gì? Dân tộc đó sinh sống ở đâu (vùng nào)?

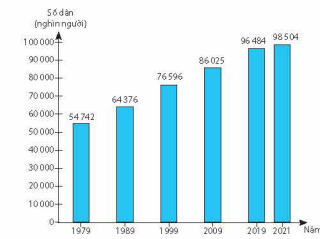
Gia tăng dân số

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Nhận xét sự gia tăng số dân của Việt Nam giai đoạn 1979 – 2021.
- Nêu một số hậu quả do dân số tăng nhanh gây ra.

Số dân Việt Nam tăng nhanh, cung cấp nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn nhưng đồng thời cũng gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường,...

Hiện nay, tốc độ tăng dân số ở Việt Nam đã giảm.



Hình 1. Biểu đồ thể hiện số dân Việt Nam giai đoạn 1979 – 2021

Phân bố dân cư

Đọc thông tin và dựa vào bảng 2, em hãy:

- Nêu số dân của mỗi vùng. Cho biết vùng đông dân nhất và vùng ít dân nhất Việt Nam.
- Nêu một số hậu quả do phân bố dân cư chưa hợp lý gây ra.

Bảng 2. Số dân các vùng ở Việt Nam năm 2021

Các vùng	Số dân (nghìn người)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	14 275
Đồng bằng Bắc Bộ	21 872
Duyên hải miền Trung	20 585
Tây Nguyên	6 034
Nam Bộ	35 738

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2022)

Năm 2021, mật độ dân số Việt Nam cao gấp 5 lần so với mức trung bình của thế giới. Việt Nam có dân cư đông đúc nhưng phân bố không đều. Phần lớn dân cư sinh sống ở các khu vực đồng bằng. Khoảng $\frac{2}{3}$ dân cư tập trung ở khu vực nông thôn.

19

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về gia tăng dân số ở Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 1 trong SGK và yêu cầu HS cho biết:

- Sự gia tăng số dân của Việt Nam giai đoạn 1979 – 2021.
- Dân số tăng nhanh gây ra những hậu quả gì.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Giai đoạn 1979 – 2021:
 - + Nhìn chung số dân tăng khá nhanh (GV có thể yêu cầu HS trả lời số dân tăng thêm trong giai đoạn này).

+ Hiện nay, số dân Việt Nam đang tăng nhưng tốc độ tăng dân số đã giảm.

- Một số hậu quả do dân số tăng nhanh: ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường,... (nghèo đói, thiếu việc làm, ô nhiễm môi trường, ...).

Lưu ý: GV cung cấp thêm ý nghĩa tích cực do dân số tăng: cung cấp nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Bước 4. GV nhận xét.

- Các quốc gia có số dân lớn hơn và số dân nhỏ hơn Việt Nam năm 2021.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Số dân Việt Nam năm 2021: 98 504 nghìn người (GV hướng dẫn HS chuyển sang đơn vị triệu người).
- Các quốc gia có số dân lớn hơn Việt Nam: In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin.
- Các quốc gia có số dân nhỏ hơn Việt Nam: các quốc gia còn lại trong khu vực Đông Nam Á.

Bước 4. GV nhận xét.

Lưu ý: mục đích của các nhiệm vụ học tập trong mục này giúp HS tự hình thành kiến thức mới về quy mô dân số Việt Nam thông qua quá trình quy nạp.

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về phân bố dân cư ở Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, bảng 2 trong SGK và yêu cầu HS cho biết:

- Số dân của mỗi vùng. Vùng nào đông dân nhất và vùng nào ít dân nhất Việt Nam?
- Phân bố dân cư chưa hợp lý gây ra những hậu quả gì.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Dựa vào bảng 2 trong SGK để trả lời về số dân các vùng ở Việt Nam, từ đó HS rút ra nhận xét phân bố dân cư ở Việt Nam không đều, số dân giữa các vùng có sự chênh lệch rất lớn.

- Nơi tập trung dân cư quá đông gây khó khăn cho giải quyết việc làm, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, ... Nơi dân cư thưa thớt sẽ gây thiếu lao động.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 4. Hướng dẫn HS tìm hiểu về dân tộc ở Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 2 trong SGK và yêu cầu HS cho biết:

- Việt Nam có bao nhiêu dân tộc. Kể tên một số dân tộc.
- Một số nét văn hoá của các dân tộc ở Việt Nam.
- Một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Việt Nam có 54 dân tộc.
- Một số dân tộc: Kinh, Mông, Thái, Tày, Nùng, Ê Đê, Ba Na,... (HS kể tên bất kì dân tộc nào trong 54 dân tộc ở Việt Nam. GV khuyến khích HS nhớ lại tên các dân tộc ở các vùng đã học trong SGK *Lịch sử và Địa lí 4* – bộ sách Chân trời sáng tạo).
- Mỗi dân tộc có những nét văn hoá riêng, thể hiện ở tiếng nói, nếp sống, phong tục, tín ngưỡng, nghệ thuật, ẩm thực,... (GV có thể minh hoạ hoặc dạy mở rộng về một số nét văn hoá của các dân tộc Việt Nam).

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS dựa vào bảng 1 trong SGK, so sánh số dân Việt Nam với số dân của Xin-ga-po, Lào, Cam-pu-chia.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS:

- Thực hiện các phép toán đã học.
 - Khắc sâu kiến thức: Việt Nam có quy mô dân số lớn trên thế giới.
2. GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ về hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS:

- Xác định nội dung của sơ đồ (tham khảo nội dung trang 19 SGK).
- Lên ý tưởng về hình thức: loại sơ đồ, màu sắc, hình ảnh minh hoạ,...

Nơi tập trung dân cư quá đông gây khó khăn cho giải quyết việc làm, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường... Nơi dân cư thưa thớt sẽ gây thiếu lao động. Vì vậy, phân bố dân cư chưa hợp lí gây nhiều bất lợi cho phát triển kinh tế và đời sống người dân.

2. Dân tộc

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Cho biết Việt Nam có bao nhiêu dân tộc. Kể tên một số dân tộc.
- Nêu một số nét văn hoá của các dân tộc ở Việt Nam.
- Kể một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.

Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc, bao gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Người Kinh có số lượng đông nhất, các dân tộc còn lại như người Mông, Thái, Tày, Nùng,... có số lượng ít hơn. Mỗi dân tộc có những nét văn hoá riêng, thể hiện ở tiếng nói, nếp sống, phong tục, tín ngưỡng, nghệ thuật, ẩm thực,... tạo nên sự đa dạng trong văn hoá Việt Nam.



a) Lễ hội Hoa Ban của các dân tộc vùng Tây Bắc (Điện Biên)



b) Lễ hội Đua ghe ngo của dân tộc Khơ-me (Khmer) (Sóc Trăng)



c) Lễ hội Cầu ngư của dân tộc Kinh (Đà Nẵng)

Hình 2. Lễ hội truyền thống của một số dân tộc ở Việt Nam

Trong công cuộc xây dựng đất nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm, truyền thống đoàn kết của các dân tộc Việt Nam đã hình thành và phát triển.



Thủ lĩnh Xa Khá Tham với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Chuyện kể rằng, trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427), khi nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động ra vùng núi Bắc Bộ, đã nhận được sự ủng hộ của các thủ lĩnh địa phương, trong đó có Xa Khá Tham (người dân tộc Thái). Hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn và Xa Khá Tham ở tỉnh Sơn La, Hoà Bình, Phú Thọ... thu hút sự tham gia của các dân tộc như Mường, Thái,... Đồng bào tiếp tế lương thực, voi, ngựa cho nghĩa quân, góp phần giúp nghĩa quân Lam Sơn phát triển lực lượng, tiến tới chiến thắng quân Minh xâm lược. (Theo Địa chí Hoà Bình, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

20

KIẾN THỨC BỔ TRỢ

• Hậu quả của dân số tăng nhanh

- Gây sức ép lớn đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường do hoạt động khai thác quá mức để phục vụ nhu cầu con người. Trong khi số dân ngày càng tăng, nguồn tài nguyên thiên nhiên trở nên cạn kiệt và lượng khí thải ra môi trường ngày càng nhiều.
- Dẫn đến tình trạng thiếu việc làm, tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS dựa vào kiến thức đã học ở mục 2, trang 20 – 21 SGK, kết hợp với thông tin trong tài liệu giáo dục địa phương để kể lại một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết của các dân tộc ở địa phương em sinh sống.



Cuộc khởi nghĩa Võ Trứ chống thực dân Pháp

Võ Trứ (1852 – 1898) và Trần Cao Vân (1866 – 1916) là những người yêu nước, ủng hộ phong trào Cần vương chống Pháp. Sau khi phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định thất bại, Võ Trứ và Trần Cao Vân tập hợp lực lượng để chống Pháp ở Trung Kỳ. Phong trào được sự ủng hộ tích cực của các già làng và đồng bào người Ê Đê, Chăm, Ba Na,... cũng như các nhà sư, nhà yêu nước người Kinh. Năm 1898, nghĩa quân Võ Trứ tiến hành một số hoạt động đánh Pháp. Trên đường tiến công, nghĩa quân được nhân dân các dân tộc trong vùng đón mừng, tiếp tế lương thực và gia nhập nghĩa binh làm cho lực lượng tăng lên rất nhanh. Tuy nhiên, do chênh lệch về lực lượng và vũ khí, cuộc khởi nghĩa Võ Trứ thất bại, nhưng đây là một trong những minh chứng cho tinh thần đoàn kết, yêu nước chống quân xâm lược của đồng bào các dân tộc Việt Nam.

(Theo Địa chí Phú Yên, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003)



Em có biết?

Nhân dịp Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku (Gia Lai) ngày 19 – 4 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư chúc mừng và căn dặn: “Hôm nay đồng bào khai hội, sum họp một nhà thật là vui vẻ (...). Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xơ Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau (...)”.



Luyện tập

- Dựa vào bảng 1, so sánh số dân Việt Nam với số dân của Xin-ga-po, Lào, Cam-pu-chia.
- Vẽ sơ đồ về hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lý theo mẫu dưới đây vào vở:



Vận dụng

Hãy kể lại một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết của các dân tộc ở địa phương em sinh sống.

21

từ năm 1965. Công ước lên án nạn phân biệt chủng tộc và xác lập nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết và không trì hoãn các chính sách nhằm loại trừ những hình thức phân biệt dựa trên chủng tộc, màu da, dòng dõi, dân tộc hoặc gốc người thiểu số.

Việt Nam tham gia Công ước CERD từ năm 1982 và đã 4 lần bảo vệ thành công Báo cáo quốc gia thực thi Công ước CERD vào các năm 1983, 1993, 2000, 2012. Đây là cơ hội để Việt Nam tuyên truyền về những thành tựu bảo vệ nhân quyền, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với dân tộc thiểu số và người nước ngoài ở Việt Nam, góp phần bác bỏ các vu cáo, xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với Việt Nam, cũng như tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam và cộng đồng quốc tế.

Trong giai đoạn 2013 – 2019, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích nổi bật trong công tác đại đoàn kết toàn dân, hỗ trợ các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế – xã hội, xoá đói giảm nghèo, bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết,... giúp Liên hợp quốc và bạn bè quốc tế có cái nhìn toàn diện hơn về Việt Nam.

Việt Nam cam kết thực hiện quyền và nghĩa vụ của quốc gia thành viên công ước qua những thành tựu đã đạt được trong công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ giá trị quyền con người nói chung và những nỗ lực của Việt Nam trong việc góp phần xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, phân biệt đối xử nói riêng.

Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ, phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc hoặc kích động thù hằn dân tộc. Những hành vi phân biệt chủng tộc hoặc hỗ trợ các hoạt động gây chia rẽ, kì thị và phân biệt chủng tộc đều bị pháp luật Việt Nam nghiêm cấm, trừng trị nghiêm khắc (theo Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Công chức, Luật Viên chức, Luật Lao động,...).

tăng cao. Dân số tăng kéo theo nguồn lao động tăng, nhu cầu việc làm tăng lên trong khi việc làm đáp ứng không kịp thời, dẫn đến tình trạng thiếu việc làm trầm trọng.

- Gia tăng áp lực lên giáo dục, y tế, an sinh xã hội, giao thông, nhà ở,... Điều này ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và sức khoẻ của người lao động, cũng như khả năng tiếp thu kiến thức và kỹ năng mới.
- Tác động tiêu cực đến các vấn đề xã hội khác. Dân số gia tăng đồng thời kết hợp với di dân do quá trình đô thị hoá đã gây khó khăn cho quản lý trật tự an toàn xã hội.

• Việt Nam với Công ước CERD

Công ước CERD là Công ước Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, ra đời

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (*Sơn Tinh – Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...*), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự sưu tầm được thông tin về những bằng chứng khảo cổ học về Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về những thông tin liên quan đến Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

Phẩm chất

Trách nhiệm: bảo vệ những bằng chứng khảo cổ học về Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV yêu cầu HS đọc phần Khởi động trong SGK, xác định thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng (Sự hình thành Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, Trống đồng Đông Sơn, Châu bản Triều Nguyễn) và chia sẻ điều em biết về thành tựu đó. Về thành tựu của nền văn minh sông Hồng, HS đã được học trong chương trình lớp 4, GV khuyến khích HS nhớ lại hoặc dẫn dắt cho các em nhớ lại. GV cũng có thể cung cấp hình ảnh thêm về các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng: Sự hình thành Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, Trống đồng Đông Sơn để HS hoàn thành phần Khởi động, dẫn vào bài học. GV cũng có thể nói thêm Châu bản Triều Nguyễn là gắn với thời kì sau.

Ngoài phần Khởi động trong SGK, GV có thể dùng sơ đồ khu di tích Đền Hùng trong SGK *Lịch sử và Địa lí 4* – bộ sách Chân trời sáng tạo trang 29 để tổ chức hoạt động khởi động với HS và dẫn dắt vào bài.

Chủ đề 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Bài 5

NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (*Sơn Tinh – Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...*), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.



Khởi động

Thành tựu tiêu biểu nào sau đây là của nền văn minh sông Hồng? Chia sẻ điều em biết về thành tựu đó.

Sự hình thành Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc

Trống đồng Đông Sơn

Châu bản Triều Nguyễn



Khám phá

1. Sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy trình bày sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc.

Khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên (TCN), Nhà nước Văn Lang ra đời, đứng đầu là Hùng Vương, kinh đô đặt ở Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ ngày nay). Đây là nhà nước đầu tiên của nước ta với thành phần cư dân chính là người Lạc Việt. Sau kháng chiến chống Tần thắng lợi (năm 208 TCN), Thục Phán đã lập ra nước Âu Lạc, xưng là An Dương Vương, đóng đô ở Phong Khê (nay là Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).

Sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc được phản ánh qua các truyền thuyết về thời kì Hùng Vương và An Dương Vương như *Con Rồng cháu Tiên, Hùng Vương*

22

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2 trong SGK, trình bày sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc (thời gian ra đời, kinh đô của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, kết hợp khai thác các truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học liên quan đến hai nhà nước).

GV dùng phần Thuật ngữ để hướng dẫn cho HS về thuật ngữ “trước Công nguyên (TCN)” là khoảng thời gian trước năm 1 Công nguyên. TCN sẽ được tính là khoảng thời gian trước Công nguyên cộng khoảng thời gian Công nguyên – khoảng hơn 2 000 năm tính đến hiện nay).

chọn đất đóng đô, An Dương Vương xây Thành Cổ Loa,... và những bằng chứng khảo cổ học về nền văn hoá Đông Sơn như trống đồng Đông Sơn, dấu vết Thành Cổ Loa,...



Hùng Vương chọn đất đóng đô

Vua Hùng đến nhiều vùng dọc sông Thao, sông Đà chọn đất đóng đô cho nước Văn Lang nhưng chưa tìm được nơi phù hợp. Một hôm, vua tới một vùng đất trước mặt có ba con sông tụ hội, hai bên là núi Tân Viên – Tam Đảo châu về đối núi gần xa. Giữa những quả đồi xanh tốt ấy có ngọn núi lớn hình voi mẹ nằm giữa đàn con. Phóng tầm mắt nhìn ra bốn phía thấy ba bãi rộng bồi đắp phù sa, bốn mặt cây xanh, hoa tươi quả ngọt, vua mừng rỡ, khen thế đất vững bền, thực là đất hợp muôn dân. Vua quyết định đặt đô ở đó, gọi tên là thành Phong Châu.

(Theo Nguyễn Khắc Xương, Truyền thuyết Hùng Vương, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2012)



Sự tích Thành Cổ Loa

Vào buổi đầu lập nước Âu Lạc, An Dương Vương đã chọn Phong Khê làm nơi đóng đô. Để bảo vệ kinh đô, vua cho xây Thành Cổ Loa tại đây. Thành cứ đắp cao lên lại đổ sụp xuống. Nhiều lần như vậy, An Dương Vương rất lo lắng. Nhà vua lập đàn cầu trời phù hộ. Bỗng một cụ già râu tóc bạc trắng hiện lên, nói với vua rằng: “Sáng mai, nhà vua ra đón ở bờ sông, sẽ có thần Kim Quy đến giúp”.

Hôm sau, khi trời còn tờ mờ sáng, An Dương Vương đã ra tận bờ sông đợi. Trời vừa hết sương thì có một con rùa vàng rất lớn bơi vào bờ, tự xưng mình là thần Kim Quy, sứ giả của vua Thủy Tề. Nhờ có thần Kim Quy giúp đỡ, chẳng bao lâu, thành đã đắp xong. Thành có ba vòng, xoắn như hình trôn ốc, gọi là Thành Cổ Loa.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)



Hình 1. Trống đồng Hoàng Hạ



Hình 2. Cổng đền thờ An Dương Vương thuộc khu di tích Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)

23

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

Về khai thác các truyền thuyết, GV có thể thiết kế các câu trắc nghiệm (dạng điền khuyết hoặc nối câu, sắp xếp các câu vào đúng truyền thuyết).

Lưu ý: tuy trong bài học không có phần nội dung về *Truyền thuyết con Rồng cháu Tiên* nhưng GV cần khai thác lại truyền thuyết này trong SGK *Lịch sử và Địa lí 4* – bộ sách Chân trời sáng tạo trang 31. Sau đó, GV khai thác 2 truyền thuyết trong SGK *Lịch sử và Địa lí 5* – bộ sách Chân trời sáng tạo trang 23.

GV trao đổi thêm:

• **Về kết cấu:** Khu di tích Cổ Loa nằm trên địa phận 3 xã Cổ Loa, Dục Tú và Việt Hùng thuộc huyện Đông Anh (Hà Nội), cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 17 km về phía bắc. Kết quả của các cuộc khảo sát từ xưa đến nay (năm 2023) đều cho thấy sự hiện diện của ba vòng thành cổ cùng hào nước, sông, hồ và nhiều gò đồng, lũy đất làm nên một toà thành có quy mô lớn với tổng chu vi là 16 000 m, diện tích là 46 ha.

• **Về mặt vật chứng:** theo kết quả nghiên cứu khảo cổ học, thành Cổ Loa đã phát lộ những hình thể của di tích toà thành còn lại như sau:

- Tường thành Ngoại: là một vòng tường khép kín nối những gò đồng tự nhiên nên không có hình dáng rõ ràng. Chất liệu đắp thành nếu nhìn ngoài thì hoàn toàn là đất nhưng qua các lát cắt khảo cổ thấy ở chân thành có lớp đá kê, trên là lớp đất sét. Tường thành Ngoại nhiều đoạn đã bị phá huỷ (chiều dài: 7 880 m, chiều cao: 3 – 4 m, chiều rộng: 13 – 20 m).
- Tường thành Trung: là một vòng tường khép kín không có hình dáng xác định do đắp nối các gò tự nhiên và men theo đầm, hồ mà thành (chiều dài: 6 310 m, chiều cao: 6 – 12 m, chiều rộng: 20 m).
- Tường thành Nội: thành Nội dạng hình chữ nhật, được xây dựng theo bốn hướng chính: nam, bắc, tây, đông nhưng chỉ mở cửa ở chính giữa tường thành phía nam. Quanh tường thành Nội có đắp 12 ụ đất nhô ra ngoài gọi là hoả hồi, được đắp rất cân xứng, mỗi tường ngang có 2 chiếc, mỗi tường dọc có 4 chiếc (chiều dài: 1 730 m, chiều cao: 5 m, chiều rộng: 20 m).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, 7 trong SGK, mô tả đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc và cho biết đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc được thể hiện như thế nào qua truyền thuyết *Vua Hùng dạy dân cấy lúa*.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể cung cấp thêm về những truyền thuyết liên quan đến đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc để HS tìm các thông tin liên quan đến đời sống kinh tế: *Truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh*: khai thác các chi tiết như một trăm ván cơm nếp, một trăm tệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi; *Sự tích Dưa hấu*: khai thác các chi tiết về biển, đời sống trên đảo, nghề trồng dưa hấu; *Sự tích cây kiệu*: khai thác các chi tiết về trồng trọt, cấy cấy, cách trồng cây kiệu,...

GV trao đổi thêm:

Mộ thuyền là hình thức mai táng khá phổ biến của cư dân Việt cổ. Quan tài Việt Khê được tạo từ một thân cây gỗ lim khoét rỗng. Ngoài một số đồ tùy táng bị mủn nát (đồ dệt, đồ đan) còn có hơn 100 đồ tùy táng khác, bao gồm: đồ dùng sinh hoạt (bình, thố, chậu,...), công cụ lao động (rìu, giũa, đục,...), vũ khí chiến đấu (lao, giáo, kiếm, dao găm,...),... Trong đó, có một số hiện vật khá độc đáo như chiếc muôi đồng trên cán có tượng người thổi khèn, mảnh da có dấu sơn, đồ gỗ,... đã giúp chúng ta hiểu thêm về đời sống kinh tế – xã hội của cư dân Đông Sơn, đặc biệt là một số ngành nghề thủ công truyền thống như nghề đúc đồng, thuộc da, nghề sơn, nghề mộc.

2. Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, 7, em hãy:

– Mô tả đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

– Cho biết đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc được thể hiện như thế nào qua truyền thuyết *"Vua Hùng dạy dân cấy lúa"*.

Cư dân Văn Lang, Âu Lạc chủ yếu sống bằng nghề nông trồng lúa nước. Họ dùng lưỡi cày, lưỡi hái, cuốc, rìu,... bằng đồng làm công cụ sản xuất và chế tạo các đồ dùng phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt như thạp đồng, thau, chậu, bình gốm, muôi đồng,...



Hình 3. Thạp đồng Đào Thịnh



Hình 4. Muôi đồng



6a



Hình 5. Bình gốm



6b



Em có biết?

Mộ thuyền Việt Khê được tìm thấy ở xã Phú Ninh, huyện Thuỷ Nguyên (Hải Phòng), bên trong chứa hơn 100 hiện vật gồm nhiều công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt, vũ khí chiến đấu,... của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. Mộ thuyền Việt Khê được công nhận là Bảo vật quốc gia vào năm 2013.



Hình 7. Mộ thuyền Việt Khê

24

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 8, 9, 10 trong SGK, trình bày công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và cho biết *Sự tích nỏ thần* phản ánh công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Âu Lạc như thế nào.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.



Vua Hùng dạy dân cấy lúa

Thuở xưa, người dân chưa biết cấy lúa mà chỉ sống bằng săn bắt thú rừng, thu lượm rễ cây, hoa quả và các loại rau dại, lúa hoang nhặt được. Nhân thấy, vùng đất ven sông hàng năm được phủ sa bồi thêm màu mỡ, vua Hùng tổ chức cho dân đến đắp bờ giữ nước. Thấy lúa mọc hoang nhiều, vua mới bày cách cho dân gặt hạt, gieo mạ. Khi mạ lên xanh thì đem cấy vào ruộng có nước. Từ đó, nghề nông được hình thành và đem lại cuộc sống no ấm cho người dân.

(Theo Nguyễn Khắc Xương, *Truyền thuyết Hùng Vương*, Sdd)

3. Công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

Đọc thông tin và quan sát các hình 8, 9, 10, em hãy:

- Trình bày công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
- Cho biết “Sự tích nỏ thần” phản ánh công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Âu Lạc như thế nào.

Từ khi lập nước, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã nhiều lần chiến đấu chống giặc phương Bắc xâm lược. Đến năm 179 TCN, Âu Lạc bị quân của Triệu Đà – vua nước Nam Việt (thuộc Trung Quốc) tấn công và bị sáp nhập vào Nam Việt. Công cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước của người dân Văn Lang, Âu Lạc được thể hiện qua các truyền thuyết như *Thánh Gióng*, *Sự tích nỏ thần*.



Hình 8. Rìu chiến



Hình 9. Mũi tên đồng



Hình 10. Lẫy nỏ

25



Sự tích nỏ thần

Sau khi Thành Cổ Loa được xây xong, An Dương Vương rất lo lắng về việc bảo vệ thành. Thấy được bản khoán của nhà vua, thần Kim Quy lại hiện lên và trao cho vua một chiếc vuốt để làm lẫy nỏ chống giặc.

Nhờ có nỏ thần, giặc phương Bắc nhiều lần xâm lược nước ta đều thất bại. Triệu Đà thấy vậy bèn xin giảng hòa và sai con trai là Trọng Thủy sang cầu hôn công chúa Mỵ Châu nhằm tìm hiểu bí mật của nước Âu Lạc. Vua An Dương Vương đã đồng ý chọn Trọng Thủy làm rể. Một thời gian sau, Trọng Thủy đã đánh tráo nỏ thần và đem về nước dâng cho Triệu Đà. Do mất cánh giặc, quân An Dương Vương thua trận. Nước ta bị giặc phương Bắc đô hộ.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Sdd)



Luyện tập

1. Kể tên một số truyền thuyết, hiện vật khảo cổ liên quan đến sự ra đời và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.
2. Truyền thuyết *Vua Hùng dạy dân cấy lúa* cho em biết điều gì về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?



Vận dụng

Sưu tầm và kể lại một số truyền thuyết có liên quan đến đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc (gợi ý: *Truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy*; *Sự tích Dưa hấu*;...).

GV trao đổi thêm:

Vũ khí bằng chất liệu đồng thau thời Văn Lang, Âu Lạc vừa đa dạng về loại hình, vừa độc đáo về kiểu dáng và tính năng sử dụng. Vũ khí giai đoạn này đã phát triển đồng bộ cả về tính năng và kĩ thuật trong quân sự như: vũ khí đánh gần – vũ khí đánh xa, vũ khí tấn công – vũ khí phòng hộ,... Các loại hình chính gồm: giáo, lao, dao găm, đinh ba, kiếm, qua, rìu chiến, lẫy nỏ, mũi tên đồng, tấm che ngực, bao đeo vũ khí,...

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS kể tên một số truyền thuyết, hiện vật khảo cổ liên quan đến sự ra đời và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. GV có thể chiếu hình ảnh và cho HS kể tên hoặc có thể chuẩn bị các mảnh ghép để HS ghép hình về truyền thuyết, hiện vật.
2. GV yêu cầu HS khai thác truyền thuyết *Vua Hùng dạy dân cấy lúa* để mô tả lại đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. GV cũng có thể khai thác hỏi về các truyền thuyết, sự tích cũng như các hiện vật khác.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm và kể lại một số truyền thuyết có liên quan đến đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc (gợi ý: *Truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy*; *Sự tích Dưa hấu*;...). Đây là phần HS chuẩn bị trước ở nhà và thực hiện tại lớp hoặc về nhà làm.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.
- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự sưu tầm được thông tin về những bằng chứng khảo cổ học về nước Phù Nam.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về những thông tin liên quan đến nước Phù Nam.

Phẩm chất

Trách nhiệm: bảo vệ những bằng chứng khảo cổ học về nước Phù Nam.

Bài 6

VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.
- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.



Khởi động

Địa bàn chủ yếu của nước Phù Nam thuộc Nam Bộ Việt Nam ngày nay. Em hãy kể tên một số tỉnh ở khu vực này.



Khám phá

1. Sự thành lập nước Phù Nam

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy trình bày sự thành lập của nước Phù Nam.

Nước Phù Nam ra đời vào thế kỉ I, thể hiện qua một số bằng chứng di chỉ khảo cổ học như Ốc Eo (An Giang), Nền Chùa và Cạnh Đền (Kiên Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp). Sự thành lập của Phù Nam được gắn với truyền thuyết về cuộc hôn nhân giữa Hồn Diên và Liễu Diệp.



Hình 1. Dấu tích nền đất bằng gạch do cư dân Phù Nam xây dựng ở Ốc Eo (An Giang)

27

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV yêu cầu HS đọc phần Khởi động trong SGK: Địa bàn chủ yếu của nước Phù Nam thuộc Nam Bộ Việt Nam ngày nay. Em hãy kể tên một số tỉnh ở khu vực này.

GV chuẩn bị bản đồ vùng Nam Bộ Việt Nam ngày nay, giới thiệu địa bàn vùng Tây Nam Bộ và yêu cầu HS lên bảng xác định một số tỉnh của khu vực này. GV cũng có thể sử dụng bản đồ trong SGK *Lịch sử và Địa lí 5* – bộ sách Chân trời sáng tạo trang 6 để hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này.

Tây Nam Bộ (còn gọi là Đồng bằng sông Cửu Long) là đồng bằng được bồi đắp chủ yếu bởi phù sa của sông Tiền và sông Hậu, gồm các tỉnh, thành phố như: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Hậu Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang.

Ngoài phần Khởi động trong SGK, GV có thể dùng hình ảnh dưới đây về Vương quốc Phù Nam để dẫn vào bài. Tuy nhiên, nếu vậy, phần nội dung vị trí địa lí GV nên đưa vào mục 1 vì nội dung này tuy không nằm trong yêu cầu cần đạt nhưng sẽ là nền tảng để HS biết về vị trí của Vương quốc cổ Phù Nam.



Hình 1. Một số hiện vật của cư dân cổ Phù Nam

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về sự thành lập nước Phù Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 1 trong SGK, trình bày sự thành lập của nước Phù Nam (thời gian ra đời của Vương quốc cổ Phù Nam kết hợp khai thác truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học liên quan đến nhà nước).

Lưu ý: GV chủ yếu tập trung vào phần bằng chứng khảo cổ học liên quan đến nền văn hoá Óc Eo với các di chỉ. Riêng phần truyền thuyết: có rất ít truyền thuyết liên quan đến sự ra đời của Vương quốc cổ Phù Nam, trong đó, truyền thuyết về Hồn Diên – Liễu Diệp có nhiều dị bản nên GV dừng lại ở việc giới thiệu cho HS, không tập trung vào phân tích các chi tiết trong truyền thuyết. Trọng tâm của bài là giới thiệu cho HS về một vương quốc cổ ở phía Nam có tên gọi là Phù Nam với thành phần cư dân là người Phù Nam. Cư dân cổ Phù Nam là chủ nhân của văn hoá Óc Eo, nền văn hoá lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long vào 7 thế kỉ đầu Công nguyên. Các nội dung khác như quá trình phát triển, sự sụp đổ vào thế kỉ VII, mối quan hệ của Phù Nam với các quốc gia khác trong khu vực,..., HS sẽ được học trong các cấp học cao hơn.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

Văn hoá Óc Eo là một trong ba nền văn hoá lớn cùng tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam, đó là văn hoá Đông Sơn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; văn hoá Sa Huỳnh ở Duyên hải miền Trung và văn hoá Óc Eo ở Nam Bộ. Tên gọi “văn hoá Óc Eo” do nhà khảo cổ học người Pháp Lu-i Ma-lơ-rét (Louis Malleret) đặt sau khi tổ chức cuộc khai quật khảo cổ tại một gò đất cao trên cánh đồng hướng đông núi Ba Thê vào tháng 2 – 1944, ông gọi đó là gò Óc Eo (nay thuộc thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang). Và danh xưng này không lâu sau đó đã lan rộng khắp Nam Bộ vì nhiều tỉnh, thành trong khu vực cũng đã phát hiện nhiều di chỉ tương tự.

Những di vật, phế tích và các giá trị của nền văn hoá Óc Eo thuộc nội hàm của một vương quốc cổ được các thư tịch Trung Hoa ghi chép lại, đó là Vương quốc Phù Nam, đã từng tồn tại từ thế kỉ I đến thế kỉ VII.

Văn hoá Óc Eo được hình thành trên nền tảng của các nhóm cư dân bản địa là chủ yếu, dần dần cộng hưởng thêm các yếu tố ngoại sinh hình thành nên nhà nước sơ khai với tên gọi Phù Nam, tồn tại từ thế kỉ I đến thế kỉ VII, gắn với *Truyền thuyết Hồn Diên – Liễu Diệp* nổi tiếng, đã được sử sách Trung Hoa ghi chép nhiều.

Lãnh thổ của Vương quốc Phù Nam vào thời kì cực thịnh rất rộng lớn và nước này đã kiểm soát hầu hết tuyến thương mại hàng hải quốc tế đi qua hải phận của khu vực Đông Nam Á: phía bắc lên tới vùng Nam Trung Bộ (Việt Nam); phía tây kiểm soát cả vùng thung lũng sông Mê Nam (Thái Lan); phía nam kéo dài tới phía bắc bán đảo Mã Lai,...

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, 5, 6, 7 trong SGK, kể tên và mô tả các hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

Lưu ý: GV có thể chia HS thành các nhóm nhỏ để quan sát hình ảnh và hoàn thành bảng mô tả về các hiện vật khảo cổ (gợi ý: màu sắc, chất liệu, kiểu dáng).

GV cho HS tự do mô tả hiện vật theo quan sát của các em.

GV trao đổi thêm về sự thịnh vượng của Vương quốc Phù Nam với các hiện vật còn sót lại.

GV trao đổi thêm:

– Gốm Phù Nam

“Gốm Phù Nam được chế tác bằng kĩ thuật bàn xoay điêu luyện. Chất liệu gốm đặc trưng, thô và mịn, áo gốm có một số màu khác nhau như vàng nhạt, xám, hồng, xanh nhạt... Các bình gốm nhiều kiểu dáng, cao cổ, tròn. Một số bình có vòi và nắp”.

(Lương Ninh, *Một con đường Sử học*,

NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2015, trang 525 – 526)

– Đồ trang sức



a)



b)

Hình 2. Mặt dây chuyền (a) và vàng lá (b)



Truyện thuyết Hồn Diên – Liễu Diệp

Thuở xưa, Vương quốc Phù Nam được cai trị bởi Nữ vương Liễu Diệp. Lúc bấy giờ, tại nước Ấn Độ có một chàng trai tên là Hồn Diên, đêm nằm mộng được thần ban cho làm vua. Hôm sau, Hồn Diên đến đền thần và tìm thấy một cây cung. Chàng cùng với một số chiến binh dong thuyền tới Phù Nam. Liễu Diệp thấy thuyền lạ đến nên dẫn quân ra bắt giữ. Hồn Diên giương cung từ xa bắn, quân Liễu Diệp không chống trả được, xin hàng. Về sau, hai người kết hôn và cùng cai trị nước Phù Nam.

(Theo Lương Ninh, *Vương quốc Phù Nam – Lịch sử và văn hoá*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2005)

2. Một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, 5, 6, 7, em hãy kể tên và mô tả các hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

Trên địa bàn sinh sống của cư dân Phù Nam xưa, nhiều hiện vật khảo cổ học đã được tìm thấy như đồ gốm, tượng Phật, đồ trang sức,...

Đồ gốm



Hình 2. Bình gốm cao

Hình 3. Bình gốm có vòi

Hình 4. Lì gốm

28

Cư dân Phù Nam đã kì công sáng tạo ra những món đồ trang sức rất tinh xảo và có thể nói là đỉnh cao của nghệ thuật. Họ đã biết cách mài thạch anh để làm nên một chuỗi trang sức. Kĩ thuật khoan, chạm khắc trên những vật thể cứng như mã não, đá ru-bi (ruby), sa-phia (sapphire) đã được cư dân Phù Nam sử dụng thành thạo.

Những hiện vật như nhẫn, mặt dây chuyền, khuyên tai bằng vàng và đặc biệt là mã não, thạch anh có khắc hình sư tử và hình người ngồi, hình thần Si-va (Shiva),... được tìm thấy nhiều. Đặc biệt, không chỉ phát hiện ra đồ trang sức, các nhà khảo cổ còn phát hiện cả khuôn đúc đồ trang sức bằng đá. Điều này minh chứng tính bản địa của các món đồ trang sức cổ.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS nêu những tư liệu liên quan đến Vương quốc cổ Phù Nam (lưu ý vẫn liệt kê cả truyền thuyết).
2. GV yêu cầu HS chọn và mô tả hai hiện vật khảo cổ học của cư dân Phù Nam mà em ấn tượng. GV có thể cho HS vẽ tranh về hiện vật, sau đó để các em mô tả.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS viết một bức thư ngắn giới thiệu về Vương quốc Phù Nam cho một người bạn của em. Tùy đối tượng HS mà GV xác định dung lượng, thể thức,... GV cần đưa các tiêu chí rõ ràng nếu muốn đánh giá hoạt động. HS có thể thực hiện tại lớp hoặc về nhà làm.

Nghệ thuật tạc tượng



Hình 5. Tượng Phật gỗ Phù Nam

Đồ trang sức



Hình 6. Vòng cổ bằng đá

Hình 7. Nhẫn vàng



Em có biết?

Tượng Phật đứng của cư dân Phù Nam được tìm thấy nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, di chỉ Nền Chùa ở tỉnh Kiên Giang khai quật được 20 pho tượng. Đặc biệt, một số tượng này được tạc bằng gỗ, có pho tượng cao 2,2 m.



Luyện tập

1. Em biết về Vương quốc cổ Phù Nam qua những tư liệu nào?
2. Chọn và mô tả hai hiện vật khảo cổ học của cư dân Phù Nam mà em ấn tượng.



Vận dụng

Viết một bức thư ngắn giới thiệu về Vương quốc Phù Nam cho một người bạn của em.

29

– Cà ràng

Cà ràng là loại lò đất có đáy giữ tro, có thể đun bằng củi hoặc than rất thuận tiện khi ở trên nhà sàn hay di chuyển trên ghe, thuyền. Ngày nay, cà ràng vẫn được sử dụng khá phổ biến ở vùng nông thôn Tây Nam Bộ.



a)



b)

Hình 3. Hiện vật (a) và bếp sử dụng trong đời sống (b)

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) mô tả được một đền tháp Chăm-pa.
- + Tìm hiểu và kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự sưu tầm được thông tin về đền tháp Chăm-pa.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về những thông tin liên quan đến đền tháp Chăm-pa.

Phẩm chất

Trách nhiệm: bảo vệ đền tháp Chăm-pa.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV yêu cầu HS kể tên một số di sản ở vùng Duyên hải miền Trung. Đây là nội dung HS đã được học trong chương trình Lịch sử và Địa lí lớp 4. GV khuyến khích HS nhớ lại kiến thức đã học. Ngoài ra, GV có thể đưa nhiều di sản của các vùng miền khác để HS lựa chọn, sau đó dẫn dắt vào bài.

Ngoài phần Khởi động trong SGK, GV có thể dùng hình ảnh về các lễ hội của người Chăm được tổ chức tại các tháp Chăm như lễ hội Ka-tê để dẫn dắt vào bài.



Hình 1. Lễ hội Ka-tê tại tỉnh Ninh Thuận

Bài 7

VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa (Champa) còn lại cho đến ngày nay.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) mô tả được một đền tháp Chăm-pa.
- Tìm hiểu và kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.



Khởi động

Hãy kể tên một số di sản ở vùng Duyên hải miền Trung mà em biết.



Khám phá

1. Vị trí một số đền tháp Chăm-pa

Quan sát hình 1, em hãy kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay.

Vương quốc Chăm-pa ra đời vào thế kỉ II ở miền Trung Việt Nam ngày nay. Cư dân Chăm-pa thường xây dựng các đền tháp để làm nơi thờ cúng thần linh và sinh hoạt cộng đồng. Đền tháp Chăm-pa trở thành biểu tượng văn hoá và tôn giáo của dân tộc Chăm.



Hình 1. Lược đồ một số đền tháp Chăm-pa ở Việt Nam

30

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí một số đền tháp Chăm-pa

Bước 1. GV hướng dẫn HS quan sát hình 1 trong SGK, kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay.

Lưu ý: trước khi HS thực hiện nhiệm vụ, GV giới thiệu về thời gian ra đời, địa bàn của Vương quốc Chăm-pa. Tuy nhiên, GV không cần xác định phạm vi cụ thể của địa bàn vì địa bàn Chăm-pa thay đổi theo thời gian và những nội dung này HS sẽ được học trong các cấp học cao hơn.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về kiến trúc của đền tháp Chăm-pa

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 2 trong SGK, mô tả một đền tháp Chăm-pa.

Lưu ý: GV tập trung vào kiến trúc tháp, tránh sa vào lịch sử tháp, các giai thoại về tên tháp, ... Trong SGK đã có Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam), GV cho HS quan sát, mô tả về màu sắc, kiểu dáng và tập trung vào các chi tiết: kiểu hình tháp với những tầng bậc thu nhỏ dần đến đỉnh, mỗi tầng hình trang trí được lặp lại giống nhau.

Không gian bên trong đền tháp khá chật hẹp, cánh cửa chính thường mở về hướng đông. Ngoài ra, GV có thể cho HS mô tả về đền tháp Bánh Ít (Bình Định) hoặc đền tháp Pô Klong Ga-rai (Ninh Thuận) đã có hình ảnh trong SGK.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

2. Kiến trúc của đền tháp Chăm-pa

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy mô tả một đền tháp Chăm-pa.

Các đền tháp Chăm-pa thường được xây bằng gạch nung màu đỏ. Trong mỗi khu đền tháp, các tháp có kiểu dáng đa dạng. Một trong những khu đền tháp tiêu biểu của cư dân Chăm-pa là Mỹ Sơn.

Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Phần lớn các đền tháp được xây theo kiểu hình tháp với những tầng bậc thu nhỏ dần đến đỉnh, mỗi tầng hình trang trí được lặp lại giống nhau. Không gian bên trong đền tháp khá chật hẹp, cánh cửa chính thường mở về hướng đông.



Hình 2. Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam)

Em có biết?

Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn nằm trong danh sách xếp hạng các di tích quốc gia đặc biệt quan trọng. Từ năm 1999, khu di tích này đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá thế giới.

3. Một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy kể lại một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.



Tên gọi của đền tháp Bánh Ít

Tương truyền, người dân địa phương quan sát thấy hình dáng tháp giống chiếc bánh ít (một loại bánh đặc sản ở Bình Định, được làm bằng bột gạo, có hình như chiếc nón lá úp) nên đã dùng tên này để đặt cho tháp. Tháp còn có các tên khác như Thị Thiện, tháp Bạc.



Hình 3. Đền tháp Bánh Ít (Bình Định)

31

GV trao đổi thêm:

– Tháp Yang Prông (Yang Prong)

Tháp Yang Prông là tháp Chăm thuộc tỉnh Đắk Lắk. Công trình là một khối kiến trúc bằng gạch nung đỏ trên nền cao bằng đá xanh. Tháp có chiều cao 9 m, đáy vuông mỗi cạnh dài 5 m, mỗi mặt tường ngoài là 3 cửa giả, một cửa duy nhất mở về hướng đông, nơi ngự trị của các vị thần linh. Phía trên mở rộng và thon vút hình tháp bút, đặc điểm này có sự khác biệt so với kiến trúc của các tháp Chăm khác ở Trung Bộ. Ngoài ra, tháp không được xây dựng trên những ngọn đồi cao, núi thấp không bóng cây mà nằm chìm lấp dưới những tán cổ thụ của rừng già Ea Súp và bên dòng sông Ea H'leo hiền hoà.



Hình 2. Tháp Yang Prông (Đắk Lắk)

– Tháp Bà Pô Na-ga (Po Nagar)

Tháp Bà Pô Na-ga là công trình kiến trúc và điêu khắc toạ lạc tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà. Công trình có các tháp thờ khác nhau, trong đó, tháp chính có cửa quay về phía đông, mặt bên ngoài có rất nhiều gờ, trụ, đầu. Tháp có 4 tầng, mỗi tầng đều có cửa, tượng thần và hình thú bằng đá. Trên thân tháp còn có nhiều tượng và phù điêu bằng đất nung, trong đó, có hình các tiên nữ và các loài thú như: nai, ngỗng vàng, sư tử,... Trên đỉnh các trụ thường đặt gạch trang trí hoa văn hình vòm tháp, trông như chiếc tháp nhỏ đặt lên một tháp lớn. Trên đỉnh tháp có tượng thần Si-va cưỡi bò thần Nan-đi (Nandi) và tượng các linh vật.



Hình 3. Tháp chính (ở giữa) trong cụm tháp Bà Pô Na-ga

2. Kiến trúc của đền tháp Chăm-pa

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy mô tả một đền tháp Chăm-pa.

Các đền tháp Chăm-pa thường được xây bằng gạch nung màu đỏ. Trong mỗi khu đền tháp, các tháp có kiểu dáng đa dạng. Một trong những khu đền tháp tiêu biểu của cư dân Chăm-pa là Mỹ Sơn.

Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Phần lớn các đền tháp được xây theo kiểu hình tháp với những tầng bậc thu nhỏ dần đến đỉnh, mỗi tầng hình trang trí được lặp lại giống nhau. Không gian bên trong đền tháp khá chật hẹp, cánh cửa chính thường mở về hướng đông.



Hình 2. Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam)



Em có biết?

Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn nằm trong danh sách xếp hạng các di tích quốc gia đặc biệt quan trọng. Từ năm 1999, khu di tích này đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá thế giới.

3. Một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy kể lại một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.



Tên gọi của đền tháp Bánh Ít

Tương truyền, người dân địa phương quan sát thấy hình dáng tháp giống chiếc bánh ít (một loại bánh đặc sản ở Bình Định, được làm bằng bột gạo, có hình như chiếc nón lá úp) nên đã dùng tên này để đặt cho tháp. Tháp còn có các tên khác như Thị Thiện, tháp Bạc.



Hình 3. Đền tháp Bánh Ít (Bình Định)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4 trong SGK, kể lại một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.

Lưu ý: GV có thể chia HS thành các nhóm nhỏ để đọc các câu chuyện và mời HS lên kể lại. Ngoài hai câu chuyện có trong SGK, GV có thể giới thiệu thêm các câu chuyện khác. GV lưu ý về câu chuyện liên quan đến tháp Bà Pô Na-ga, hiện có nhiều huyền tích liên quan đến Bà Pô Na-ga. GV cần nhắc khi giới thiệu.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

– Tháp Cánh Tiên

Tháp được xây dựng tại Bình Định. Ngôi tháp được tạo dáng thanh thoát nhưng trang nghiêm, tháp có 4 tầng thu nhỏ về phía trên, tầng nào cũng có 4 tháp góc trang trí, mỗi góc lại có những tầng nhỏ, tạo dáng lá lật nhỏ dần về phía trên tạo cảm giác như cánh chim đang bay, từ vai tháp trở lên, 4 phía đều giống như cánh tiên bay lên nên được gọi là tháp Cánh Tiên. Tháp được xây dựng vào

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng thông tin về đền tháp Chăm-pa còn lại đến ngày nay theo mẫu dưới đây vào vở:

STT	Tên đền tháp	Tỉnh/ Thành phố
?	?	?

Tuỳ vào thời gian còn lại trên lớp mà GV quy định về số lượng đền tháp HS cần làm. Ví dụ: Tỉnh nào cũng có ít nhất một tháp.

- GV yêu cầu HS giới thiệu về một đền tháp mà em yêu thích.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm một số tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về đền tháp Chăm-pa, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp. HS có thể thực hiện tại lớp nếu được dặn chuẩn bị trước hoặc về nhà làm.

Sách "Đại Nam nhất thống chí" nói về việc bà Thị Thiện mở quán bán bánh ở chân núi xây tháp nên tháp có tên gọi vậy. Còn tên gọi tháp Bạc là do người Pháp đặt khi đến đây nghiên cứu.

Ngày nay, người dân trong vùng vẫn dùng tên gọi Bánh ít và tháp trở thành một công trình kiến trúc tiêu biểu của tỉnh Bình Định.

(Theo Viện Đông Nam Á, Tháp cổ Chăm-pa – Sự thật và huyền thoại, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1994)



Truyện thuyết Pô Klong Ga-rai (Pô Klong Garai)

Truyện thuyết kể rằng, vua Pô Klong Ga-rai thuở nhỏ phải đi buôn trâu để kiếm sống. Ông được Voi thần chọn làm vua Chăm-pa. Tại đồi Trầu, ông đã cho xây dựng nhiều công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất nông nghiệp, chỉ cho dân nhiều ngành nghề để phát triển kinh tế, chấn chỉnh hàng ngũ binh lính,... Về sau, dân chúng dựng đền tháp trên đồi Trầu để ghi nhớ công lao của ông.

Ngày nay, tháp trở thành trung tâm sinh hoạt văn hoá của người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận và nhiều lễ hội lớn, nhỏ thường được tổ chức tại đây.

(Theo Viện Đông Nam Á, Tháp cổ Chăm-pa – Sự thật và huyền thoại, Sdd)



Hình 4. Đền tháp Pô Klong Ga-rai (Ninh Thuận)



Luyện tập

- Hoàn thành bảng thông tin về đền tháp Chăm-pa còn lại đến ngày nay theo mẫu dưới đây vào vở:

STT	Tên đền tháp	Tỉnh/ Thành phố
?	?	?

- Giới thiệu về một đền tháp mà em yêu thích.



Vận dụng

Sưu tầm một số tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về đền tháp Chăm-pa, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

thời vua Chế Mân nên có truyền thuyết cho rằng: đây là ngôi tháp vua Chế Mân dành tặng Vương hậu Pa-ra-méc-va-ri (Paramesvari) (tức Huyền Trân Công chúa), người con gái Việt cao quý đã cùng ông kết mối lương duyên lịch sử.

– Tháp Nhạn

Tháp tọa lạc tại Phú Yên. Nói về nguồn gốc của ngọn tháp này có rất nhiều truyền thuyết. Có người cho rằng, xưa kia có nàng tiên nữ Thiên Y A Na giáng trần chỉ dạy cho người dân sống ở vùng đất này tất cả mọi thứ từ cấy cày, dệt vải, kéo sợi,... để tìm cách mưu sinh. Sau khi tiên nữ quay trở lại cõi tiên, người dân Chăm-pa vì thương nhớ và muốn khắc ghi công ơn người khai sáng cho dân tộc mình bèn xây ngọn tháp ấy để phụng thờ.

Theo một truyền thuyết khác thì xưa kia, Tuy Hoà là vùng đầm lầy trũng thấp, có nhiều thủy quái chuyên quấy phá đời sống người dân. Thấy vậy, Ông Trời bèn sai người khổng lồ xuống gánh đất lấp vùng trũng, bảo vệ cuộc sống cho người dân. Tuy nhiên, khi lấp đã gần xong, người khổng lồ vội về nên đã gánh nhiều đá hơn làm chiếc đòn gánh bị gãy. Đá từ hai gánh rơi xuống một bên tạo thành núi Chóp Chài, một gánh toạ trên núi Nhạn. Đó được cho là nguồn gốc xuất hiện của ngọn tháp. Còn về tên gọi "tháp Nhạn" thì được người dân ở đây giải thích là do có rất nhiều chim nhạn bay tới đây sinh sống, làm tổ nên ngọn tháp cũng được đặt theo tên của loài chim này.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể được tên và vẽ được đường thời gian thể hiện một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (ví dụ: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...).
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự sưu tầm được thông tin về những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời kì Bắc thuộc.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời kì Bắc thuộc.

Phẩm chất

Yêu nước: biết ơn những cống hiến của thế hệ đi trước.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV nêu tên các nhân vật: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Ngô Quyền,... và mời HS chia sẻ những điều đã biết về các nhân vật. Nếu HS không trả lời được, GV nêu vấn đề và dẫn dắt vào bài.

Ngoài phần Khởi động trong SGK, GV có thể dùng hình ảnh về các nhân vật lịch sử trên hoặc video về nhân vật để dẫn dắt vào bài.

Chủ đề 3: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Bài 8

ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP THỜI KÌ BẮC THUỘC



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên và vẽ được đường thời gian thể hiện một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (ví dụ: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...).
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Ngô Quyền,...



Khởi động

Trong các nhân vật: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Ngô Quyền,... em đã biết về nhân vật nào? Hãy chia sẻ với các bạn cùng lớp những điều em biết về nhân vật đó.



Khám phá

1. Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Đọc thông tin, em hãy kể tên một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

Năm 179 TCN, Triệu Đà xâm lược và biến Âu Lạc thành một bộ phận lãnh thổ của Nam Việt. Từ đó, nhiều triều đại phong kiến phương Bắc đã thay nhau cai trị nước ta trong hơn 1 000 năm, giai đoạn này gọi là thời Bắc thuộc.

Thời kì này nhiều cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu đã nổ ra. Mở đầu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40), tiếp nối là hàng loạt các cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (năm 248), Lý Bí (năm 542), Mai Thúc Loan (năm 713 – 722), Khúc Thừa Dụ (năm 905),... Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền (năm 938) đã kết thúc hơn một nghìn năm đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, giành lại độc lập hoàn toàn cho đất nước ta.

33

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, kể tên một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

Lưu ý: trước khi HS thực hiện nhiệm vụ, GV giới thiệu về thời kì Bắc thuộc: Năm 179 TCN, Triệu Đà xâm lược và biến Âu Lạc thành một bộ phận lãnh thổ của Nam Việt. Từ đó, nhiều triều đại phong kiến phương Bắc đã thay nhau cai trị nước ta trong hơn 1 000 năm, giai đoạn này gọi là thời Bắc thuộc.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu truyện kể về những nhân vật lịch sử tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2 trong SGK, em hãy kể lại một số câu chuyện và nêu những điều em học được từ các câu chuyện đó.

Lưu ý: GV chia từng câu chuyện cho HS tìm hiểu lần lượt vì bài 3 tiết, GV chủ động phân chia các câu chuyện để giảng dạy. Ngoài ra, GV có thể bổ sung thêm câu chuyện về các nhân vật lịch sử khác trong thời kì Bắc thuộc chưa có thông tin trong mục này.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

2. Truyện kể về những nhân vật lịch sử tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy kể lại một số câu chuyện và nêu những điều em học được từ các câu chuyện đó.



Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa

Trưng Trắc, Trưng Nhị là con gái Lạc tướng vùng Mê Linh (thuộc Hà Nội ngày nay). Bất bình với chính sách cai trị hà khắc của chính quyền phương Bắc và căm thù việc Thái thú Tô Định đã giết Thi Sách là chồng của Trưng Trắc, mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa. Truyền vào ngày xuất quân, Trưng Trắc đã đọc lời thề với non sông:



Hình 1. Trưng Vương trừ giặc Hán (tranh dân gian Đông Hồ)

"Một xin rửa sạch nước thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng..."
Nghĩa quân của hai bà đã tập hợp được nhiều tướng lĩnh là phụ nữ, chiếm được 65 thành trì. Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên làm vua (gọi là Trưng Vương hay Trưng Nữ Vương), xây dựng chính quyền độc lập tự chủ.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)



Em có biết?

Bà Triệu cười voi ra trận

Năm 248, dưới ách đô hộ của nhà Ngô, tại vùng Cửu Chân (Thanh Hoá), Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa. Tương truyền, bà đã có câu nói đầy khí phách:
"Tôi chỉ muốn cười gió đập sóng, chém cá kình lớn ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi, cứu dân ra khỏi cảnh chìm đắm, há lại bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm tí thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà ư?". Khởi nghĩa thất bại nhưng Bà Triệu vẫn sống mãi trong lòng nhân dân, hun đúc tinh thần đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta.



Lý Bí và nước Vạn Xuân

Lý Bí xuất thân trong một gia đình hào trưởng ở Phố Yên (Thái Nguyên ngày nay). Mùa xuân năm 542, tại vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội ngày nay), Lý Bí lãnh đạo nhân dân phát cờ khởi nghĩa, chống lại ách đô hộ của nhà Lương. Trải qua nhiều trận chiến cam go, năm 544, khởi nghĩa giành thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua (lấy hiệu là Lý Nam Đế). Ông đặt tên nước là Vạn Xuân với mong muốn xây dựng một đất nước độc lập lâu dài.

(Theo Lương Duyên – Nguyễn Thi, Lý Bí và sự hình thành nước Vạn Xuân,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 2017)

GV trao đổi thêm:

Trong suốt thời kì Bắc thuộc, chính quyền phong kiến phương Bắc chiếm đoạt ruộng đất, bắt dân ta cống nạp sản vật quý, hương liệu, vàng bạc,... Những sản phẩm quan trọng như sắt và muối bị chính quyền đô hộ giữ độc quyền. Bên cạnh chính sách cống nạp, chính quyền đô hộ còn tăng cường chế độ thuế khoá và lao dịch nặng nề.

Ngoài ra, tất cả triều đại cai trị trong thời kì Bắc thuộc đều thực hiện chính sách đồng hoá đối với dân tộc ta.

Nhà Hán chủ trương đưa người Hán sang nước ta sinh sống lâu dài, ở lẫn với người Việt; tìm cách xoá bỏ những tập quán lâu đời của người Việt, ép buộc dân ta theo phong tục, tập quán của họ. Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc được truyền vào Việt Nam. Chữ Hán được du nhập nhằm phục vụ cho công cuộc đồng hoá. Tuy nhiên, việc dạy chữ chỉ giới hạn trong một số ít người ở các vùng trung tâm. Cả ngàn năm Bắc thuộc, số người Việt được trọng dụng chỉ là thiểu số.

GV trao đổi thêm:

– Lê Văn Hưu nói:

“Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương...”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê,

Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, trang 156 – 157)

– Ca dao về khởi nghĩa Bà Triệu:

*“Ru con con ngủ cho lành,
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi, lên núi mà coi,
Coi Bà Triệu tướng cười voi, đánh công.
Túi gấm cho lẫn túi hồng,
Têm trầu cánh kiến cho chồng ra quân”.*



Hình 1. Bà Triệu cười voi (tranh dân gian Đông Hồ)

– Khởi nghĩa Mai Thúc Loan:

Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Đường, năm 713, nhân dân Hoan Châu (Nghệ An, Hà Tĩnh) vùng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Mai Thúc Loan. Từ Hoan Châu, khởi nghĩa lan rộng ra khắp các châu, huyện. Nhân dân khắp nơi hưởng ứng, kể cả Chăm-pa, Chân Lạp,... Mai Thúc Loan chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn, Nghệ An) để xây thành Vạn An. Ông xưng đế, nhân dân thường gọi là Mai Hắc Đế (Vua Đen họ Mai). Từ thành Vạn An, nghĩa quân tiến ra Bắc, đánh chiếm thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay). Năm 722, nhà Đường phái 10 vạn quân sang đàn áp, khởi nghĩa bị dập tắt.

2. Truyện kể về những nhân vật lịch sử tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy kể lại một số câu chuyện và nêu những điều em học được từ các câu chuyện đó.



Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa

Trưng Trắc, Trưng Nhị là con gái Lạc tướng vùng Mê Linh (thuộc Hà Nội ngày nay). Bất bình với chính sách cai trị hà khắc của chính quyền phương Bắc và căm thù việc Thái thú Tô Định đã giết Thi Sách là chồng của Trưng Trắc, mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa. Tương truyền vào ngày xuất quân, Trưng Trắc đã đọc lời thề với non sông:

*“Một xin rửa sạch nước thù
Haixin đem lại nghiệp xưa họ Hùng...”*

Nghĩa quân của hai bà đã tập hợp được nhiều tướng lĩnh là phụ nữ, chiếm được 65 thành trì. Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên làm vua (gọi là Trưng Vương hay Trưng Nữ Vương), xây dựng chính quyền độc lập tự chủ.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)



Hình 1. Trưng Vương trừ giặc Hán
(tranh dân gian Đông Hồ)



Em có biết?

Bà Triệu cười voi ra trận

Năm 248, dưới ách đô hộ của nhà Ngô, tại vùng Cửu Chân (Thanh Hoá), Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa. Tương truyền, bà đã có câu nói đầy khí phách:

“Tôi chỉ muốn cười gió đập sóng, chém cá kinh lớn ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi, cứu dân ra khỏi cảnh chìm đắm, há lại bắt chước người đời cùi đầu khom lưng làm tí thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà ư?”. Khởi nghĩa thất bại nhưng Bà Triệu vẫn sống mãi trong lòng nhân dân, hun đúc tinh thần đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta.



Lý Bí và nước Vạn Xuân

Lý Bí xuất thân trong một gia đình hào trưởng ở Phố Yên (Thái Nguyên ngày nay). Mùa xuân năm 542, tại vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội ngày nay), Lý Bí lãnh đạo nhân dân phát cờ khởi nghĩa, chống lại ách đô hộ của nhà Lương. Trải qua nhiều trận chiến cam go, năm 544, khởi nghĩa giành thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua (lấy hiệu là Lý Nam Đế). Ông đặt tên nước là Vạn Xuân với mong muốn xây dựng một đất nước độc lập lâu dài.

(Theo Lương Duyên – Nguyễn Thi, Lý Bí và sự hình thành nước Vạn Xuân,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 2017)



Hình 2. Tượng Hoàng đế Mai Thúc Loan (670 – 723)
đặt tại quảng trường Mai Hắc Đế (Lộc Hà, Hà Tĩnh)

– Khởi nghĩa Phùng Hưng

Khoảng cuối thế kỉ VIII, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), Phùng Hưng đã hợp quân khởi nghĩa và nhanh chóng làm chủ vùng Đường Lâm. Được nhân dân các vùng xung quanh hưởng ứng, Phùng Hưng chiếm được thành Tống Bình, tổ chức việc cai trị. Khi Phùng Hưng qua đời, con trai ông là Phùng An lên nối nghiệp cha.



Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng

Ngô Quyền là người Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội). Theo sử cũ, ông có "vẻ người khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng đi thông thả như hổ, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc". Khi hay tin Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ và cầu cứu quân Nam Hán, Ngô Quyền đã đem quân từ Ai Châu (Thanh Hoá ngày nay) ra Bắc để trừng trị kẻ phản bội và chuẩn bị chống quân Nam Hán.

Năm 938, vua Nam Hán cử Lưu Hoàng Tháo đem các chiến thuyền lớn sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền đã sai người đem cọc vạt nhọn, đầu bịt sắt, đóng tại cửa sông Bạch Đằng đổ ra biển và bố trí trận địa mai phục. Ông cho thuyền nhỏ ra khiêu chiến, rồi vỡ thua bỏ chạy. Quân giặc đuổi theo, thuyền vượt qua trận địa bãi cọc. Khi thuyền triều rút, quân ta bắt ngờ phản công, chiến đấu quyết liệt. Thuyền giặc tháo chạy bị và vào bãi cọc nhọn, vỡ nát tan tành. Trận Bạch Đằng lịch sử "vang dội đến ngàn thu" đã mở ra thời kì độc lập của dân tộc.



Hình 2. Trận Bạch Đằng năm 938 (mô hình tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Hà Nội)

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)



Luyện tập

Vẽ đường thời gian thể hiện một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc theo gợi ý: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...



Vận dụng

Sưu tầm thông tin về các nhân vật lịch sử tiêu biểu khác trong thời kì Bắc thuộc, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp (gợi ý: Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Dương Đình Nghệ,...).

35

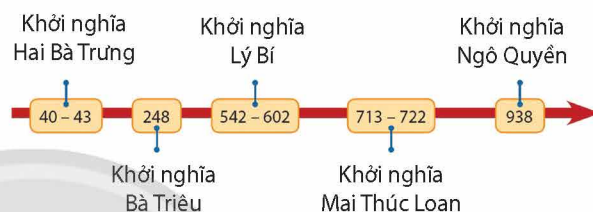
HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS vẽ đường thời gian thể hiện một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc theo gợi ý: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...

Lưu ý: nếu GV cung cấp thêm thông tin về các cuộc đấu tranh khác thì cần bổ sung thêm mốc thời gian.

Gợi ý:



Hình 3. Đường thời gian về một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Ngoài phần Luyện tập này, GV có thể xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm hoặc giải ô chữ về các nhân vật lịch sử để HS có thể thực hiện. GV cũng có thể trộn nội dung các câu chuyện để HS ghép thành một câu chuyện hoàn chỉnh.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm thông tin về các nhân vật lịch sử tiêu biểu khác trong thời kì Bắc thuộc, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp (gợi ý: Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Dương Đình Nghệ,...). GV có thể thay hoạt động vận dụng này bằng các hoạt động khác như vẽ tranh, thiết kế infographic, sơ đồ tư duy về các nhân vật lịch sử.

Sau đó, nhà Đường đem quân sang đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa. Nhân dân tưởng nhớ Phùng Hưng, lập đền thờ và truy tôn là Bố Cái Đại Vương.

– Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán

Mùa thu năm 930, quân Nam Hán xâm lược nước ta. Dương Đình Nghệ, một vị tướng cũ của Khúc Hạo, lãnh đạo nhân dân tiếp tục đấu tranh chống Nam Hán. Từ làng Giàng (Thanh Hoá), Dương Đình Nghệ xây dựng lực lượng ngày càng lớn mạnh. Năm 931, ông đem quân ra tấn công thành Đại La. Quân Nam Hán lo sợ, vội cho người về nước xin viện binh. Viện binh chưa đến nơi thì đội quân của Dương Đình Nghệ đã chiếm được Đại La và chủ động đón đánh quân tiếp viện.

Quân Nam Hán đại bại, chủ tướng Trình Bảo bị chém đầu. Sau khi đánh tan quân Nam Hán, Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, khôi phục nền tự chủ.

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Nêu được một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.
- + Trình bày được một số câu chuyện về các nhân vật lịch sử tiêu biểu Triều Lý.
- + Nhận xét được về nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: khai thác và sử dụng được những tư liệu lịch sử như văn bản, hiện vật, tranh ảnh liên quan về Triều Lý.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện liên quan đến sự kiện và nhân vật Triều Lý.
- + Hoàn thành được thẻ nhớ về một nhân vật lịch sử Triều Lý theo gợi ý.

Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: diễn đạt được ý kiến của mình và có tham khảo, trao đổi với các bạn khi kể lại những câu chuyện liên quan đến các nhân vật Triều Lý.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: sưu tầm và nêu được ý kiến cá nhân về công lao của các nhân vật tiêu biểu Triều Lý, nhận xét được nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*.

Phẩm chất

Trách nhiệm quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc Việt Nam: trân trọng và biết ơn công sức của tổ tiên đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước dưới Triều Lý.

TRIỀU LÝ VÀ VIỆC ĐỊNH ĐÔ Ở THĂNG LONG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...) liên quan đến Triều Lý.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Lý thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử, như Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyễn phi Ý Lan, Từ Đạo Hạnh...
- Đọc và nêu nhận xét về nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*.



Khởi động

Hãy cho biết những công trình kiến trúc như Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu và chùa Một Cột được xây dựng dưới triều đại nào. Chia sẻ hiểu biết của em về một trong những công trình đó.



Khám phá

1. Sự thành lập Triều Lý và việc dời đô ra Đại La

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Trình bày sự thành lập của Triều Lý.
- Nêu nhận xét về nội dung và ý nghĩa của “*Chiếu dời đô*”.

Năm 1009, Lý Công Uẩn được các quan lại ủng hộ, suy tôn lên làm vua, lấy niên hiệu là Thuận Thiên. Triều Lý được thành lập.

Mùa thu năm 1010, vua Lý Thái Tổ ban *Chiếu dời đô*, quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La. *Chiếu dời đô* đã cho thấy tầm nhìn của vua Lý Thái Tổ trong việc chọn kinh đô, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

Tư liệu

Chiếu dời đô

“Xưa các bậc đế vương mấy lần dời đô. Phải đầu các vua theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muốn đời cho con cháu, trên vàng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi. Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh...”

36

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Bằng việc cung cấp hình ảnh minh hoạ cho phần Khởi động, GV cho HS trả lời câu hỏi về những công trình kiến trúc như Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu và chùa Một Cột. Sau đó, GV để HS chia sẻ về một trong số những công trình ấy trước lớp.

GV trình chiếu cho HS xem một số thông tin hoặc hình ảnh, đoạn phim tư liệu về đất nước cuối Triều Tiền Lê và đặt các câu hỏi xoay quanh đến Triều Tiền Lê và nhân vật Lý Công Uẩn: Vua Lê Long Đĩnh là một vị vua như thế nào? Đời sống của nhân dân dưới Triều Tiền Lê như thế nào? Vì sao Lý Công Uẩn được các nhà sư và quan lại ủng hộ lên ngôi vua sau khi vua Lê Long Đĩnh mất?

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về sự thành lập của Triều Lý

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 1 trong SGK, trình bày được quá trình thành lập của Triều Lý.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Nêu được sự kiện: năm 1009, khi Lê Long Đĩnh – vị vua cuối cùng của Triều Tiền Lê mất, Lý Công Uẩn đã được sư Vạn Hạnh và đại thần Đào Cam Mộc ủng hộ, suy tôn lên làm vua, Triều Lý được thành lập.

Bước 4. GV nhận xét.

GV làm rõ cho HS: trải qua các triều đại Ngô – Đinh – Tiền Lê thường kéo dài ngắn ngủi, Triều Lý kéo dài hơn 200 năm cho thấy việc Lý Công Uẩn với tài năng và đức độ của mình đã khai sáng một triều đại hưng thịnh trong một thời gian dài với nhiều công tích lừng lẫy khi thực hiện nhiều chính sách xây dựng và phát triển đất nước.

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc tư liệu và câu chuyện

Hướng gì thành Đại La ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươi. Xem khắp đất Việt, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chỗ tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. Trăm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào? (Viễn Văn học, *Thơ văn Lý – Trần*, tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, trang 229 – 230)



Sự tích thành Thăng Long

Truyền kể rằng, khi đoàn thuyền rồng của vua Lý Công Uẩn từ Hoa Lư ra đến thành Đại La bỗng có đám mây hình rồng vàng hiện lên ở đầu thuyền. Vua cho rằng đây là vùng đất tốt, có thể là chỗ dựa để phát triển đất nước. Vua quyết định chọn nơi đây làm kinh đô, đồng thời đổi tên Đại La thành Thăng Long – nghĩa là “Rồng bay lên”. Từ đó, Thăng Long chính thức trở thành trung tâm quan trọng bậc nhất về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhiều triều đại.

(Theo Vũ Khiêu (Chủ biên), *Danh nhân Hà Nội*, NXB Hà Nội, 2004)



Hình 1. Cổng Đoàn Mãn (Hà Nội)

2. Triều Lý xây dựng và bảo vệ đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, 5, em hãy nêu một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.

Triều Lý tiến hành xây dựng chính quyền, thực hiện hàng loạt những việc làm nhằm ổn định và phát triển đất nước như ban hành bộ *Luật Hình thư* (năm 1042), đổi tên nước thành Đại Việt (năm 1054), xây dựng Văn Miếu (năm 1070), tổ chức khoa thi đầu tiên (năm 1075), lập Quốc Tử Giám (năm 1076),... Đồng thời, các vua

37

ở trang 36 – 37 trong SGK để tìm hiểu nội dung *Chiếu dời đô*, lưu ý các cụm từ: “tầm nhìn của vua Lý Thái Tổ”; “ở vào nơi trung tâm trời đất”; “muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươi”; “nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”; “vùng đất tốt, có thể là chỗ dựa để phát triển đất nước”; “trung tâm quan trọng bậc nhất về chính trị, kinh tế, văn hoá”;...

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Nội dung của *Chiếu dời đô* cho biết quyết định dời đô từ Hoa Lư – một vùng đất chật hẹp và thấp trũng đến Đại La (sau đổi tên thành Thăng Long) – một nơi hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để đóng đô và phát triển về mọi mặt.

Sau đó, GV yêu cầu HS nhận xét về ý nghĩa của *Chiếu dời đô*: bản chiếu đã thể hiện được tầm nhìn xa trông rộng của vua Lý Thái Tổ trong việc lựa chọn kinh đô. Việc lựa chọn mang tính quyết định ấy đã mở ra một thời kì phát triển, hưng thịnh của quốc gia Đại Việt dưới Triều Lý và các triều đại sau đó.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể mở rộng kiến thức cho HS: mặc dù dời đô về Thăng Long nhưng vua đầu tiên của Triều Lý vẫn không quên công lao xây dựng nền móng trong buổi đầu độc lập của các triều Đinh – Tiền Lê nên đã cho xây dựng nhiều công trình kiến trúc giống như ở Hoa Lư.

Sách *Đại Nam nhất thống chí*, Quyển XIV chép: “Đô cũ nhà Đinh, nhà Lê: ở xã Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ, về phía tây bắc huyện Gia Viễn, có nội thành và ngoại thành, có cửa xây bằng đá, lại có các danh hiệu: cầu Đông, cầu Dền, cầu Muống, Tràng Tiễn, chùa Tháp, chùa Nhất Trụ,... nền cũ vẫn còn. Khi Lý Thái Tổ dời đô đến Thăng Long đều dùng theo các danh hiệu ấy...”.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông và quan sát các hình 2, 3, 4, 5 trong SGK, nêu một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.

GV có thể chia lớp thành 3 nhóm để thực hiện việc tìm thông tin về 3 lĩnh vực: xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể cung cấp thêm thông tin từ hình 2: Đền Đô (Bắc Ninh) là nơi thờ 8 vị vua Triều Lý gồm Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lý Thần Tông, Lý Anh Tông, Lý Cao Tông và Lý Huệ Tông. Riêng Lý Chiêu Hoàng – Nữ hoàng đế duy nhất của Triều Lý và của Việt Nam được thờ ở Đền Rồng (Tứ Sơn, Bắc Ninh).

GV có thể cung cấp thông tin về những danh nhân góp công sức vào quá trình xây dựng chính quyền (Sư Vạn Hạnh, Thái sư Lý Đạo Thành, Thái sư Lê Văn Thịnh, Thái uý Tô Hiến Thành,...) và chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước (Lý Kế Nguyên, Nùng Tôn Dân, Thân Cảnh Phúc, Vi Thủ An,...).

GV có thể mở rộng bằng cách gợi cho HS trả lời các câu hỏi: Việc vua Lý Thái Tông làm lễ tế Thần Nông và tự xuống ruộng cày đã cho em biết điều gì? Vì sao Nguyên phi Ỗ Lan dạy dân trồng dâu nuôi tằm và khuyên vua Lý Nhân Tông cấm giết trâu bò bừa bãi? Câu nói “Ngồi yên đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc” cho em biết điều gì về Lý Thường Kiệt?

GV có thể cung cấp thêm các sự kiện lịch sử khác:

Thời gian	Nội dung sự kiện
1049	Vua Lý Thái Tông cho dựng chùa Diên Hựu (tức chùa Một Cột ngày nay).
1056	Vua Lý Thánh Tông xuống <i>Chiếu khuyến nông</i> .
1075	Vua Lý Nhân Tông xuống chiếu tuyển Minh kinh bác học và thi Nho học tam trường. Lê Văn Thịnh trúng tuyển.
1117	Theo lời khuyên của Hoàng Thái hậu Ỗ Lan, vua Lý Nhân Tông định rõ lệnh cấm giết trộm trâu.

Hướng gì thành Đại La ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươi. Xem khắp đất Việt, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chỗ tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. Trăm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”
(Viện Văn học, *Thơ văn Lý – Trần*, tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, trang 229 – 230)



Sự tích thành Thăng Long

Truyền kể rằng, khi đoàn thuyền rồng của vua Lý Công Uẩn từ Hoa Lư ra đến thành Đại La bỗng có đám mây hình rồng vàng hiện lên ở đầu thuyền. Vua cho rằng đây là vùng đất tốt, có thể là chỗ dựa để phát triển đất nước. Vua quyết định chọn nơi đây làm kinh đô, đồng thời đổi tên Đại La thành Thăng Long – nghĩa là “Rồng bay lên”. Từ đó, Thăng Long chính thức trở thành trung tâm quan trọng bậc nhất về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhiều triều đại.

(Theo Vũ Khiêu (Chủ biên), *Danh nhân Hà Nội*, NXB Hà Nội, 2004)



Hình 1. Cổng Đoàn Môn (Hà Nội)

2. Triều Lý xây dựng và bảo vệ đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, 5, em hãy nêu một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.

Triều Lý tiến hành xây dựng chính quyền, thực hiện hàng loạt những việc làm nhằm ổn định và phát triển đất nước như ban hành bộ *Luật Hình thư* (năm 1042), đổi tên nước thành Đại Việt (năm 1054), xây dựng Văn Miếu (năm 1070), tổ chức khoa thi đầu tiên (năm 1075), lập Quốc tử Giám (năm 1076),... Đồng thời, các vua

Triều Lý cũng thực hiện nhiều biện pháp nhằm khuyến khích sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển thủ công nghiệp và các hoạt động buôn bán.



Hình 2. Đền Đô - nơi thờ tám vị vua Triều Lý (Bắc Ninh)



Vua Lý Thái Tông cày ruộng

Lý Thái Tông là vị vua thứ hai của nhà Lý. Để khuyến khích việc cày cấy, mùa xuân năm 1038, vua Lý Thái Tông đến vùng Bồ Hải Khẩu (Thái Bình ngày nay) làm lễ tế Thần Nông. Khi vua tự cầm cày xuống ruộng, các quan thấy thế can ngăn. Vua nói: "Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ noi theo?". Nói xong, vua tự cày ba đường rồi mới thôi. Việc làm của nhà vua đã thể hiện sự quan tâm, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, góp phần làm cho đời sống của nhân dân ấm no.

(Theo Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002)



Hình 3. Tượng vua Lý Thái Tông (1000 - 1054) đặt tại Đền Đô (Bắc Ninh)



Em có biết?

Nguyên phi Ý Lan là vợ vua Lý Thánh Tông. Khi nhà vua đi đánh trận, bà được giao nhiệm vụ thay vua trị nước. Bà đã dạy người dân trồng dâu nuôi tằm và khuyến vua Lý Nhân Tông ra lệnh cấm tể giết trâu bò bừa bãi, để dân có đủ sức kéo. Bà được nhân dân gọi là khắp nơi.



Hình 4. Tượng Nguyên phi Ý Lan (1044 - 1117) (Hà Nội)

38

Năm 1075, quân Tống âm mưu xâm lược Đại Việt. Quân dân Triều Lý đã chủ động tổ chức cuộc kháng chiến đánh bại giặc xâm lược, giữ vững nền độc lập của đất nước.



Lý Thường Kiệt và cuộc kháng chiến chống Tống

Lý Thường Kiệt (1019 - 1105) quê phường Thái Hòa, thành Thăng Long (nay là Hà Nội), từ nhỏ đã ham thích võ nghệ và thường đọc binh pháp. Khi quân Tống âm mưu xâm lược nước ta, vua Lý giao cho Lý Thường Kiệt chủ động tổ chức chống giặc. Ông đề xuất chủ trương "Ngồi yên đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc". Ông đã đem quân vào đất Tống, phá hủy nhiều thành trì, kho tích trữ lương thực, vũ khí, làm thất bại âm mưu xâm lược của giặc.

Đoán biết quân Tống sẽ kéo sang xâm lược nước ta, Lý Thường Kiệt chủ động xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt, ngăn không cho chúng tiến vào Thăng Long. Đồng thời, ông còn tổ chức tập kích làm cho quân Tống thua trận, phải rút về nước.

(Theo Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015)



Hình 5. Bia Linh Xương ghi công lao của Lý Thường Kiệt (Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Hà Nội)



Luyện tập

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.



Vận dụng

Hoàn thành thẻ ghi nhớ về một nhân vật lịch sử Triều Lý theo gợi ý: tên nhân vật, đóng góp chính,...

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.

Lĩnh vực	Một số nét chính
Xây dựng chính quyền	- Năm 1042, ban hành bộ <i>Luật Hình thư</i>. - Năm 1054, đổi tên nước từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt. - Năm 1075, tổ chức khoa thi đầu tiên. - Năm 1076, lập Quốc Tử Giám.
Phát triển kinh tế	Thực hiện nhiều biện pháp nhằm khuyến khích sản xuất nông nghiệp (lễ cày ruộng, cấm giết trâu bò), đẩy mạnh phát triển thủ công nghiệp (trồng dâu nuôi tằm) và các hoạt động buôn bán.
Bảo vệ đất nước	Năm 1075, quân Tống âm mưu xâm lược Đại Việt, Lý Thường Kiệt được cử làm tổng chỉ huy, chủ động tấn công vào đất Tống làm thất bại âm mưu của giặc. Sau đó, đoán biết quân Tống sẽ tấn công, ông tổ chức xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt và tập kích đánh bại đội quân xâm lược.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS hoàn thành thẻ ghi nhớ về một nhân vật lịch sử Triều Lý theo gợi ý: tên nhân vật, đóng góp chính,...

GV hướng dẫn HS quan sát hình và trả lời:

Tên nhân vật	Đóng góp chính
Vua Lý Thái Tổ	Sáng lập Triều Lý, dời đô về Đại La (Thăng Long).
Vua Lý Thái Tông	Khuyến khích sản xuất nông nghiệp.
Nguyên phi Ý Lan	Giúp vua trị nước, dạy dân trồng dâu, nuôi tằm, khuyên vua ra lệnh cấm giết trâu, bò bừa bãi.
Thái uý Lý Thường Kiệt	Đánh bại cuộc xâm lược của quân Tống, bảo vệ nền độc lập của đất nước.

39

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Trần.
- + Kể được một số câu chuyện về một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: kể lại được chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 1288 có sử dụng lược đồ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện liên quan đến sự kiện và nhân vật tiêu biểu Triều Trần.

Năng lực chung

Giao tiếp và hợp tác: sử dụng ngôn ngữ phù hợp để diễn đạt được ý kiến của mình, có tham khảo, trao đổi với các bạn khi kể lại những câu chuyện liên quan đến các nhân vật thời Trần.

Phẩm chất

Lòng yêu nước: có thái độ trân trọng những thành quả lao động của ông cha. Sẵn sàng góp sức mình vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc.



TRIỀU TRẦN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MÔNG – NGUYÊN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Trần thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...).
- Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).



Khởi động

Kể tên một số nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới Triều Trần mà em biết.



Khám phá

1. Triều Trần và công cuộc xây dựng đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy:

- Trình bày một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Trần.
- Kể lại câu chuyện về một nhân vật Triều Trần mà em có ấn tượng.

Năm 1226, Triều Trần được thành lập. Dưới triều đại này, các vua từng bước tiến hành công cuộc xây dựng đất nước, củng cố bộ máy chính quyền. Sau một thời gian trị vì, các vua Triều Trần thường nhường ngôi cho con và trở thành Thái Thượng hoàng, để cùng chăm lo việc nước.

40

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV yêu cầu HS kể tên một số nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới Triều Trần bằng trò chơi “Nhanh như chớp”. Trong thời gian ngắn nhất, HS hoặc nhóm HS trả lời nhiều đáp án đúng nhất sẽ giành chiến thắng. Sau đó, GV chốt lại và bắt đầu bài học mới.

GV cung cấp những bức ảnh hoặc tranh minh họa về một nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới Triều Trần kèm theo một thông tin gợi ý để HS nhìn và kể đúng tên nhân vật.

Để bắt đầu bài học, GV đặt vấn đề: Sau khi thành lập, Triều Trần tiến hành xây dựng đất nước như thế nào? Chính quyền Triều Trần có nét nổi bật nào khác với Triều Lý? Lĩnh vực kinh tế, văn hoá đã đạt được những thành tựu nào? Triều Trần đã mấy lần tổ chức kháng chiến chống quân Mông – Nguyên? Kể tên một chiến thắng quan trọng mà em ấn tượng khi nhắc đến Triều Trần.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Trần

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3 trong SGK, trình bày một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Trần.

GV có thể gợi ý cho HS tìm thông tin về 3 lĩnh vực: xây dựng chính quyền – chính trị, kinh tế và văn hoá.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV cần làm rõ cho HS: quá trình chuyển giao quyền lực giữa Triều Lý và Triều Trần diễn ra êm thấm nên Triều Trần đã nhanh chóng bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

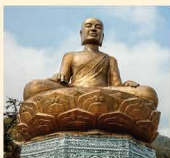
Nhờ đó, Triều Trần đã chuẩn bị chu toàn về nhân lực, tài lực, vật lực để đương đầu với quân đội Mông – Nguyên trong 3 lần kháng chiến. Hơn thế, điểm nổi bật của chính quyền có hai vua cùng trị vì là tránh lạm quyền và vua mới có thời gian học hỏi cách trị nước trực tiếp từ vua cha, phát huy và hoàn thiện khả năng lãnh đạo của mình.



Phật hoàng Trần Nhân Tông

Trần Nhân Tông là vị vua thứ ba của Triều Trần. Ông đã lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai và thứ ba. Sau khi nhường ngôi cho con, ông trở thành Thái Thượng hoàng, đồng thời còn hướng dẫn vua Trần Anh Tông trị nước. Ông trở thành người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, dòng Phật giáo chính thống của dân tộc ta.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđđ)



Hình 1. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 – 1308) (khu di tích Yên Tử, Quảng Ninh)



Hình 2. Tranh vẽ cảnh đắp đê ở Triều Trần

Triều Trần có nhiều chính sách để phát triển kinh tế như cho đắp đê, khuyến khích sản xuất.

Văn hoá, giáo dục cũng được Triều Trần quan tâm và có bước phát triển mới. Thi cử đặt lệ lấy đó Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa), tuyển được nhiều người tài ra giúp vua cai trị nước.



Thầy giáo lỗi lạc Chu Văn An

Thầy giáo Chu Văn An người huyện Thanh Đàm (Thanh Trì, Hà Nội ngày nay), tính tình cương nghị, giữ mình trong sạch, không cầu lợi lộc. Là người có học vấn tinh thông, nổi tiếng cả nước, học trò nhiều nên ông được vua Trần mời về giữ chức Tư nghiệp (tương đương Hiệu trưởng ngày nay) ở Quốc Tử Giám và dạy học cho thái tử. Đời Trần Dụ Tông, vua không quan tâm việc nước, chỉ ham vui chơi, các quan lạm quyền. Ông viết "Thất trảm sớ" dâng lên vua xin chém 7 tên nịnh thần, nhưng không được chấp nhận. Vì thế, ông treo mũ áo từ quan, về quê dạy học. Nhiều học trò giỏi của ông như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát,... đều được trọng dụng, làm quan lớn trong triều.

(Theo Nguyễn Khắc Thuần, Việt sử giai thoại, tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)



Hình 3. Tượng Chu Văn An (1292 – 1370) đặt tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

41

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS kể lại câu chuyện về một nhân vật Triều Trần mà HS có ấn tượng

Bước 1. GV yêu cầu HS tìm ra từ hoạt động khám phá trên để kể lại một trong các câu chuyện Phật hoàng Trần Nhân Tông, Thầy giáo lỗi lạc Chu Văn An hoặc một nhân vật Triều Trần bất kì mà HS đọc, nghe hoặc xem từ sách báo hoặc truyền hình. Để hoạt động kể đạt được hiệu quả mong muốn, GV có thể gợi ý HS theo các câu hỏi gợi mở.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể mở rộng kiến thức cho HS: Ngoài hai nhân vật chính xuất hiện trong SGK, GV có thể mở rộng thêm các câu chuyện về Lý Chiêu Hoàng (vị hoàng đế cuối cùng của Triều Lý, vị hoàng hậu đầu tiên của Triều Trần), Trần Thủ Độ (Thái sư đầu tiên của Triều Trần, có công lớn trong việc sáng lập triều đại này), Nguyễn Hiền (Trạng nguyên nhỏ tuổi nhất Triều Trần và trong lịch sử), Mạc Đĩnh Chi (Trạng nguyên nổi tiếng thanh liêm),... hướng đến những đóng góp lớn của các nhân vật này cho đất nước.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu những chiến thắng và nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5 trong SGK. Ngoài ra, GV cũng cung cấp thêm thông tin khác SGK để HS trả lời hoạt động này.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

Nhằm có cái nhìn toàn diện về cuộc kháng chiến khó khăn, gian khổ nhưng vĩ đại của quân dân Đại Việt dưới Triều Trần, GV có thể cung cấp thông tin về những trận đánh và tướng lĩnh lãnh đạo tiêu biểu trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, theo bảng gợi ý dưới đây:

Cuộc kháng chiến	Trận đánh tiêu biểu
Lần thứ nhất (1258)	Bình Lệ Nguyên, Đông Bộ Đầu
Lần thứ hai (1285)	Chương Dương, Hàm Tử
Lần thứ ba (1287 – 1288)	Vân Đồn, Bạch Đằng

GV có thể cung cấp thêm tư liệu lịch sử về nguyên nhân thắng lợi trong ba lần kháng chiến qua góc nhìn của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn:

Nghe tin Trần Quốc Tuấn bệnh, vua Trần Anh Tông đến thăm và hỏi về kế sách giữ nước, chống giặc ngoại xâm, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* đã ghi lại lời ông như sau: “Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt... Và lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rỗng bên gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

GV có thể cung cấp thêm một số nhân vật hi sinh vì nước như An Tư Công chúa, Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản, Hà Đặc,...

Hoạt động khám phá 4. Hướng dẫn HS tìm hiểu chiến thắng của quân dân nhà Trần trên sông Bạch Đằng

Bước 1. GV yêu cầu HS kể lại chiến thắng của quân dân nhà Trần trên sông Bạch Đằng và cho biết Trần Quốc Tuấn đã sử dụng kế sách nào đánh bại quân Nguyên.

2. Cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

– Kể tên những chiến thắng và nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

– Kể lại chiến thắng của quân dân nhà Trần trên sông Bạch Đằng. Qua đó, cho biết Trần Quốc Tuấn đã sử dụng kế sách nào đánh bại quân Nguyên.

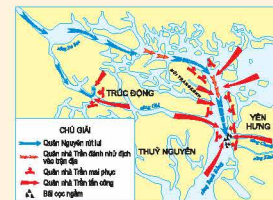
Quân dân nhà Trần đã ba lần đánh tan quân xâm lược Mông – Nguyên trong các năm 1258, 1285, 1287 – 1288 giữ vững nền độc lập của dân tộc. Nhiều câu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với các cuộc kháng chiến này đã được sử sách ghi lại.



Trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288

Đầu năm 1288, thuyền chở lương thực của quân Nguyên bị quân ta đánh chìm. Giặc lâm vào tình thế khó khăn buộc phải rút về nước. Để chặn đánh chúng, Trần Quốc Tuấn đã lợi dụng thủy triều lên xuống trên sông Bạch Đằng, cho quân bố trí trận địa bãi cọc để mai phục tiêu diệt giặc. Đầu tháng 4 – 1288, khi đoàn thuyền của Ô Mã Nhi đang rút về phía cửa sông Bạch Đằng, quân Trần cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy. Quân Nguyên đuổi theo, rơi vào trận địa mai phục. Cùng lúc đó, nước thủy triều rút xuống nhanh, đoàn thuyền của giặc bị cọc gỗ đâm thủng và vỡ đắm rất nhiều. Quân Trần từ bốn phía đổ ra, phản công quyết liệt, Ô Mã Nhi bị bắt sống, toàn bộ thủy binh giặc bị diệt.

(Theo Hà Văn Tấn – Phạm Thị Tâm, Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2019)



Hình 4. Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 1288

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

Gợi ý:

Kế sách trong quá trình chuẩn bị	Kế sách trong giai đoạn khi trận đánh diễn ra
Nghiên cứu và lợi dụng thủy triều để đóng cọc xuống lòng sông Bạch Đằng	Cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả vờ thua, dụ giặc rơi vào trận địa cọc (kể khích tướng).
Cho quân lính mai phục hai bên bờ sông, chỉ tấn công khi thời cơ đến	Canh con nước để phản công đúng thời gian dự tính (rất quan trọng vì sớm hay muộn đều không phát huy được hiệu quả của bãi cọc).



Em có biết?

Vô tướng Phạm Ngũ Lão

Phạm Ngũ Lão (1255 – 1320) xuất thân từ gia đình nông dân. Khi đất nước đang đứng trước họa xâm lăng, vì mãi mê ngồi suy nghĩ cách đánh giặc, không biết có đoàn quân của Hưng Đạo Vương (Trần Quốc Tuấn) đi ngang, lĩnh đầu đường đâm giặc vào chân chảy máu mà ông không hay biết. Sau khi hỏi han, biết được tài năng và tấm lòng yêu nước của ông, Hưng Đạo Vương đã trọng dụng và giao trọng trách trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên.



Lá cờ thù sáu chữ vàng

Khi giặc Nguyên chuẩn bị xâm lược, vua Trần tổ chức Hội nghị Bình Than bàn cách chống giặc. Vì còn nhỏ tuổi, Trần Quốc Tuấn không được tham dự. Với lòng căm thù giặc, nhận quả cam vua ban thưởng trong tay, Trần Quốc Tuấn bóp nát lúc nào chẳng biết. Trờ lại thái ấp của mình, Quốc Tuấn tập hợp hơn nghìn gia nô, sắm sửa vũ khí, tập luyện binh mã và viết lên lá cờ sáu chữ: “Phá cường địch, báo hoàng ân” (phá giặc mạnh, báo ơn vua) rồi xông pha đi giết giặc.



(Theo Quốc sử quán Triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007)

Hình 5. Phù điêu Trần Quốc Tuấn (1267 – 1285) (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam – Thành phố Hồ Chí Minh)



Luyện tập

- Hoàn thành bảng thông tin về một số thành tựu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước dưới Triều Trần theo mẫu dưới đây vào vở:

Nét chính	Thành tựu
Kinh tế	?
Văn hoá	?
Chống ngoại xâm	?

- Nêu những điều em đã học được từ một nhân vật lịch sử dưới Triều Trần.



Vận dụng

Sưu tầm và giới thiệu về một nhân vật lịch sử dưới Triều Trần (gợi ý: Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Yết Kiêu, Dã Tượng,...).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng thông tin về một số thành tựu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước dưới Triều Trần.

Nét chính	Thành tựu
Kinh tế	Nhà Trần có nhiều chính sách phát triển kinh tế như đặt ra các chức quan chăm lo và khuyến khích sản xuất, đắp đê, khai hoang,...
Văn hoá	Giáo dục, thi cử có bước phát triển mới: đặt lệ lấy đồ Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa), tuyển chọn người tài ra giúp nước.
Chống ngoại xâm	Ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên thắng lợi vào các năm 1258, 1285 và 1287 – 1288.

- GV yêu cầu HS nêu những điều đã học từ một nhân vật lịch sử dưới Triều Trần.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm và giới thiệu về một nhân vật lịch sử dưới Triều Trần.

GV gợi ý nội dung trả lời theo mẫu dưới đây:

Tên nhân vật	Đóng góp chính
Nguyễn Hiền	Trạng nguyên nhỏ tuổi nhất trong lịch sử nước ta, nhờ tài ứng đối nên đã giúp Triều Trần ứng phó trong bang giao với nước lớn.
Mạc Đĩnh Chi	Trạng nguyên từng đi sứ sang nhà Nguyên, nhờ tài ứng đối khiến vua Nguyên phục tài, làm quan lớn trong triều nhưng sống liêm khiết.
Yết Kiêu	Gia nô của Trần Quốc Tuấn, tham gia kháng chiến chống Mông – Nguyên.
Dã Tượng	Gia nô của Trần Quốc Tuấn, tham gia kháng chiến chống Mông – Nguyên.

Kế sách trong quá trình chuẩn bị

Bố trí quân ngăn chặn các hướng rút quân thủy không vào trận địa bãi cọc

Kế sách trong giai đoạn khi trận đánh diễn ra

Bất ngờ phản công từ bốn phía khiến giặc trở tay không kịp (lúc này thuyền giặc đã bị cố định, vỡ đắm nhiều nên quân Nguyên rơi vào tình thế hỗn loạn).

Nhằm khuyến khích khả năng sáng tạo và góc nhìn của HS, GV khuyến khích HS kể lại và tìm kế sách theo góc nhìn của các em. Sau đó, GV sẽ chốt lại vấn đề.

Lưu ý: hiện nay, có 2 quan điểm về địa điểm diễn ra Hội nghị Bình Than là Bắc Ninh và Hải Dương. Các nhà sử học vẫn đang tiếp tục nghiên cứu.

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn, lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê.
- + Kể lại được chiến thắng Chi Lăng.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: khai thác và sử dụng được những tư liệu lịch sử như tư liệu văn bản, hiện vật, tranh ảnh, câu chuyện liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện liên quan đến sự kiện, nhân vật của khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học về khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Giao tiếp và hợp tác: sử dụng ngôn ngữ phù hợp để diễn đạt được ý kiến của mình, có tham khảo, trao đổi với các bạn khi kể lại những câu chuyện liên quan đến các nhân vật khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

Phẩm chất

Lòng yêu nước: có thái độ trân trọng những thành quả lao động của ông cha. Sẵn sàng góp sức mình vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

- Gợi ý các hoạt động khởi động khác: GV trình chiếu hình ảnh trong lễ hội Lam Kinh ở Thanh Hoá.

Sau đó, GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Dựa vào hình ảnh và kiến thức đã học, em hãy cho biết ý nghĩa của lễ hội đó.

Lễ hội Lam Kinh là hoạt động tưởng nhớ và tôn vinh những đóng góp lớn lao của anh hùng dân tộc Lê Lợi và những bậc tiền nhân đã có công trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đây cũng là dịp để tôn vinh những giá trị văn hoá đặc sắc của vùng đất xứ Thanh, quảng bá vẻ đẹp của đất và con người Thanh Hoá. Đồng thời, lễ hội cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục về lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và tình yêu quê hương trong nhân dân.

Bài
11

KHỞ NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích,...).
- Kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về ải Chi Lăng, về Liễu Thăng,...).
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên,...).



Khởi động

Em hãy cho biết *Sự tích Hồ Gươm* nói về vị vua nào của dân tộc Việt Nam.



Khám phá

1. Một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy:

- Trình bày tóm tắt cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Kể lại chiến thắng Chi Lăng của nghĩa quân Lam Sơn.

Từ năm 1418 đến năm 1427, Lê Lợi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nhằm đánh đuổi quân Minh xâm lược. Nhiều người tài giỏi như Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, Lê Lai,... đều tham gia nghĩa quân.

Trong suốt 10 năm chiến đấu, Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn giành chiến thắng nhiều trận như: Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang,... Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, ách thống trị tàn bạo của nhà Minh bị lật đổ, mở ra thời kì độc lập của quốc gia Đại Việt.

44

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Gợi ý hoạt động Khởi động: GV trình chiếu đoạn phim hoạt hình hoặc kể lại câu chuyện *Sự tích Hồ Gươm*. Sau đó, GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Em hãy cho biết *Sự tích Hồ Gươm* nói về vị vua nào của dân tộc Việt Nam. Đó là vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3 trong SGK, trình bày tóm tắt cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và kể lại chiến thắng Chi Lăng của nghĩa quân Lam Sơn theo các nội dung sau:

* Khởi nghĩa Lam Sơn: thời gian, lãnh đạo, những nhân vật tiêu biểu, những chiến thắng tiêu biểu, kết quả, ý nghĩa.

* Chiến thắng Chi Lăng: thời gian, diễn biến chính, kết quả.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

* Khởi nghĩa Lam Sơn

– Thời gian: 1418 – 1427

– Lãnh đạo: Lê Lợi

– Những nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Lê Lai, Nguyễn Trãi,...

– Những chiến thắng tiêu biểu: Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang,...

– Kết quả: cuộc khởi nghĩa thắng lợi, ách thống trị tàn bạo của nhà Minh bị lật đổ.

– Ý nghĩa: mở ra thời kì độc lập lâu dài của quốc gia Đại Việt.



Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa

Dưới ách đô hộ của nhà Minh, đời sống nhân dân vô cùng khổ cực. Đầu năm 1416, Lê Lợi đã tổ chức Hội thề Lũng Nhai (Thanh Hoá), cùng với một số chí sĩ kết nghĩa anh em, quyết tâm đánh giặc giành độc lập. Ông nói: "Ta cất quân đánh giặc, không phải là có lòng ham muốn phú quý, mà chính vì muốn để nghìn năm về sau, người đời biết ta không chịu làm tôi tớ cho bọn giặc tàn ngược". Anh hùng hào kiệt từ bốn phương kéo về, Lam Sơn trở thành nơi tụ nghĩa.

(Theo Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998)



Hình 1. Tượng Lê Lợi (1385 – 1433) (Thanh Hoá)



Lê Lai cứu chúa

Lê Lai (người Thanh Hoá) là vị tướng luôn ở bên cạnh Lê Lợi, xông pha nhiều trận hiểm nguy. Vào cuối tháng 4 – 1418, nghĩa quân Lam Sơn gặp nhiều khó khăn, quân Minh bao vây bốn mặt, Lê Lai đã tự nguyện cải trang làm Lê Lợi, dẫn 500 quân ra phá vòng vây, đánh lừa quân địch để mở đường cho Lê Lợi rút lui. Quân Minh đã giết hại Lê Lai. Sau khi khởi nghĩa thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi vua, ông đã căn dặn con cháu rằng: "Ta có được ngày nay là nhờ Lê Lai, do đó, từ nay về sau phải làm giỗ Lê Lai trước". Ngày 22 – 8, Lê Lợi mất, các vua nối ngôi theo lời dặn của ông đã cùng Lê Lai vào ngày 21 – 8, dân gian có câu: "Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi".

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sdd)



Em có biết?

Nguyễn Trãi – vị quân sư lỗi lạc

Nguyễn Trãi quê ở Thường Tín, Hà Nội. Khi giặc Minh xâm lược nước ta, ông đã dâng "Bình Ngô sách" tới Lê Lợi. Đây là tác phẩm tập hợp những kế sách lớn nhằm diệt giặc cứu nước mà Nguyễn Trãi đã nghiên cứu nhiều năm, góp phần giúp khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi.



Hình 2. Tranh vẽ chân dung Nguyễn Trãi (1380 – 1442)

45

* Chiến thắng Chi Lăng

– Thời gian: năm 1427

– Diễn biến chính:

+ Quân của Liễu Thăng đi đường từ Quảng Tây (Trung Quốc) tiến vào nước ta.

+ Quân ta mai phục, giả thua dụ quân của Liễu Thăng vào ải Chi Lăng và rơi vào trận địa mai phục của ta.

+ Từ hai bên vách núi, quân ta bắn tên và phóng lao xuống.

– Kết quả: Liễu Thăng tử trận, quân Minh thua trận tan tác.

Gợi ý:

– GV có thể cho HS giới thiệu về những nhân vật lịch sử tiêu biểu: Lê Lợi, Lê Lai, Nguyễn Trãi, ... trong quá trình trình bày.

– GV yêu cầu HS dựa vào lược đồ và trình bày diễn biến của chiến thắng Chi Lăng.

Bước 4. GV nhận xét.

– Trận chiến Chi Lăng đã khiến cho mưu đồ cứu viện của quân Minh bị tan vỡ, mở ra hàng loạt những chiến thắng tiếp theo, khiến quân Minh phải đầu hàng và rút lui về nước.

– Nước ta giành được độc lập.

– Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, khôi phục quốc hiệu Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh (tức thành Thăng Long), đặt niên hiệu là Thuận Thiên, mở ra thời kì Hậu Lê hưng thịnh, hùng mạnh trong lịch sử dân tộc.

Chân trời sáng tạo

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu những nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Hậu Lê

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5 trong SGK, trình bày những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê theo các nội dung sau: chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục và giới thiệu một số nhân vật lịch sử tiêu biểu.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

- Chính trị: vua nắm quyền tuyệt đối, trực tiếp chỉ huy quân đội.
- Kinh tế: thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân.
- Văn hoá: xuất hiện nhiều tác phẩm nổi bật như *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần Triều Hậu Lê), *Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh),...
- Giáo dục: đặt nhiều thành tựu đáng kể như dựng lại Quốc Tử Giám; mở thêm trường và khoa thi.
- Một số nhân vật lịch sử tiêu biểu: Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh,...

Bước 4. GV nhận xét.

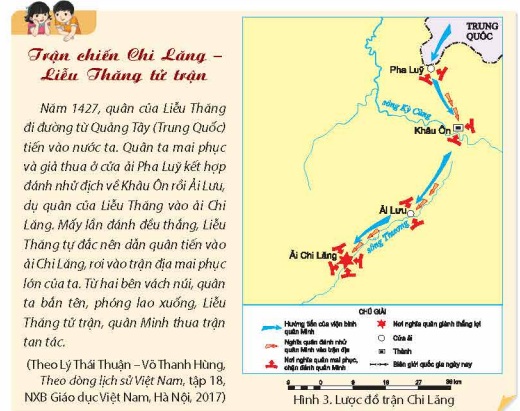
Triều Hậu Lê là một triều đại phát triển lâu dài và đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực như cải cách pháp luật, hoàn thiện bộ máy nhà nước phong kiến; chú trọng khai hoang, chăm sóc đề điều, phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp nổi tiếng với nhiều làng nghề như gốm Bát Tràng, gốm Chu Đậu,... và hình thành 36 phố phường ở kinh thành Thăng Long giúp hoạt động buôn bán sầm uất và nhộn nhịp hơn.

Triều Hậu Lê còn có công lao to lớn trong việc chấn hưng nền giáo dục thông qua việc coi trọng hiền tài là “nguyên khí quốc gia” như mở thêm trường, tổ chức các khoa thi, dựng bia Tiến sĩ ở Quốc Tử Giám để vinh danh và khuyến khích việc học tập.

Do đó, thời kì này xuất hiện những nhân vật lịch sử tiêu biểu đã đóng góp nhiều thành tựu quan trọng cho đất nước như Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên,...

Từ đó mà dân gian có câu “*Đời vua Thái Tổ, Thái Tông, Thóc lúa đầy đồng trâu chẳng buồn ăn*” để ca ngợi công đức của Triều Hậu Lê.

Một trong những trận đánh tiêu biểu, lẫy lừng mang tính quyết định của khởi nghĩa Lam Sơn là chiến thắng Chi Lăng.



2. Những nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Hậu Lê

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy trình bày những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê.

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập ra Triều Hậu Lê. Vua nắm quyền tuyệt đối, trực tiếp chỉ huy quân đội.

Các vua Triều Hậu Lê chú trọng thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân. Văn hoá, giáo dục đạt nhiều thành tựu đáng kể: dựng lại Quốc Tử Giám; mở thêm trường và khoa thi; xuất hiện nhiều tác phẩm nổi bật như *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần Triều Hậu Lê), *Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh),...

Chân trời sáng tạo

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS nêu một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn.

Gợi ý:

	Nội dung
Thời gian	1418 – 1427
Lãnh đạo	Lê Lợi
Một số chiến thắng tiêu biểu	Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang,...
Kết quả	Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, ách thống trị tàn bạo của nhà Minh bị lật đổ.
Ý nghĩa	Mở ra thời kì độc lập lâu dài của quốc gia Đại Việt.

2. GV gợi ý HS chọn một nhân vật lịch sử dưới Triều Hậu Lê để làm thẻ ghi nhớ.



Qua Lê Thánh Tông và chính sách khuyến khích nông nghiệp

Lê Thánh Tông là một trong những vị vua trị vì lâu nhất của Triều Hậu Lê. Trong những năm trị vì, ông đặc biệt quan tâm đến phát triển nông nghiệp. Ông lập ra các chức quan như Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, ... để coi sóc đê điều và cây cấy. Ông còn cho đắp đê Hồng Đức để ngăn nước mặn giúp dân khẩn hoang, lấn biển.

(Theo Đoàn Thị Minh Châu, *Lê Thánh Tông vị vua anh minh, tài ba trong lịch sử*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)



Hình 4. Tượng vua Lê Thánh Tông (1442 – 1497) đặt tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)



Trạng Lương Lương Thế Vinh

Lương Thế Vinh quê ở Nam Định. Ông rất giỏi tính toán, đo lường nên nhân dân kính trọng gọi ông là Trạng Lương. Chuyện kể rằng, có một lần, sứ thần của vua Minh sang nước ta và muốn thử tài, nhờ Trạng cần xem voi nặng bao nhiêu. Trạng mỉm cười và cho lính dắt voi xuống thuyền, đợi khi voi đã đứng yên thì sai người đánh dấu mẹp nước bên mạn thuyền, rồi dắt voi lên bờ. Sau đó, ông ra lệnh cho quân lính đổ đá vào thuyền, cho đến khi thuyền chìm xuống ngang mực nước đã đánh dấu thì thôi. Ông cho cân số đá, tính ra trọng lượng của voi. Sứ thần nhà Minh phải thốt lên: “Nước tôi chưa chắc có người hơn được tài quan Trạng. Xin bài phục! Xin bài phục!”

(Theo Quốc Chấn, *Thần đồng nước Nam Lương Thế Vinh*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2019)



Hình 5. Tranh vẽ chân dung Lương Thế Vinh (1442 – chưa rõ năm mất)



Luyện tập

- Nêu một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn.
- Làm thẻ ghi nhớ về một nhân vật lịch sử dưới Triều Hậu Lê theo gợi ý: tên nhân vật, đóng góp chính.



Vận dụng

Sưu tầm và giới thiệu về một nhân vật lịch sử dưới Triều Hậu Lê, sau đó chia sẻ những điều em học được từ nhân vật.

47

Gợi ý:

GV thiết kế sẵn mẫu thẻ ghi nhớ theo tên nhân vật và đóng góp chính. Sau đó, cho HS thực hiện và trao đổi sản phẩm với nhau.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS sưu tầm và giới thiệu về một nhân vật lịch sử dưới Triều Hậu Lê, sau đó chia sẻ những điều em học được từ nhân vật.

Gợi ý:

GV có thể cho HS sưu tầm tranh ảnh, câu chuyện, tư liệu lịch sử về một nhân vật lịch sử dưới Triều Hậu Lê và rút ra những điều học được từ nhân vật. Sau đó, trình bày cho các bạn trong lớp cùng nghe.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Nêu được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời Nguyễn.
- + Trình bày được một số câu chuyện về các nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Nguyễn.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: khai thác và sử dụng được những tư liệu lịch sử như tư liệu văn bản, hiện vật, tranh ảnh liên quan về Triều Nguyễn.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện liên quan đến sự kiện và nhân vật thời Nguyễn.

Năng lực chung

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: đưa ra một số đề xuất nhỏ về giữ gìn và phát triển di sản thời Nguyễn.

Phẩm chất

Trách nhiệm: sẵn sàng góp sức mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bài
12

TRIỀU NGUYỄN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Nguyễn.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Hàm Nghi, Phan Đình Phùng,...).



Khởi động

Cố đô Huế đã từng là kinh đô của triều đại nào? Hãy nêu những hiểu biết của em về triều đại này.



Khám phá

1. Sự thành lập Triều Nguyễn và công cuộc xây dựng đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy:

- Trình bày sự thành lập Triều Nguyễn.
- Nêu một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Nguyễn.



Hình 1. Tranh vẽ chân dung vua Gia Long (1762 – 1820)

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long, lập ra Triều Nguyễn, định đô ở Phú Xuân (Thừa Thiên Huế). Triều Nguyễn quản lí một quốc gia thống nhất từ ái Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Triều Nguyễn từng bước hoàn thiện bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, ban hành *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, chủ trương đẩy mạnh chính sách khai hoang, mở rộng diện tích canh tác, thành lập nhiều làng xóm; phát huy các giá trị truyền thống, văn hoá và giáo dục đạt nhiều thành tựu; tiếp tục thực thi chủ quyền đối với các vùng biển, đảo của đất nước...

48

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV cho HS xem đoạn phim về di sản văn hoá thế giới (Quần thể di tích Cố đô Huế) để các em có thêm thông tin cho câu trả lời về Cố đô Huế. GV cho HS xung phong để chia sẻ những hiểu biết của các em về Triều Nguyễn. Mỗi HS sẽ nêu một ý kiến, sau đó GV chốt lại để đặt vấn đề bắt đầu bài học.

GV thiết kế trò chơi ô chữ để HS làm quen với những từ khoá có liên quan đến Triều Nguyễn.

Các ô chữ hàng ngang:

- (13 chữ cái) Vị vua sáng lập Triều Nguyễn. (NGUYỄN PHÚC ÁNH)
- (6 chữ cái) Đây là một trong những ngôi chợ nổi tiếng nhất ở thành phố Huế. (ĐÔNG BA)
- (6 chữ cái) Đây là hệ tư tưởng được Triều Nguyễn cực kì chú trọng. (NHO HỌC)
- (8 chữ cái) Vị vua thứ hai của Triều Nguyễn. (MINH MẠNG)
- (6 chữ cái) Đây là nơi đóng đô của vua chúa thời phong kiến. (KINH ĐÔ)
- (10 chữ cái) Đây là cách gọi khác của sông Hương. (HƯƠNG GIANG)

Ô chữ hàng dọc: (6 chữ cái) Đây là cửa lớn nhất và quan trọng nhất trong Hoàng thành Huế. (NGỌ MÔN)

1	N	G	U	Y	Ê	N	P	H	Ú	C	Ã	N	H
2			Đ	Ô	N	G	B	A					
3		N	H	O	H	Q	C						
4		M	I	N	H	M	À	N	G				
5	K	I	N	H	Đ	Ô							
6			H	Ú	Ơ	N	G	G	I	A	N	G	



Em có biết?

Nguyễn Công Trứ quê ở Hà Tĩnh, giữ chức quan Doanh điền sứ trong Triều Nguyễn. Ông đã có công lớn trong việc tổ chức cho nhân dân khai hoang đất đai, lập ra huyện Tiền Hải (Thái Bình) và huyện Kim Sơn (Ninh Bình). Nhiều người dân nghèo có đất định cư, góp phần ổn định xã hội, phát triển kinh tế.



Hình 2. Tranh vẽ chân dung Nguyễn Công Trứ (1778 – 1858)

Cuối thế kỉ XIX, nhà Nguyễn rơi vào khủng hoảng, suy yếu, nhiều quan lại, sĩ phu yêu nước đã gửi đề nghị cải cách nhằm canh tân đất nước.



Nguyễn Trường Tộ đề nghị canh tân đất nước

Nguyễn Trường Tộ người làng Bùi Chu (Nghệ An) nổi tiếng thông minh lại chăm chỉ nên được gọi là "Trạng Tộ". Ông thông thạo tiếng Hán và từng sang phương Tây học tập. Khi trở về nước, trước bối cảnh Triều Nguyễn khủng hoảng, đời sống nhân dân khó khăn, ông đã gửi nhiều bản "điều trần" để nghị canh tân đất nước với nội dung: mở rộng quan hệ ngoại giao, cử người đi học tập kĩ thuật phương Tây, mở trường dạy đồng bào, đúc súng, ... với mong muốn làm cho đất nước giàu mạnh. Vua Tự Đức đã khước từ đề nghị của ông.



Hình 3. Tượng Nguyễn Trường Tộ (1830 – 1871) (Nghệ An)

(Theo Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Trường Tộ người mong muốn đổi mới đất nước, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)

2. Phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy tóm tắt những nét chính về phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX.

Sau khi Triều Nguyễn đầu hàng thực dân Pháp, nhân dân và một bộ phận quan lại không chịu khuất phục. Cuộc phản công của Tôn Thất Thuyết tại kinh thành Huế bị thất bại. Vua Hàm Nghi đã phát dụ Cần vương cùng Tôn Thất Thuyết lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong thời kì này đã diễn ra một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như Ba Đình (Phạm Bành và Đinh Công Tráng), Bãi Sậy (Nguyễn Thiện Thuật), Hương Khê (Phan Đình Phùng),...

49

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu sự thành lập Triều Nguyễn

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 1 trong SGK, trình bày sự thành lập của Triều Nguyễn.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể cung cấp thêm thông tin cho HS: Vào những năm cuối thế kỉ XVIII, từ Gia Định, Nguyễn Phúc Ánh đã từng bước mở rộng thế lực. Đến năm 1802, sau khi lật đổ nhà Tây Sơn, ông là vị vua đầu tiên quản lí một đất nước thống nhất sau hơn 250 năm bị chia cắt.

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS nêu một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Nguyễn

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3 trong SGK, nêu một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Nguyễn.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

– GV có thể mở rộng kiến thức cho HS:

- Luật pháp:** bộ *Luật Gia Long* gồm có 398 điều, trong đó có những điều luật đề cao luân lí xã hội truyền thống Việt Nam như bốn phận phụng dưỡng cha mẹ, tôn sư trọng đạo,...
- Kinh tế:** chính sách khai hoang phát huy hiệu quả tích cực. Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ có công lớn khi tổ chức nhân dân khai hoang, lập nên huyện Tiền Hải (Thái Bình), huyện Kim Sơn (Ninh Bình). Huyện Tiền Hải với 18 970 mẫu và 2 350 đinh. Huyện Kim Sơn với 14 620 mẫu và 1 260 đinh. Nhờ đó, chính sách doanh điền được mở rộng ra các tỉnh phía Nam, ruộng đất vì thế tăng lên đáng kể.
- Văn hoá:** giáo dục được quan tâm, lập Đốc học đường, đến năm 1807 bắt đầu tổ chức kì thi Nho học. Văn học Nôm đạt đến đỉnh cao với các tác phẩm nổi bật như *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu), tập thơ của Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan,... Nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu là Hoàng thành và lăng tẩm vua chúa Triều Nguyễn ở Huế. Nhà nhạc cung đình Huế đạt đến đỉnh cao nghệ thuật ca diễn.
- Biển, đảo:** tiếp nối sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo từ các chúa Nguyễn, Triều Nguyễn tái lập và chinh đồn Hải đội Hoàng Sa, đồng thời đẩy mạnh hơn hoạt động quản lí, đo đạc, khai thác đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa thường xuyên và đều đặn hằng năm.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu những nét chính về phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5 trong SGK, tóm tắt những nét chính về phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

– GV chú ý khai thác thêm câu chuyện về vua Hàm Nghi: dù ông lên ngôi và lãnh đạo phong trào Cần vương khi còn nhỏ tuổi (vua lên ngôi lúc 13 tuổi và phát động phong trào Cần vương khi mới 14 tuổi) nhưng đã thể hiện được khí chất của một vị vua yêu nước dám dấn thân vào con đường chống Pháp đầy khó khăn và nguy hiểm. Khi bị bắt năm 1888, lúc này ông chỉ mới 17 tuổi, Pháp dùng mọi cách mua chuộc, dụ dỗ nhưng đều không lay chuyển được ông, chúng buộc phải lưu đày ông đến tận châu Phi.

– GV có thể yêu cầu HS khai thác thêm thông tin từ *dự Cần vương* bằng các câu hỏi gợi ý như: vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần vương trong hoàn cảnh nào? “Cần vương” có nghĩa là gì? *Dự Cần vương* hướng đến đối tượng nào?

– GV có thể mở rộng thông tin về các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương: khởi nghĩa Ba Đình dựa vào địa thế của 3 làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mỹ Khê (Thanh Hoá) để chống Pháp trong giai đoạn 1886 – 1887. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy thì dựa vào địa hình ngập nước và lau sậy um tùm thuận lợi cho hoạt động trú ẩn và đánh du kích, kéo dài trong thời gian gần 10 năm (1883 – 1892).

Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng lấy Hương Khê làm trung tâm với địa bàn hoạt động của nghĩa quân trải rộng khắp 4 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Được sự hỗ trợ của Cao Thắng, nghĩa quân đã chế được súng kiểu Pháp năm 1874 và việc tổ chức quân thứ hiệu quả nên nghĩa quân hoạt động và tấn công giặc liên tục, gây cho Pháp nhiều thiệt hại.



Em có biết?

Nguyễn Công Trứ quê ở Hà Tĩnh, giữ chức quan Doanh điền sứ trong Triều Nguyễn. Ông đã có công lớn trong việc tổ chức cho nhân dân khai hoang đất đai, lập ra huyện Tiên Hải (Thái Bình) và huyện Kim Sơn (Ninh Bình). Nhiều người dân nghèo có đất định cư, góp phần ổn định xã hội, phát triển kinh tế.



Hình 2. Tranh vẽ chân dung Nguyễn Công Trứ (1778 – 1858)

Cuối thế kỉ XIX, nhà Nguyễn rơi vào khủng hoảng, suy yếu, nhiều quan lại, sĩ phu yêu nước đã gửi đề nghị cải cách nhằm canh tân đất nước.



Nguyễn Trường Tộ đề nghị canh tân đất nước

Nguyễn Trường Tộ người làng Bùi Chu (Nghệ An) nổi tiếng thông minh lại chăm chỉ nên được gọi là “Trạng Tộ”. Ông thông thạo tiếng Hán và từng sang phương Tây học tập. Khi trở về nước, trước bối cảnh Triều Nguyễn khủng hoảng, đời sống nhân dân khó khăn, ông đã gửi nhiều bản “điều trần” đề nghị canh tân đất nước với nội dung: mở rộng quan hệ ngoại giao, cử người đi học tập kĩ thuật phương Tây, mở trường dạy đồng bào, đúc súng, ... với mong muốn làm cho đất nước giàu mạnh. Vua Tự Đức đã khước từ đề nghị của ông.

(Theo Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Trường Tộ người mong muốn đổi mới đất nước, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)



Hình 3. Tượng Nguyễn Trường Tộ (1830 – 1871) (Nghệ An)

2. Phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy tóm tắt những nét chính về phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX.

Sau khi Triều Nguyễn đầu hàng thực dân Pháp, nhân dân và một bộ phận quan lại không chịu khuất phục. Cuộc phản công của Tôn Thất Thuyết tại kinh thành Huế bị thất bại. Vua Hàm Nghi đã phát dụ Cần vương cùng Tôn Thất Thuyết lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong thời kì này đã diễn ra một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như Ba Đình (Phạm Bành và Đình Công Tráng), Bãi Sậy (Nguyễn Thiện Thuật), Hương Khê (Phan Đình Phùng),...

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

- GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn theo gợi ý.
- GV hướng dẫn HS chọn và kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử trong bài mà em có ấn tượng, theo gợi ý như sau: nêu được tiểu sử nhân vật (tên, tuổi, quê quán,...). Công lao của nhân vật ấy đối với Triều Nguyễn là gì? HS ấn tượng hoạt động nào? Theo HS, vì sao hoạt động ấy lại ấn tượng? Lí giải theo góc nhìn của cá nhân.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm một số tranh ảnh, tư liệu liên quan đến Triều Nguyễn, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

GV gợi ý cho HS sưu tầm thông tin, tranh ảnh về 5 di sản đặc sắc và tiêu biểu về Triều Nguyễn:



Vị vua nhỏ tuổi yêu nước, chống Pháp

Hàm Nghi lên ngôi vua năm 1884, trong tình cảnh đất nước đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Khi cuộc tấn công quân Pháp ở kinh thành Huế bị thất bại, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi lên căn cứ Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây, vua phát "dụ Cần vương", trong dụ có đoạn viết: "...kề tri thiên mưu, người dùng hiền sức, giàu có bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào đồng trạch chẳng từ gian hiểm, như thế là phải".

Năm 1888, trước sự truy lùng gắt gao, vua Hàm Nghi bị bắt. Thực dân Pháp đày ông sang An-giê-ri (Algeria). Dù ở rất xa đất nước, ông vẫn luôn hướng về quê hương cho đến hơi thở cuối cùng.

(Theo Trần Văn Giàu, Chống xâm lăng, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001)



Hình 4. Tranh vẽ chân dung vua Hàm Nghi (1871 – 1944) lúc bị đày ở An-giê-ri



Em có biết?

Phan Đình Phùng quê ở Hà Tĩnh, làm quan dưới Triều Nguyễn. Ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896). Đây là cuộc khởi nghĩa lớn và tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương. Nghĩa quân đã chế tạo được súng kiểu Tây và chiến đấu trên địa bàn rộng khắp 4 tỉnh là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình gây cho Pháp nhiều thiệt hại nặng nề.



Hình 5. Tượng Phan Đình Phùng (1847 – 1895) (Hà Tĩnh)



Luyện tập

- Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn theo gợi ý: sự thành lập, công cuộc xây dựng đất nước, đấu tranh chống Pháp.
- Chọn và kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử trong bài mà em có ấn tượng. Nếu lí do em chọn nhân vật ấy.



Vận dụng

Sưu tầm một số tranh ảnh, tư liệu liên quan đến Triều Nguyễn, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

STT	Tên di sản	Danh hiệu được UNESCO ghi danh	Năm ghi danh	Khía cạnh liên quan đến Triều Nguyễn
1	Quần thể di tích Cố đô Huế	Di sản văn hoá thế giới	1993	Là quần thể kiến trúc thuộc kinh đô của Vương triều Nguyễn.
2	Nhã nhạc cung đình Huế	Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại	2003	Thể loại âm nhạc được trình diễn trong cung đình Việt Nam, phát triển đỉnh cao vào thời Nguyễn.
3	Mộc bản Triều Nguyễn	Di sản tư liệu thế giới	2009	34 618 văn bản Hán – Nôm được khắc ngược trên gỗ vào thời Nguyễn.
4	Châu bản Triều Nguyễn	Di sản tư liệu thế giới	2014	773 tài liệu Hán – Nôm, gồm 85 000 văn bản hành chính hình thành trong hoạt động quản lí nhà nước thời Nguyễn (1802 – 1945).
5	Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế	Di sản tư liệu thế giới	2016	Được trang trí theo lối "Nhất thi nhất hoạ" với 2 679 ô thơ văn và chũm đố ô hoạ được chạm khắc, sơn thiếp, cẩn xà cừ trên các kiến trúc cung đình Huế.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được một số nét chính về Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
- + Trình bày được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pắc Bó, Tân Trào, khi viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*; chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng được kiến thức lịch sử để nhận xét về công lao của các anh hùng trong cuộc kháng chiến chống Pháp vào nửa đầu thế kỉ XX: Hồ Chí Minh, Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.

Năng lực chung

Tự chủ và tự học: có ý thức học tập những tấm gương anh hùng trong cuộc kháng chiến chống Pháp vào nửa đầu thế kỉ XX: Hồ Chí Minh, Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.

Phẩm chất

Yêu nước: biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.



CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn... trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pắc Bó, Tân Trào, khi viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*; chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.



Khởi động

Hãy cho biết lời bài hát dưới đây nhắc đến sự kiện lịch sử nào ở Việt Nam. Em biết gì về sự kiện đó?

“...Mười chín tháng Tám, ánh sao tự do đưa tới.

Cờ bay nơi nơi, muôn ánh sao vàng...”

Mười chín tháng Tám, cờ quên là ngày khởi nghĩa.

Hạnh phúc sáng tỏ, non sông Việt Nam?”

(Xuân Oanh, *Mười chín tháng Tám*, 1945)



Khám phá

1. Cách mạng tháng Tám thành công

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy cho biết thắng lợi ở một số địa phương lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra như thế nào.

Sau khi Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, Đảng và Bác Hồ đã kêu gọi toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước. Khởi nghĩa đã giành thắng lợi nhanh chóng trong 15 ngày, tiêu biểu là Hà Nội ngày 19 – 8, Huế ngày 23 – 8 và Sài Gòn ngày 25 – 8.

51

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV yêu cầu HS đọc lời bài hát trong SGK hoặc phát đoạn nhạc của bài *Mười chín tháng Tám* của tác giả Xuân Oanh.

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bằng cách gợi ý một số chi tiết trong lời bài hát như: “Mười chín tháng Tám”, “tự do”, “ánh sao vàng”, “khởi nghĩa”,... Bài hát nhắc đến Cách mạng tháng Tám, cụ thể là ngày 19 – 8 – 1945. Ngày 19 – 8 hằng năm là ngày kỉ niệm Cách mạng tháng Tám thành công.

Gợi ý các hoạt động Khởi động:

- GV yêu cầu HS xem đoạn phim tư liệu “19 – 8 – 1945: Mùa thu cách mạng” trên kênh VTV24 được công chiếu vào ngày 19 – 8 – 2020. (Link phim: https://youtu.be/fQb6hLWvI-c?si=0suA56kg6HH_svZV)

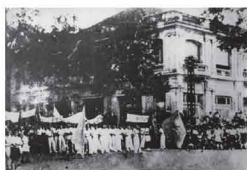
GV đặt câu hỏi: Đoạn phim tư liệu nhắc đến sự kiện nào trong lịch sử dân tộc? Nêu một vài thông tin mà em biết được từ đoạn phim tư liệu này.

- GV yêu cầu HS: Sắp xếp các con số 0, 1, 8, 9 để ghép thành một ngày lễ kỉ niệm quan trọng trong lịch sử dân tộc. Nêu những hiểu biết của em về sự kiện này.

Ngày 19 – 8 – 1945, nhân dân Hà Nội và các tỉnh lân cận mít tinh rộng khắp, thể hiện khí thế hào hùng. Đến trưa, đại diện Ủy ban khởi nghĩa đọc lời kêu gọi nhân dân đứng lên giành chính quyền. Quần chúng tiến hành biểu tình, có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, chiếm các cơ quan đầu não của địch. Tối cùng ngày, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân cả nước cùng đấu tranh giành độc lập.



Hình 1. Cuộc mít tinh tại Hà Nội ngày 19 – 8 – 1945



Hình 2. Cuộc mít tinh tại Sài Gòn ngày 25 – 8 – 1945



Em có biết?

Chiều ngày 30 – 8 – 1945, vua Bảo Đại trao ấn kiếm cho đại diện của Chính phủ cách mạng, tuyên bố “làm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước nô lệ”.

2. Một số câu chuyện lịch sử

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, 7, hãy kể lại một câu chuyện lịch sử mà em có ấn tượng. Liệt kê sự lựa chọn của em.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta. Để làm nên thắng lợi đó, cuộc cách mạng đã có sự đóng góp của nhiều nhân vật lịch sử tiêu biểu như Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh), Võ Nguyên Giáp, Kim Đồng....

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về Cách mạng tháng Tám năm 1945

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2 trong SGK, trình bày thắng lợi ở một số địa phương lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) trong Cách mạng tháng Tám.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

– Tại Hà Nội

Tối 14, rạng sáng 15 – 8 – 1945, mặc dù chưa nhận được Chỉ thị từ Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhưng với tinh thần yêu nước, nhận thấy tình thế cách mạng đã đến, Xứ ủy Bắc Kỳ đã nhóm họp tại làng Vạn Phúc (Hà Nội) để lên kế hoạch khởi nghĩa.

Ngày 18 – 8 – 1945, cờ đỏ sao vàng xuất hiện trên đường phố Hà Nội. Ngày 19 – 8 – 1945, Ủy ban Quân sự Cách mạng Hà Nội quyết định phát động khởi nghĩa dưới hình thức biểu tình quần chúng. Tối cùng ngày, cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội đã giành thắng lợi hoàn toàn, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân cả nước cùng đấu tranh chống xâm lược.

– Tại Huế

Ngày 20 – 8 – 1945, hay tin thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa của nhân dân Hà Nội, Ủy ban lâm thời tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập, thông qua kế hoạch khởi nghĩa. Ngày 23 – 8 – 1945, cuộc mít tinh của nhân dân đã diễn ra và kết thúc thắng lợi hoàn toàn.

– Tại Sài Gòn

Tối 24 – 8 – 1945, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát lệnh khởi nghĩa. Sáng 25 – 8 – 1945, nhân dân các tỉnh Tây Nguyên, Tây Nam Kỳ kéo về trung tâm thành phố để mít tinh. Cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn, thúc đẩy phong trào khởi nghĩa của các tỉnh còn lại ở Nam Bộ.

Chiều 30 – 8 – 1945, vua Bảo Đại – vị vua cuối cùng của Triều Nguyễn – đọc *Chiếu thoái vị*. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi hoàn toàn trên cả nước. Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

GV mở rộng thông tin về Cách mạng tháng Tám:

Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam là các tỉnh giành chính quyền sớm nhất (ngày 18 – 8 – 1945). Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là hai địa phương giành chính quyền muộn nhất (ngày 28 – 8 – 1945). Với nội dung này, GV có thể liên hệ lịch sử địa phương, cung cấp thêm cho HS về Cách mạng tháng Tám tại địa phương.

Ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945:

– Đối với Việt Nam:

+ Cuộc cách mạng đã lật đổ ách thống trị kéo dài hơn 80 năm của thực dân Pháp và gần 5 năm của phát xít Nhật, đồng thời, lật đổ chế độ phong kiến tồn tại hơn nghìn năm ở Việt Nam.

+ Mở ra trang sử mới trong lịch sử dân tộc: Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

– Đối với thế giới: Cách mạng tháng Tám cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc trên thế giới. Nhà sử học Na Uy Xanh Tân-nơ-sôn (Stein Tønnesson) khẳng định: *“Việt Nam đứng ở tuyến đầu của phong trào chống thực dân trên toàn thế giới dẫn đến sự sụp đổ của một số đế quốc ở châu Âu. Điều đó đã đẩy mạnh sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc, biến thế giới của các vua chúa, các thuộc địa thành những nhà nước dân tộc”*.

(Theo Tạ Thị Thuý, *Lịch sử Việt Nam, tập 9: 1930 – 1945*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, trang 726)

Ngày 19 – 8 – 1945, nhân dân Hà Nội và các tỉnh lân cận mít tinh rộng khắp, thể hiện khí thế hào hùng. Đến trưa, đại diện Ủy ban khởi nghĩa đọc lời kêu gọi nhân dân đứng lên giành chính quyền. Quần chúng tiến hành biểu tình, có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, chiếm các cơ quan đầu não của địch. Tối cùng ngày, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân cả nước cùng đấu tranh giành độc lập.



Hình 1. Cuộc mít tinh tại Hà Nội ngày 19 – 8 – 1945



Hình 2. Cuộc mít tinh tại Sài Gòn ngày 25 – 8 – 1945



Em có biết?

Chiều ngày 30 – 8 – 1945, vua Bảo Đại trao ấn kiếm cho đại diện của Chính phủ cách mạng, tuyên bố “tạm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước nô lệ”.

2. Một số câu chuyện lịch sử

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, 7, hãy kể lại một câu chuyện lịch sử mà em có ấn tượng. Liệt kê sự lựa chọn của em.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta. Để làm nên thắng lợi đó, cuộc cách mạng đã có sự đóng góp của nhiều nhân vật lịch sử tiêu biểu như Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh), Võ Nguyên Giáp, Kim Đồng,...

52

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu và kể lại một số câu chuyện

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, 7 trong SGK, kể lại một câu chuyện lịch sử mà em có ấn tượng. Liệt kê sự lựa chọn của em.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

GV cung cấp đoạn nội dung trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2 – 9 – 1945:

“Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”...

“...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

(Lược trích theo *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011)

GV cung cấp thêm thông tin: Bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2 – 9 – 1945 đã trích dẫn *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ năm 1776, bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của nước Pháp năm 1791. *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2 – 9 – 1945 là một văn kiện lịch sử quan trọng, khẳng định quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của nhân dân Việt Nam, các quyền cơ bản của con người (quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc) mà mỗi người dân Việt Nam đều xứng đáng được hưởng.

“Ông Ké” trong lòng người dân Pác Bó

Sau khi về nước năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn xây dựng căn cứ địa cách mạng tại Pác Bó (Cao Bằng). Tại đây, Người vừa lãnh đạo cách mạng Việt Nam, vừa dạy chữ cho người dân, quan tâm từng người già, trẻ nhỏ. Hình ảnh một cụ già ăn cần bèn trẻ nhỏ đã in sâu vào trong lòng người dân nơi đây. Họ thường trêu mến gọi Người là “Ông Ké” (tiếng địa phương có nghĩa là ông già đáng kính).

(Theo Ma Trường Nguyên, Ông Ké thượng cấp, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2016)

Hình 3. Tranh vẽ Bác Hồ (1890 – 1969) làm việc tại Pác Bó

Hồ Chí Minh và căn cứ địa cách mạng Tân Trào

Tháng 5 – 1945, Bác Hồ rời Pác Bó về Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang). Vùng đất này hội đủ các yếu tố để xây dựng và phát triển thành căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa. Tại đây, trong một căn lán nhỏ đơn sơ ở khu rừng Nà Nưa, Người và Trung ương Đảng đã đưa ra những chính sách kịp thời, táo bạo, góp phần nhanh chóng đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

(Theo Ban Tuyên giáo Trung ương, 117 câu chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007)

Hình 4. Lán Nà Nưa – nơi làm việc của Hồ Chí Minh tại Tân Trào (Tuyên Quang)

Kim Đồng – Người anh hùng trẻ tuổi

Kim Đồng (1929 – 1943) tên thật là Nông Văn Dền, quê ở tỉnh Cao Bằng. Anh tham gia cách mạng từ sớm, làm nhiệm vụ giao liên, chuyển thư và đưa đón cán bộ cách mạng. Trong một lần làm nhiệm vụ, phát hiện quân Pháp tới nơi căn bộ đang họp, anh đã đánh lạc hướng chúng để cán bộ rút về căn cứ an toàn. Bị giặc truy đuổi, anh trúng đạn và hi sinh khi chỉ mới 14 tuổi. Anh chính là người Đội trưởng đầu tiên của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

(Theo Đức Lân, Đời sống cảm của Kim Đồng, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019)

Hình 7. Khu di tích lịch sử Kim Đồng (Cao Bằng)

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thông tin về các sự kiện chính trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn theo mẫu dưới đây vào vở:

Thời gian	Sự kiện
19 – 8 – 1945	?
23 – 8 – 1945	?
25 – 8 – 1945	?

2. Trong số các câu chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh, em yêu thích nhất câu chuyện nào? Vì sao?

Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh, bài thơ, bài hát về Cách mạng tháng Tám, sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS (hay nhóm HS) hoàn thành bảng thông tin về các sự kiện chính trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Gợi ý:

Thời gian	Sự kiện
19 – 8 – 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội.
23 – 8 – 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế.
25 – 8 – 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn.

2. GV gợi ý HS chọn câu chuyện yêu thích trong ba câu chuyện về Hồ Chí Minh: “Ông Ké” trong lòng người dân Pác Bó; Hồ Chí Minh và căn cứ địa cách mạng Tân Trào; Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc “Tuyên ngôn Độc lập”. GV gợi ý nguyên nhân.

VẬN DỤNG

GV gợi ý HS tìm các thông tin như hình ảnh, bài thơ, bài hát về Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Gợi ý: bài thơ *Huế tháng Tám*, *Vui bất tuyệt* của Tố Hữu, *Ngọn quốc kì* của Xuân Diệu, *Tổng khởi nghĩa* của Xuân Thủy,...; bài hát *Đoàn Vệ quốc quân* của Phan Huỳnh Điểu, *Ba Đình nắng* của Bùi Công Kỳ,...

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (câu chuyện về kéo pháo ở Điện Biên Phủ, chuyện bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri,...).
- + Trình bày được một số câu chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (ví dụ: Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn,...).
- + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sử dụng được lược đồ để trình bày diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Năng lực chung

Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với lược đồ, tranh ảnh để trình bày về diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Phẩm chất

Yêu nước: biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954

Bài
14



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể lại được diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh và các câu chuyện về kéo pháo ở Điện Biên Phủ, chuyện bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri (De Castries),...).
- Suy tầm và kể lại được một số câu chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (ví dụ: Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn,...).



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về chiến dịch Điện Biên Phủ?



Hình 1. Đoàn xe đạp chở vận chuyển lương thực và đạn dược phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ



Khám phá

1. Chiến dịch Điện Biên Phủ

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, em hãy trình bày diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Tháng 12 – 1953, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ – tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của Pháp được xây dựng tại vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam.

56

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK.

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bằng cách gợi ý:

- Các nhân vật trong hình đang làm gì?
- Họ đang vận chuyển những gì?
- Họ vận chuyển để làm gì?
- Theo em, trong quá trình vận chuyển, họ sẽ gặp những khó khăn gì?

Gợi ý:

Đây là đoàn người vận chuyển lương thực, vũ khí,... bằng xe đạp đến khu tập kết để chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

GV cung cấp thêm thông tin cho HS: để chuẩn bị cho chiến dịch, hàng vạn xe đạp thô được trưng dụng để chở đạn đại bác. Các khẩu pháo được tháo rời để vận chuyển từng bộ phận bằng xe đạp đến vị trí tập kết và lắp ráp. Từng đoàn xe đạp chở

đầy lương thực, súng đạn, hàng nghìn bè mảng lướt trên sông, chở hàng đến nơi tập kết. Tại đó, hàng vạn dân công tiếp tục khiêng gánh trên những đoạn đường mà xe đạp, thuyền bè không đi được. Tất cả đều cố gắng dốc hết sức người, sức của và tinh thần phục vụ cho chiến dịch.

GV có thể thiết kế hoạt động Khởi động khác.

Gợi ý: Em hãy cho biết đoạn thơ sau nhắc đến sự kiện gì trong lịch sử Việt Nam. Hãy trình bày những hiểu biết của em về sự kiện này.

"...Nghe trưa nay, tháng năm mồng bảy

Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!

Trông: Bốn mặt, lũy hầm sụp đổ

Tướng quân bay lố nhố cờ hàng

Trông: Chúng ta cờ đỏ sao vàng



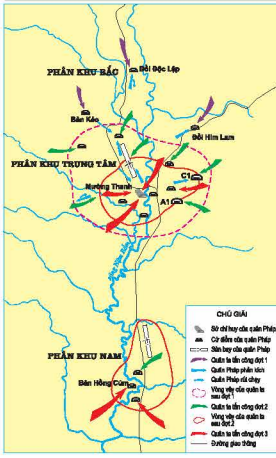
Kéo pháo ở Điện Biên Phủ

Để chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ, quân và dân ta đã kéo những khẩu pháo nặng hàng tấn bằng đèo cao, vượt suối sâu trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt dưới trời mưa gió rét. Khẩu pháo vừa vào đến trận địa, nhân thấy chưa thể bắt đầu chiến dịch quân ta được lệnh kéo pháo ra. Kéo pháo vào đã vô cùng gian khổ nhưng kéo pháo ra lại càng gian khổ hơn. Quân Pháp phát hiện các hoạt động của bộ đội ta và đã liên tục cho máy bay ném bom, pháo kích gây ra nhiều tổn thất. Với những nỗ lực và quyết tâm to lớn, nhiệm vụ kéo pháo đã hoàn thành, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

(Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018)



Hình 2. Bộ đội ta kéo pháo chuẩn bị cho đợt tấn công trong chiến dịch Điện Biên Phủ



Hình 3. Lược đồ chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra 3 đợt: đợt 1 từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3; đợt 2 từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4; đợt 3 từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5.

Vào 17 giờ 30 phút, ngày 7 – 5 – 1954, quân ta đánh vào hầm chỉ huy của quân Pháp, bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri – Chỉ huy trưởng của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Toàn bộ Ban tham mưu của quân Pháp đầu hàng. Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.



Em có biết?

Trong một lần vận chuyển pháo vào đêm tối, đường dốc, dây kéo pháo bị đứt, pháo lao nhanh xuống dốc. Trước tình hình đó, anh Tô Vĩnh Diện đã quên mình lao vào cứu pháo.

57

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4 trong SGK, trình bày diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời:

Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra 3 đợt:

+ Đợt 1 (từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3 – 1954): quân ta tấn công căn cứ Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

+ Đợt 2 (từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954): quân ta tiến đánh vào phía đông phân khu Trung tâm.

+ Đợt 3 (từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954): quân ta tổng tấn công các căn cứ còn lại ở phân khu Trung tâm và phân khu Nam.

17 giờ 30 phút ngày 7 – 5 – 1954, quân ta đánh vào hầm chỉ huy của Pháp, bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri – Chỉ huy trưởng của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Toàn bộ Ban tham mưu của Pháp đầu hàng.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

Năm 1946, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam. Nhân dân ta tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương (tên gọi của Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10 – 1930 đến tháng 2 – 1951).

Tại vùng rừng núi Tây Bắc, gần biên giới với Lào, Pháp đã xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ hùng mạnh. Tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt quân Pháp, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Lào.

GV có thể mở rộng kiến thức cho HS:

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 21 – 7 – 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) – Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương – được kí kết, chính thức đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp toàn thắng của nhân dân ta.

Rực trời đất Điện Biên toàn thắng!

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên!

Tiếng reo núi vọng sông rền

Đêm nay chắc cũng về bên Bác Hồ

Bác đang cúi xuống bản đồ

Chắc là nghe tiếng quân hò quân reo...

Từ khi vượt núi qua đèo

Ta đi, Bác vẫn nhìn theo từng ngày

Tin về mừng thọ đêm nay

Chắc vui lòng Bác, giờ này đợi trông..."

(Tố Hữu, *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*, tháng 5 – 1954)

Ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954:

- Chiến thắng của quân ta tại Điện Biên Phủ đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng tại các địa phương khác trên lãnh thổ Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.
- Chiến thắng là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”*.

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12,

NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 410)

- Thắng lợi của chiến dịch đã cổ vũ các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ La-tinh đứng lên đấu tranh giải phóng và giành độc lập dân tộc.

Ngoài ra, GV hướng dẫn HS khai thác hai câu chuyện lịch sử *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ* và *Bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri* để bổ sung thêm thông tin về chiến dịch Điện Biên Phủ.

GV có thể đặt các câu hỏi gợi mở để HS tìm hiểu về:

- Câu chuyện *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ*: Quân và dân ta kéo pháo để làm gì? Trong quá trình kéo pháo, quân và dân ta đã gặp những khó khăn nào?
- Câu chuyện *Bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri*: Tướng Đờ Ca-xtơ-ri là ai? Việc quân ta bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri thể hiện điều gì?



Bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri

Chiều ngày 7 – 5 – 1954, quân ta dưới sự chỉ huy của Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật và các đồng chí Đào Văn Hiếu, Chu Bá Thệ, Hoàng Đăng Vinh, Bùi Văn Nhỏ tiến vào hầm chỉ huy Pháp. Lúc này, các sĩ quan Pháp tỏ ra rất mệt mỏi và lo âu. Riêng tướng Đờ Ca-xtơ-ri vẫn đội mũ ca lô và ngồi cúi mặt xuống bàn. Sau đó, ông cầm máy điện thoại ra lệnh cho toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên Phủ đầu hàng. Tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng các sĩ quan Pháp cũng xin hàng. Bộ đội ta hướng dẫn họ đi theo hàng lối, dẫn đến trại tù binh.

(Theo Nguyễn Gia Phú – Bùi Tuyết Hương, *Chuyện lịch sử Việt Nam và thế giới* (dành cho học sinh tiểu học), tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006)



Hình 4. Tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng các sĩ quan Pháp đầu hàng ngày 7 – 5 – 1954

2. Truyền về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy:

- Kể lại câu chuyện về một anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Nêu cảm nghĩ về sự dũng cảm và hi sinh của các anh hùng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ gắn liền với sự hi sinh của nhiều tấm gương anh hùng từ quá trình chuẩn bị đến khi chiến dịch thành công như Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót,...



Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng

Cuối năm 1953, trong trận đánh chuẩn bị cho chiến dịch, Bế Văn Đàn và nhiều đồng đội bị thương. Một khẩu trung liên của đơn vị không bắn được vì xạ thủ hi sinh. Tình thế hết sức hiểm nguy, không ngần ngại, Bế Văn Đàn cầm hai khẩu trung liên đặt lên vai mình và hô bắn. Đồng đội còn do dự thì Bế Văn Đàn đã nói: “Kẻ thù trước mặt, đồng chí có thương tôi thì bắn chết chúng nó đi”. Đồng đội nổ súng vào đội hình quân địch, tiêu diệt hàng chục tên. Địch hoảng hốt bỏ chạy. Trong lúc lấy thân mình làm giá súng, anh bị thương nặng hơn và anh dùng hi sinh. Tấm gương dũng cảm của anh đã cổ vũ cán bộ, chiến sĩ trên toàn mặt trận hàng hải thi đua giết giặc lập công, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sđd)



Hình 5. Chân dung anh hùng Bế Văn Đàn (1931 – 1953)

58

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu và kể chuyện về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6 trong SGK, kể lại một câu chuyện về một anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ; nêu cảm nghĩ về sự dũng cảm và hi sinh của các anh hùng.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV kết hợp việc giáo dục lòng yêu nước cho HS: sự hi sinh dũng cảm của các anh hùng là những tấm gương sáng về lòng yêu nước để mỗi người dân Việt Nam noi theo.

GV đặt các câu hỏi gợi mở cho HS: Nếu sống trong thời chiến tranh, các em sẽ làm thế nào? Hiện tại, được sống trong thời bình, các em nhận thấy bản thân cần phải có trách nhiệm gì?

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bằng cách khai thác kết quả tìm hiểu về ba đợt tiến công ở mục 1.
- GV hướng dẫn HS hoàn thành thẻ ghi nhớ như sau:

Tên anh hùng	Đóng góp chính
Bế Văn Đàn	Lấy thân mình làm giá súng.
Phan Đình Giót	Lấy thân mình lấp lỗ châu mai.
Tô Vĩnh Diện	Quên mình lao vào cứu pháo.

VẬN DỤNG

GV gợi ý HS tìm các thông tin như hình ảnh, câu chuyện về các tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 như Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Văn Noa, Hoàng Văn Nô, Hoàng Khắc Dực, Đinh Văn Mẫu, Chu Văn Mùi, Nguyễn Tiến Thụy, Dương Quảng Châu, Bùi Đình Cư, Đặng Đình Hồ, Trần Đình Hùng,...

Phan Đình Giót
Lấy thân mình lấp lỗ châu mai

Chiều 13 – 3 – 1954, Phan Đình Giót và các đồng đội nổ súng tiêu diệt căn cứ Him Lam. Quân Pháp tập trung hoá lực chống trả quyết liệt. Mặc dù bị thương nặng, anh vẫn cố gắng chiến đấu, quyết tâm tiêu diệt giặc. Hoà lực từ lỗ cốt số 3 của địch bất ngờ bắn liên tục, chặn bước tiến công của quân ta. Lực lượng quân xung kích bị ùn lại, anh cố gắng nhích mình lên gần lỗ cốt số 3 với ý nghĩ chấy bóng duy nhất là lấp tắt lỗ cốt này, bảo vệ đồng đội. Anh đã dùng hết sức còn lại để nâng tiểu liên bắn mạnh vào lỗ châu mai và hét to: “Quyết hi sinh vì Đảng, vì dân”, lao cả thân mình vào bịt kín lỗ châu mai của địch. Đồng đội anh tiếp tục tiến lên, tạo nên chiến thắng mở màn cho chiến dịch Điện Biên Phủ.
(Theo Trần Tích Thành, Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)

Hình 6. Chân dung anh hùng Phan Đình Giót (1922 – 1954)

Luyện tập

- Hoàn thành sơ đồ về diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ theo mẫu dưới đây vào vở:

13 – 3 – 1954 Đợt 1 Đợt 2 Đợt 3 7 – 5 – 1954

?

- Hoàn thành thẻ ghi nhớ về các anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ theo gợi ý: tên nhân vật, đóng góp chính,...

Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh, câu chuyện về tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

59

GV trao đổi thêm:

Đồng chí Trần Can sinh năm 1931, dân tộc Kinh, quê quán ở xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Hai mươi tuổi đồng chí Trần Can nhập ngũ, trở thành bộ đội Cụ Hồ, luôn có tinh thần xung phong, chăm chỉ luyện tập, giữ nghiêm kỉ luật và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong Chiến dịch Tây Bắc thu – đông năm 1952, khi được tham gia trận đánh lớn đầu tiên, đồng chí Trần Can dẫn đầu tiểu đội dùng thủ pháo tiêu diệt hoả lực địch.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, cả tiểu đội thương vong gần hết, Trần Can đã cùng hai chiến sĩ còn lại tổ chức thành một tổ ba người tiếp tục chiến đấu diệt luôn ba ụ súng của địch, đánh thẳng vào sở chỉ huy, tiêu diệt cơ quan đầu não của chúng, bắt sống 22 tên, thu 17 khẩu súng các loại.

Tiếp đó, đồng chí Trần Can luôn quả cảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trận cuối cùng của đồng chí Trần Can là tấn công tiêu diệt cứ điểm 507 bên bờ sông Nậm Rốm, cách sở chỉ huy của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ khoảng 300 m. Đồng chí dẫn đầu tiểu đội xông lên áp đảo địch chiếm nửa cột cờ, địch bắn đại bác dữ dội và cho quân chiếm lại. Ta với địch giành giật quyết liệt, đồng chí Trần Can tiếp tục chiến đấu giữ vững vị trí và đánh lui bốn đợt phản kích của chúng. Địch phản công lần thứ năm, hai bên giằng co bằng lựu đạn và đánh giáp lá cà. Trận đánh diễn ra rất ác liệt suốt đêm 6 – 5. Cán bộ đại đội 366 bị thương lui về phía sau, trung đội trưởng Trần Can mặc dù bị thương nhưng vẫn lên thay thế tiếp tục chỉ huy phá hàng rào địch.

Đồng chí Trần Can đã anh dũng hi sinh vào sáng 7 – 5 – 1954 khi quân ta chiếm được một phần cứ điểm 507. Ngày 7 – 5 – 1956, liệt sĩ Trần Can đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.
- + Trình bày được một số câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sử dụng được lược đồ để trình bày diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Năng lực chung

Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kể hợp với lược đồ, tư liệu lịch sử để trình bày về diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Phẩm chất

Yêu nước: yêu quê hương, yêu Tổ quốc.

Bài
15

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH NĂM 1975



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể lại được diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, có sử dụng lược đồ, tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện...).
- Kể lại được một số câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.



Khởi động

Vào tháng 4 hằng năm, Việt Nam có ngày lễ lớn nào? Nêu những hiểu biết của em về ngày lễ đó.



Khám phá

1. Chiến dịch Hồ Chí Minh

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy cho biết Chiến dịch Hồ Chí Minh đã diễn ra như thế nào.

Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế – Đà Nẵng cuối tháng 3 – 1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định với tên gọi Chiến dịch Hồ Chí Minh.



Hình 1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các thành viên Quân ủy Trung ương bàn phương án tác chiến Chiến dịch Hồ Chí Minh

60

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV hướng dẫn HS kể tên về ngày lễ lớn diễn ra vào tháng 4 hằng năm và nêu hiểu biết của HS về ngày lễ đó: ngày 30 – 4 là ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Gợi ý thiết kế hoạt động Khởi động khác:

GV sử dụng hình ảnh xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập (HS đã được tìm hiểu trong Bài 26: Thành phố Hồ Chí Minh ở SGK *Lịch sử và Địa lí 4* – bộ sách Chân trời sáng tạo).

Gợi ý: Quan sát hình, em hãy cho biết đây là sự kiện gì.



Hình 1. Xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập

GV hướng dẫn HS quan sát hình để trả lời: hình ảnh xe tăng của quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30 – 4 – 1975.

Hoặc GV có thể dẫn lời một bài hát và yêu cầu HS trình bày hiểu biết về sự kiện lịch sử được đề cập trong đó.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3 trong SGK, trình bày diễn biến Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế – Đà Nẵng. 17 giờ ngày 26 – 4 – 1975, chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh) chính thức bắt đầu. Quân ta từ năm hướng đồng loạt tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của Chính quyền Sài Gòn.

10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975, xe tăng và bộ binh của quân ta tiến vào Dinh Độc Lập. Tổng thống của Chính quyền Sài Gòn là Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền. Tại miền Nam, đế quốc Mỹ đã dựng nên Chính quyền Sài Gòn nhằm chia cắt vĩnh viễn nước ta. Nhân dân ta đã anh dũng đấu tranh chống quân Mỹ xâm lược.

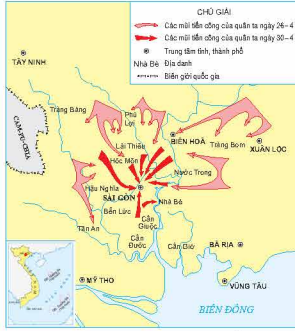
Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định giải phóng miền Nam. Từ ngày 4 – 3 – 1975, quân ta bắt đầu mở cuộc tấn công. Sau hơn một tháng chiến đấu, quân ta đã giải phóng được toàn bộ Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung.

GV mở rộng về ý nghĩa của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975: thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh dấu sự kết thúc của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do, thống nhất đất nước.

Ngày 26 – 4 – 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức bắt đầu. Năm cánh quân Giải phóng đồng loạt tiến công địch từ bên ngoài vào trung tâm Sài Gòn.

Ngày 28 – 4 – 1975, các chiến sĩ không quân đã cho máy bay ném bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy nhiều máy bay của địch.

Vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975, xe tăng của quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập. Tổng thống của Việt Nam Cộng hòa (Chính quyền Sài Gòn) tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh.



Hình 2. Lược đồ Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975



Hình 3. Xe tăng của quân Giải phóng tại Dinh Độc Lập trưa ngày 30 – 4 – 1975

2. Một số câu chuyện lịch sử

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy chọn và kể lại một câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh mà em ấn tượng.



Tiến vào Dinh Độc Lập

Ngày 30 – 4 – 1975, hai chiếc xe tăng 843 và 390 do Đại đội trưởng Bùi Quang Thận và Trung úy Vũ Đăng Toàn chỉ huy tiến vào Dinh Độc Lập. Xe tăng 843 tiến trước vào cổng phụ nhưng bị kẹt lại. Xe tăng 390 báng lên húc thẳng vào cổng chính, mở đường cho các xe tăng khác đồng loạt tiến vào.

61

Gợi ý: Em hãy đọc lời bài hát sau và trình bày những hiểu biết về sự kiện lịch sử được nhắc đến.

“...Đồng bào ơi! Giải phóng về đây tung cánh tự do!

Tiến lên giết giặc! Siết thêm chặt vòng vây

Tiến vô Sài Gòn đánh tan thành giặc Mỹ!

Tiến về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù

Hướng về đồng bằng ta tiến về thành đô

Nước nhà còn chờ trận cuối là trận này

Tiến về đồng bằng, giải phóng thành đô!”

(Lưu Hữu Phước, *Tiến về Sài Gòn*, 1966)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu và kể một số câu chuyện lịch sử về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 4 trong SGK, chọn và kể lại một câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh mà em ấn tượng.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

– Anh hùng Bùi Quang Thận:

Đồng chí Bùi Quang Thận, sinh ngày 10 – 10 – 1948, nhập ngũ tháng 11 – 1966, quê Thụy Xuân, Thái Thụy, Thái Bình. Đồng chí là người cán bộ ưu tú thuộc thế hệ đầu tiên của Lữ đoàn xe tăng 203 và đã trải qua nhiều cương vị như Trưởng xe, Trung đội phó, Trung đội trưởng, Đại đội trưởng, Tiểu đoàn trưởng, Phó Lữ đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Chủ nhiệm Tăng thiết giáp quân đoàn.

Ngày 30 – 4 – 1975, đồng chí Bùi Quang Thận chỉ huy Đại đội xe tăng 4 dẫn đầu đội hình xe tăng trong mũi thọc sâu của Quân đoàn 2 đánh chiếm Sài Gòn. Xe tăng 843 do đồng chí chỉ huy đã tiến thẳng vào trung tâm đầu não của Chính quyền Sài Gòn, đồng chí đã xông lên cắm lá cờ chiến thắng trên nóc phủ Tổng thống Chính quyền Sài Gòn lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4 – 1975, báo hiệu Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

– Tiến vào Dinh Độc Lập:

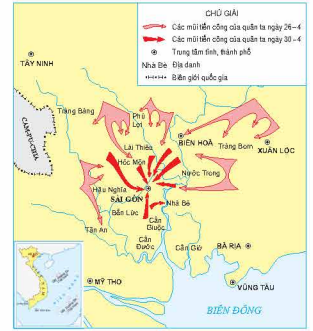
Hiện nay, phiên bản các xe tăng 843, 390 được trưng bày tại Dinh Độc Lập (Thành phố Hồ Chí Minh).

Lá cờ được cắm trên nóc Dinh Độc Lập trưa 30 – 4 – 1975 dài gần 1 m, rộng 70 cm. Đây là lá cờ treo trên cần ăng-ten của xe tăng 843 từ Huế vào Sài Gòn.

Ngày 26 – 4 – 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức bắt đầu. Năm cánh quân Giải phóng đồng loạt tiến công địch từ bên ngoài vào trung tâm Sài Gòn.

Ngày 28 – 4 – 1975, các chiến sĩ không quân đã cho máy bay ném bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy nhiều máy bay của địch.

Vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975, xe tăng của quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập. Tổng thống của Việt Nam Cộng hòa (Chính quyền Sài Gòn) tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh.



Hình 2. Lược đồ Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975



Hình 3. Xe tăng của quân Giải phóng tại Dinh Độc Lập trưa ngày 30 – 4 – 1975

2. Một số câu chuyện lịch sử

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy chọn và kể lại một câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh mà em ấn tượng.



Tiến vào Dinh Độc Lập

Ngày 30 – 4 – 1975, hai chiếc xe tăng 843 và 390 do Đại đội trưởng Bùi Quang Thận và Trung uý Vũ Đăng Toàn chỉ huy tiến vào Dinh Độc Lập. Xe tăng 843 tiến trước vào cổng phủ nhưng bị kẹt lại. Xe tăng 390 báng lên húc thẳng vào cổng chính, mở đường cho các xe tăng khác đồng loạt tiến vào.



a)



b)

Hình 2. Phiên bản xe tăng 390 (a) và xe tăng 843 (b) được trưng bày tại Dinh Độc Lập

Đại đội trưởng Bùi Quang Thận nhảy ra khỏi xe, cùng một số chiến sĩ tiến thẳng lên ban công của toà nhà, giật bỏ lá cờ của Chính quyền Sài Gòn và kéo lá cờ Giải phóng lên cột cờ cao nhất của Dinh Độc Lập vào lúc 11 giờ 30 phút.

(Theo Trần Hải Phụng – Lưu Phương Thanh, *Lịch sử Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định kháng chiến (1945 – 1975)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994)



Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng

Sau khi tiến vào Dinh Độc Lập, quân Giải phóng tấn công vào phòng họp tầng 2 – nơi Tổng thống Dương Văn Minh và các quan chức cấp cao của Chính quyền Sài Gòn đang ngồi. Dương Văn Minh đứng dậy nói: “Chúng tôi đang đợi các ông để bàn giao”. Một sĩ quan cách mạng hỏi to: “Các ông đã bị bắt làm tù binh, các ông phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Các ông không còn gì để bàn giao”. Dương Văn Minh chấp nhận, trao khẩu súng ngắn cho bộ đội ta và được đưa đến đài phát thanh đọc bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện.



Hình 4. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng tại Đài phát thanh Sài Gòn trưa ngày 30 – 4 – 1975

(Theo Trần Hải Phụng – Lưu Phương Thanh, *Lịch sử Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định kháng chiến (1945 – 1975)*, Sđd)



Luyện tập

Vẽ đường thời gian thể hiện diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.



Vận dụng

Sưu tầm một câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

“Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống Chánh quyền Sài Gòn, kêu gọi quân lực cộng hoà hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố Chánh quyền Sài Gòn từ Trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn, giao toàn bộ chánh quyền cho Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam”.

(Theo Nguyễn Văn Nhật, *Lịch sử Việt Nam, tập 13:*

từ năm 1965 đến năm 1975,

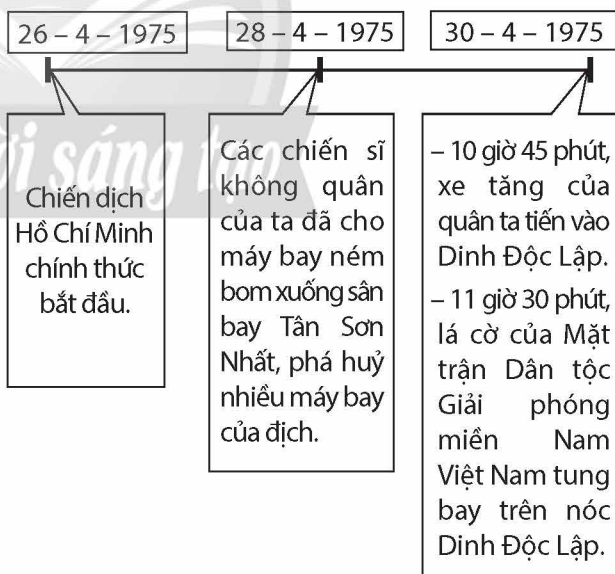
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS vẽ đường thời gian thể hiện diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Gợi ý:



VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS sưu tầm một câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 và chia sẻ với các bạn.

– Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng:

Dương Văn Minh là Tổng thống cuối cùng của Chính quyền Sài Gòn. Ông giữ chức vụ Tổng thống trong 2 ngày, từ ngày 28 – 4 đến 30 – 4 – 1975.

Đoạn tuyên bố đầu hàng không điều kiện của Tổng thống Dương Văn Minh tại Đài Phát thanh Sài Gòn trưa ngày 30 – 4 – 1975 có đoạn:

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Mô tả được một số hiện vật của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam.
- + Trình bày được một số câu chuyện về thời bao cấp ở Việt Nam.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm được một số tranh ảnh hoặc vật dụng về thời kì Đổi mới ở địa phương em.

Năng lực chung

Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với tư liệu lịch sử để mô tả được một số hiện vật của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam.

Phẩm chất

Yêu nước: yêu quê hương, yêu Tổ quốc.

Bài
16

ĐẤT NƯỚC ĐỔI MỚI



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, hiện vật...) và mô tả được một số hiện vật của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về thời bao cấp ở Việt Nam.
- Nếu được một số thành tựu về kinh tế – xã hội của đất nước Việt Nam trong thời kì Đổi mới, có sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện...).



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về thời bao cấp ở Việt Nam?



Hình 1. Xếp hàng mua chất đốt thời bao cấp



Khám phá

1. Thời bao cấp ở Việt Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, em hãy:

- Mô tả một số hiện vật của thời bao cấp.
- Kể lại một câu chuyện về thời bao cấp.

63

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV hướng dẫn HS quan sát khai thác các chi tiết của hình 1 trong SGK thông qua việc GV đặt lần lượt từng câu hỏi gợi mở:

- Các nhân vật trong hình đang làm gì?
- Tại sao họ phải xếp hàng?

Ở phần này, GV có thể liên hệ với hiện tại để gợi ý: Ngày nay, chất đốt được bán ở đâu? Người dân có dễ dàng mua chất đốt không? Người dân có phải xếp hàng để mua chất đốt hoặc các nhu yếu phẩm khác không?

Gợi ý: trong thời bao cấp, mọi nhu yếu phẩm đều khan hiếm nên được Nhà nước phân phối qua hình thức tem phiếu, sổ mua hàng. Người dân phải xếp hàng để mua các mặt hàng này. Vì vậy, việc xếp hàng để mua hàng hoá là hình ảnh rất phổ biến ở Việt Nam thời bao cấp.

Gợi ý thiết kế hoạt động Khởi động khác:

GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động sau:

Hãy ghép các chữ cái sau thành một từ có nghĩa: P, E, U, T, H, I, M, Ế.

GV gợi ý: Đây là một vật dùng để mua hàng, thay thế cho việc sử dụng tiền trong thời bao cấp.

Thời bao cấp ở Việt Nam chỉ một thời kì diễn ra trên phạm vi cả nước từ sau khi đất nước thống nhất đến khi Đổi mới (1976 – 1986). Thời kì này, nhà nước thực hiện phân phối hàng hoá, lương thực, thực phẩm cho cán bộ bằng tem phiếu. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.



Chuyện xếp hàng mua thực phẩm

Một trong những câu chuyện đáng nhớ nhất của những người sống trong thời bao cấp là việc xếp hàng mua thực phẩm tại các cửa hàng mậu dịch. Người mua quá đông nên lúc nào các cửa hàng cũng chật kín người nối đuôi nhau dài dằng dặc như chơi trò rồng rắn. Có nhiều nhà hết gạo hoặc vào ngày giò đám, muốn mua sớm phải đến từ 3 – 4 giờ sáng, thậm chí là nửa đêm. Trong lúc đi mua hàng, nếu người mua có việc cần đi ra ngoài, phải xếp gạch để giữ chỗ. Vào một số ngày, khi hàng hoá được bán hết, người mua phải quay về đợi ngày hôm sau ra xếp hàng.

(Theo Đặng Phong, *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975 – 1989: Nhật kí thời bao cấp*, NXB Trí thức, Hà Nội, 2015)



Hình 2. Sổ đăng kí mua lương thực



Hình 3. Mẫu tem phiếu thời bao cấp



Khu tập thể thời bao cấp

Nhiều cán bộ, công nhân viên chức trong thời bao cấp được cấp cho một căn hộ trong khu tập thể. Tại đây, họ chia nhau từng con cua, con cá, ngọn rau tìm được, cùng nhau tụ họp tại một gia đình để xem tivi. Ai về quê có ít quà đều đem chia cho các nhà xung quanh. Ai có việc khó khăn như đau ốm, mất mát đều được hàng xóm láng giềng đến chia sẻ, động viên, giúp đỡ. Vào những ngày lễ, tết họ cùng nhau trang trí lại khu tập thể, quây quần bên những mâm cơm, kể nhau nghe các câu chuyện vui buồn.

(Theo Nguyễn tác giả, *Chuyện thời bao cấp*, NXB Thông tấn, Hà Nội, 2010)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS mô tả một số hiện vật của thời bao cấp

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4 trong SGK, mô tả một số hiện vật thời bao cấp.

GV gợi ý: các thông tin ghi trên hình 2, 3 gồm những gì? Sổ đăng kí mua lương thực, tem phiếu được dùng để làm gì? Em có nhận xét gì về cấu tạo của quạt con cóc?

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Mô tả một số hiện vật thời bao cấp:

- Sổ đăng kí mua lương thực (hình 2) gồm các thông tin về chủ hộ gia đình, địa chỉ (tổ, phường, quận), sổ đăng kí mua lương thực, tên của cửa hàng bán lương thực. Sổ này dùng để mua lương thực cho mỗi hộ gia đình, nó phụ thuộc vào số lượng nhân khẩu trong mỗi hộ.
- Tem phiếu (hình 3) gồm thông tin về người mua đường (họ tên, địa chỉ), cơ quan cấp phiếu đường, thông tin về thời gian mua đường trong năm. Phiếu này dùng để mua đường dùng cho một năm (năm 1976), trong đó mỗi tháng chủ sở hữu phiếu được mua 100 gam đường.

- Quạt con cóc (hình 4) có cấu tạo thô sơ, khá đơn giản. Nó không có nút điều khiển, không có lồng bảo vệ cánh quạt nên có thể gây nguy hiểm cho trẻ em.

GV mở rộng thông tin: vào thời bao cấp, quạt được bán với giá 35 đồng, vì thế, người ta còn gọi là quạt 35 đồng.

Bước 4. GV nhận xét.

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS kể một câu chuyện về thời bao cấp

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc hai câu chuyện *Chuyện xếp hàng mua thực phẩm* và *Khu tập thể thời bao cấp* để kể lại một câu chuyện thời bao cấp.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau khi kể câu chuyện:

- Em có ấn tượng gì về chuyện mua thực phẩm thời bao cấp?
- Em có nhận xét gì về tình làng nghĩa xóm của người dân trong các khu tập thể?

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS mô tả một số hiện vật thời kì Đổi mới

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 8 trong SGK, mô tả hiện vật thời kì Đổi mới.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

So với quạt con cóc trong thời bao cấp, quạt điện Lidico do Xí nghiệp Liên hợp điện cơ Thành phố Hồ Chí Minh sản xuất năm 1990 có cấu tạo hoàn thiện hơn: có lồng bảo vệ cánh quạt (đảm bảo an toàn khi sử dụng), có bộ điều chỉnh tốc độ.

Bước 4. GV nhận xét.

Hoạt động khám phá 4. Hướng dẫn HS nêu một số thành tựu về kinh tế – xã hội của Việt Nam trong thời kì Đổi mới

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, 7 trong SGK, nêu một số thành tựu về kinh tế – xã hội của Việt Nam trong thời kì Đổi mới.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Một số thành tựu trong thời kì Đổi mới: từ một nước thiếu lương thực, Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Kinh tế phát triển đã thúc đẩy văn hoá, xã hội tiến bộ hơn. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể cung cấp thêm thông tin: bên cạnh đó, trong quá trình tiến hành đổi mới, Việt Nam đã mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế trên trường quốc tế với việc tham gia vào các tổ chức quốc tế và khu vực như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1995, Liên hợp quốc năm 1997, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007,...

GV trao đổi thêm:

– Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18 – 12 – 1986.



Em có biết?

Quạt con cóc là một trong số ít những vật dụng được sản xuất tại Việt Nam thời bao cấp, được xem một trong các món hàng xa xỉ. Người ta gọi là quạt con cóc vì thân quạt gồm hai mảnh nhựa ốp vào nhau, khiến thân quạt gù trông như con cóc.



Hình 4. Quạt con cóc thời bao cấp

2. Thời kì Đổi mới ở Việt Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, 7, 8, em hãy:

- Mô tả một số hiện vật thời kì Đổi mới.
- Nêu một số thành tựu về kinh tế – xã hội của Việt Nam trong thời kì Đổi mới.

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam bước vào thời kì Đổi mới, xoá bỏ thời bao cấp.

Nhờ công cuộc đổi mới, kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển. Từ một nước thiếu lương thực, Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Công nghiệp được đẩy mạnh đầu tư, tiến tới hiện đại hoá đất nước. Sự ổn định của kinh tế đã thúc đẩy văn hoá, xã hội có những thay đổi đáng kể, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.



Hình 5. Xuất khẩu gạo ở cảng Hải Phòng năm 1998

Đại hội có 1 129 đại biểu thay mặt cho gần 1,9 triệu đảng viên trong toàn Đảng. Đến đại hội có 32 đoàn đại biểu quốc tế...

Đại hội cũng nhận rõ: tình hình kinh tế – xã hội đang có những khó khăn gay gắt; sản xuất tăng chậm; hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp; phân phối lưu thông có nhiều rối ren; những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được thu hẹp; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố; đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn,...

Nhìn chung, chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu tổng quát do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình đất nước, tự phê bình về những sai lầm khuyết điểm, đổi mới tư duy lí luận trải qua

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS chọn và kể lại một trong hai câu chuyện *Chuyện xếp hàng mua thực phẩm, Khu tập thể thời bao cấp*.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS sưu tầm một số tranh ảnh hoặc vật dụng về thời kì Đổi mới ở địa phương em, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

GV gợi ý HS khai thác những vật dụng trong gia đình hoặc sưu tầm, tự chụp hình ảnh về sự hiện đại hoặc những điểm nổi bật ở địa phương.



Hình 6. Cầu Nhật Tân (Hà Nội)



Hình 7. Khu đô thị Landmark (Thành phố Hồ Chí Minh)



Em có biết?

Quạt điện sản xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 1990. So với quạt con cóc thời bao cấp, quạt này cao hơn, có lồng bảo vệ cánh quạt và có bộ điều chỉnh tốc độ.



Hình 8. Quạt điện



Luyện tập

Chọn và kể lại một câu chuyện về thời bao cấp mà em ấn tượng.



Vận dụng

Sưu tầm một số tranh ảnh hoặc vật dụng về thời kì Đổi mới ở địa phương em, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

hiều tìm tòi, khảo nghiệm từ thực tiễn, Đại hội đề ra đường lối đổi mới.

Trước hết là đổi mới cơ cấu kinh tế (cơ cấu công – nông nghiệp; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp; ngành công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng; cơ cấu kinh tế huyện). Thực hiện ba chương trình kinh tế bao gồm chương trình lương thực, thực phẩm; chương trình hàng tiêu dùng; chương trình hàng xuất khẩu. Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.



Hình 1. Đại hội VI của Đảng họp tại Hà Nội

– Đồng chí Nguyễn Văn Linh

Đồng chí Nguyễn Văn Linh (tên khai sinh là Nguyễn Đức Cúc, mọi người quen gọi là Nguyễn Văn Cúc) sinh tại Hà Nội, quê gốc ở Hưng Yên.

Tháng 12 – 1986, tại Đại hội VI của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh được tin cậy bầu làm Tổng Bí thư của Đảng để lãnh đạo thực hiện đường lối Đổi mới do Đại hội xác định. Đồng chí đã nỗ lực cao độ cùng tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương kiên định triển khai đồng bộ sự nghiệp đổi mới đất nước, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, tiến hành đổi mới hệ thống chính trị một cách vững chắc.

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Trung Quốc.
- + Tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc: Vạn Lý Trường Thành và Cố cung Bắc Kinh,...
- + Kể lại được một số câu chuyện về Vạn Lý Trường Thành, Kiến trúc sư Nguyễn An và Cố cung Bắc Kinh,...
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: khai thác và sử dụng được những tư liệu lịch sử như tư liệu văn bản, hiện vật, tranh ảnh, câu chuyện liên quan đến Trung Quốc.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) về một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc.
- + Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các quốc gia trên thế giới.

Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với tư liệu để trình bày về các công trình tiêu biểu của Trung Quốc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

Phẩm chất

Nhân ái: biết quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc trên thế giới.

Chủ đề 4: CÁC NƯỚC LÃNG GIỀNG

NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

Bài 17



Thủ đô: Bắc Kinh
Diện tích: 9,6 triệu km²
Số dân: 1 425 triệu người
(năm 2021)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Trung Quốc.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc: Vạn Lý Trường Thành và Cố cung Bắc Kinh,...
- Sưu tầm và kể lại một số câu chuyện về Vạn Lý Trường Thành, kiến trúc sư Nguyễn An và Cố cung Bắc Kinh,...



Khởi động

Quan sát hình 1, em hãy chia sẻ những hiểu biết của em về địa danh này.



Hình 1. Phụng Hoàng Cổ Trấn (Hố Nam, Trung Quốc)

67

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Quan sát hình 1, em hãy chia sẻ những hiểu biết của em về địa danh này.

Lưu ý: GV hướng dẫn HS khai thác thông tin ở hình 1 trong SGK: tự nhiên (sông, núi,...), dân cư đông, phong cảnh cổ kính,... Từ đó, HS đưa ra nhận xét chung, GV khái quát hoá và dẫn dắt vào bài.

GV trao đổi thêm:

Phụng Hoàng Cổ Trấn nằm ở huyện Phụng Hoàng, phía tây tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Thị trấn này đã tồn tại hơn 1 300 năm, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số. Nơi đây mang tên Phụng Hoàng Cổ Trấn vì ở phía tây nam thị trấn có một ngọn núi với hình dáng



Khám phá

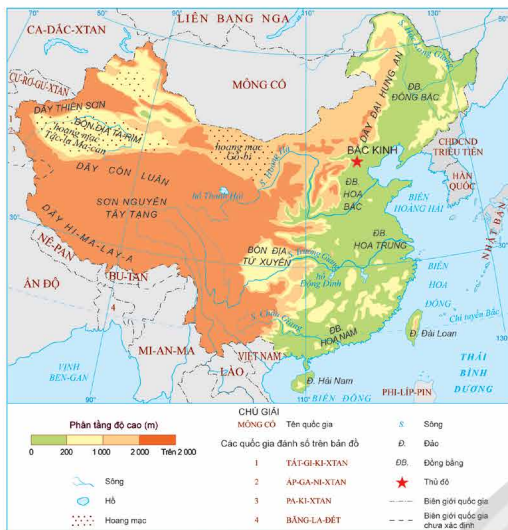
1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

– Xác định vị trí địa lí của Trung Quốc.

– Nêu tên các quốc gia, biển tiếp giáp với phần đất liền Trung Quốc.



Hình 2. Lược đồ tự nhiên Trung Quốc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí Trung Quốc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 2 trong SGK để:

- Xác định vị trí địa lí của Trung Quốc.
- Nêu tên các quốc gia, biển tiếp giáp với phần đất liền Trung Quốc.

Bước 2. HS thực hiện.

Xác định trên lược đồ:

- Phạm vi lãnh thổ của Trung Quốc (phần đất liền).
- Các quốc gia tiếp giáp.
- Các biển tiếp giáp.

Bước 3. HS trả lời.

- Các quốc gia tiếp giáp: HS có thể nêu tên theo thứ tự hoặc không theo thứ tự: CHDCND Triều Tiên, Liên bang Nga, Mông Cổ, Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Ấp-ga-ni-xtan, Pa-ki-xtan, Ấn Độ, Nê-pan, Bu-tan, Mi-an-ma, Lào và Việt Nam.
- Các biển tiếp giáp: biển Hoàng Hải, biển Hoa Đông, Biển Đông.

Bước 4. GV nhận xét.

- Nhận xét và điều chỉnh kĩ năng xác định các đối tượng địa lí trên lược đồ (GV thực hiện đồng thời ở bước 2).
- Nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV trao đổi thêm:

Phần lãnh thổ trên đất liền của Trung Quốc kéo dài từ khoảng vĩ độ 20°B đến vĩ độ 53°B và từ khoảng kinh độ 73°Đ đến kinh độ 135°Đ. Trung Quốc tiếp giáp với nhiều nước và có đường biên giới trên đất liền dài hơn 21 000 km. Phần lớn vùng biên giới với các nước có địa hình núi cao, hiểm trở, khó khăn cho giao thương.

trông giống con phượng hoàng bay lên. Đây là địa điểm du lịch nổi tiếng với non nước hữu tình, kiến trúc đơn sơ và trầm mặc của những ngôi nhà gỗ, đường lát đá hàng trăm năm tuổi nằm bên cạnh dòng sông Đà Giang. Những ngôi nhà ở Phượng Hoàng Cổ Trấn là sự hiện hữu rõ nét giữa giao thoa kiến trúc truyền thống của các dân tộc thiểu số (Miêu, Thổ Gia,...) và người Hán. Đặc biệt, người dân nơi đây vẫn giữ thói quen giặt quần áo bằng cách dùng chày đập – điều này đã trở thành dấu ấn đặc trưng của vùng đất này.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1 (tt)

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên Trung Quốc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3 trong SGK để nêu đặc điểm tự nhiên của Trung Quốc.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Địa hình: cao ở phía tây và thấp dần về phía đông, bao gồm nhiều dạng địa hình: sơn nguyên, núi, bồn địa, đồng bằng,...
- Khí hậu: ôn đới, có bốn mùa trong năm; phân hoá theo không gian.
- Sông, hồ: khá phát triển; nhiều sông, hồ lớn.
- Cảnh quan: đa dạng, bao gồm rừng nhiệt đới, rừng ôn đới, rừng lá kim, hoang mạc,...

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV trao đổi thêm:

Địa hình Trung Quốc cao dần từ đông sang tây. Có thể dựa vào đường kinh tuyến 105°Đ làm ranh giới tương đối để phân chia 2 miền địa hình khác nhau:

- Miền Đông: có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, trải dài từ bắc xuống nam; phía đông nam của miền này có địa hình đồi núi thấp.
- Miền Tây: có địa hình hiểm trở với những dãy núi, sơn nguyên và các bồn địa lớn như dãy Hi-ma-lay-a, dãy Côn Luân, sơn nguyên Tây Tạng, bồn địa Ta-rim (Tarim),...

Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) nằm ở phía đông của châu Á. Về phía bắc, tây và nam, Trung Quốc tiếp giáp với nhiều quốc gia như Liên bang Nga, Mông Cổ, Pa-ki-xtan (Pakistan), Ấn Độ, Việt Nam,... Phía đông và đông nam, Trung Quốc tiếp giáp với nhiều biển lớn như biển Hoa Đông, Biển Đông,... và thông ra Thái Bình Dương. Trung Quốc là một trong những nước có diện tích lớn nhất thế giới.

• Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy nêu đặc điểm tự nhiên của Trung Quốc.

Địa hình Trung Quốc đa dạng, cao ở phía tây và thấp dần về phía đông. Tây Tạng là sơn nguyên cao nhất thế giới. Các đồng bằng ở hạ lưu sông rộng lớn và màu mỡ.



Hình 3. Sơn nguyên Tây Tạng

Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu ôn đới, với bốn mùa trong năm. Khí hậu khác nhau giữa các khu vực.

Mạng lưới sông, hồ khá phát triển. Hầu hết các sông lớn bắt nguồn từ miền núi phía tây và đổ ra Thái Bình Dương.

Cảnh quan ở Trung Quốc đa dạng, bao gồm rừng nhiệt đới, rừng ôn đới, rừng lá kim, hoang mạc,...

• 2. Đặc điểm dân cư

Đọc thông tin, em hãy nêu đặc điểm cơ bản của dân cư Trung Quốc.

Trung Quốc là một trong những quốc gia đông dân nhất thế giới, số dân hơn 1 425 triệu người (năm 2021), tốc độ tăng dân số đang chậm dần. Số người già đang tăng nhanh.

Mật độ dân số Trung Quốc là 148 người/km², phân bố không đều, khu vực miền núi phía tây rộng lớn nhưng dân cư thưa thớt; các đồng bằng và ven biển phía đông có dân cư tập trung đông đúc. Số dân sống ở thành thị đang tăng nhanh, tập trung ở các thành phố lớn như Thượng Hải, Bắc Kinh, Quảng Châu,...

Trung Quốc có 56 dân tộc, trong đó, người Hán chiếm đa số.

69

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm dân cư Trung Quốc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin để nêu đặc điểm dân cư Trung Quốc.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Quy mô dân số: đông dân nhất thế giới, số dân hơn 1 425 triệu người (năm 2021).
- Tốc độ tăng dân số: đang chậm dần.
- Phân bố dân cư: mật độ dân số 148 người/km², phân bố không đều theo các khu vực địa hình, giữa thành thị và nông thôn,...
- Dân tộc: người Hán chiếm chủ yếu.

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

- Kể tên và mô tả một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc.
- Kể lại một số câu chuyện về các công trình tiêu biểu của Trung Quốc.

Vạn Lý Trường Thành

Vạn Lý Trường Thành có nghĩa là bức tường dài vạn dặm. Đây là công trình phòng ngự nổi tiếng của Trung Quốc được xây dựng từ thời cổ đại. Trường thành dài hàng chục nghìn ki-lô-mét, đến nay còn lại khoảng 6 700 km. Công trình không chỉ là những dãy tường dài kiên cố mà còn có nhiều hào sâu và nhỏ, nhiều đường rộng cho lưu thông, các trạm truyền tin, kho vũ khí,...

Nhìn tổng thể, trường thành như một con rồng uốn lượn, chạy xuyên qua nhiều vùng đồi núi, thung lũng, các vực sâu, có đoạn vượt qua sông và lặn ra biển. Ngày nay, Vạn Lý Trường Thành được xem là biểu tượng cho sức lao động bền bỉ và khả năng sáng tạo của người dân Trung Quốc.



Hình 4. Một đoạn Vạn Lý Trường Thành



Nàng Mạnh Khương khỏe để trường thành

Chuyện kể rằng, vào thời Tần Thủy Hoàng, có một đôi vợ chồng vừa thành hôn không bao lâu thì người chồng đã bị bắt đi xây dựng Vạn Lý Trường Thành. Người vợ tên là Mạnh Khương, vì nỗi nhớ nhung và lo lắng khi không nhận được tin tức của chồng, nàng đã quyết định lên đường tìm chồng. Trải qua chặng đường dài hiểm nguy và gian khổ, cuối cùng nàng đã đến được trường thành. Tuy nhiên, nàng nghe tin chồng đã mất, thân xác bị vùi dưới chân của bức tường thành. Quá đau buồn, nàng Mạnh Khương đã khóc liên tục ba ngày ba đêm khiến cho trời đất cảm động, làm cho một đoạn tường thành bị sụp đổ, lộ ra bộ hài cốt của chồng nàng. Sau khi chôn cất chồng, nàng đã gieo mình xuống biển.

(Theo Lê Phụng Hoàng – Hà Bích Liên – Trần Hồng Ngọc, Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ – trung đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 4. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5 trong SGK để:

- Kể tên và mô tả một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc.
- Kể lại một số câu chuyện về các công trình tiêu biểu của Trung Quốc.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc: Vạn Lý Trường Thành, Cố cung Bắc Kinh.
- + Thời gian xây dựng công trình.
- + Giới thiệu một số nét tiêu biểu của công trình.
- + Ý nghĩa, giá trị lịch sử của công trình.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV trao đổi thêm:

Phân bố dân cư có sự chênh lệch lớn giữa miền Đông và miền Tây. Miền Đông chiếm khoảng 1/2 diện tích lãnh thổ nhưng tập trung đến 90% dân cư sinh sống, miền Tây có dân cư rất thưa thớt, nhiều nơi có mật độ dân số dưới 10 người/km². Đặc điểm này ảnh hưởng lớn đến việc khai thác tài nguyên, sử dụng lao động; gây sức ép đến vấn đề việc làm, cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường,... ở Trung Quốc. Các dân tộc thiểu số như Mãn, Hồi, Duy Ngô Nhĩ, Mông Cổ,... sống chủ yếu ở vùng núi và biên giới. Điều này đã góp phần tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hoá, là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3 (tt)

– Một số câu chuyện về các công trình tiêu biểu của Trung Quốc:

+ Tên nhân vật.

+ Khái quát nội dung câu chuyện về nhân vật đó.

+ Điều ấn tượng về nhân vật.

Bước 4. GV nhận xét.

Theo dòng chảy của thời gian, những công trình tiêu biểu này cho thấy sự cần cù và sáng tạo của người dân Trung Quốc. Tất cả tạo nên bức tranh đa dạng và phong phú về kiến trúc của Trung Quốc.

Tuy nhiên, những công trình này cũng đối mặt với thách thức của thời gian và nguồn lực quản lí. Công tác bảo tồn và phát huy những giá trị di sản là yếu tố quan trọng giúp chúng ta hiểu rõ hơn về lịch sử Trung Quốc.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm tự nhiên và dân cư Trung Quốc.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS:

– Xác định nội dung của sơ đồ (tham khảo nội dung mục 1, trang 69 SGK).

– Lên ý tưởng về hình thức: loại sơ đồ, màu sắc, hình ảnh minh họa,...

2. GV yêu cầu HS mô tả điểm đặc trưng của Vạn Lý Trường Thành.

Gợi ý:

GV có thể cho HS theo dõi thêm một số tranh ảnh, đoạn phim ngắn giới thiệu về Vạn Lý Trường Thành và yêu cầu HS mô tả lại.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ:

1. Sưu tầm một số câu chuyện về các công trình kiến trúc nổi bật của Trung Quốc.

2. Nếu được đi du lịch Trung Quốc, em sẽ tham quan địa điểm nào? Vì sao?

Gợi ý:

– GV có thể hướng dẫn HS một số câu chuyện về các công trình kiến trúc nổi bật của Trung Quốc. Sau đó, trình bày cho các bạn trong lớp cùng nghe.

– Sau khi HS lựa chọn được một địa điểm muốn tham quan, GV có thể hướng dẫn HS sưu tầm tranh ảnh liên quan đến địa điểm đó và trình bày lí do cho các bạn trong lớp cùng nghe.

Cố cung Bắc Kinh

Cố cung Bắc Kinh được xây dựng dưới Triều Minh và Thanh trên một khu đất rộng hơn 700 000 m². Các ngôi nhà có mái cong lượn thoải thoải, lợp ngói hoàng lưu li. Các bức tường, thân cột và cửa ra vào hầu hết được sơn màu đỏ. Điện Thái Hoà là điện lớn nhất, cao 36 m, có hơn 12 000 con rồng uốn lượn theo các tư thế khác nhau. Cố cung là công trình mang giá trị lịch sử và văn hoá cao của Trung Quốc.



Em có biết?

Khi nhà Minh thống trị nước ta, Nguyễn An và nhiều người Việt khác bị bắt về Trung Quốc. Ông là người giản dị, cũng răn, liêm khiết, giỏi về tính toán, có sở trường về xây dựng. Do đó, ông được tham gia thiết kế, tuyển chọn và đào tạo lực lượng xây dựng cũng như thi công và giám sát công trình cố cung Bắc Kinh.



Hình 5. Cố cung Bắc Kinh



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm tự nhiên và dân cư Trung Quốc.
2. Mô tả điểm đặc trưng của Vạn Lý Trường Thành.



Vận dụng

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Sưu tầm một số câu chuyện về các công trình kiến trúc nổi bật của Trung Quốc.
2. Nếu được đi du lịch Trung Quốc, em sẽ tham quan địa điểm nào? Vì sao?

71

KIẾN THỨC BỔ TRỢ

• Vạn Lý Trường Thành

Qua hơn 2 000 năm xây dựng và tái thiết, Vạn Lý Trường Thành có chiều dài khoảng 54 000 km. Để thực hiện một công trình khổng lồ như vậy, việc xây dựng Vạn Lý Trường Thành cần có sự chỉ đạo chặt chẽ và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Mỗi đội quan chức và thợ xây dựng phải đảm bảo hoàn thành khối lượng công việc được giao theo tiến độ. Khi một phần công trình được hoàn tất, sẽ có bộ phận kiểm tra, nếu không đạt, những người thợ phải làm lại và có thể bị phạt tiền, thậm chí bị đánh đập và vào tù. Từ giữa thời Minh, các nhóm xây dựng phải khắc tên mình vào phần công việc đã làm lên các cột để dễ kiểm tra.

• Cố cung Bắc Kinh

Cố cung hay còn gọi là Tử Cấm Thành được xây dựng trên khu đất hình chữ nhật rộng 720 000 m², xung quanh có tường cao 10 m bao bọc, có hào rộng 52 m, ven tường bốn góc có

bốn tháp canh, bốn mặt có các cửa: Ngọ môn, Thần vũ, Đông Hoa, Tây Hoa. Cố cung Bắc Kinh được xây từ thời Minh – Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), gồm hơn 1 000 ngôi nhà và cung điện. Điện Thái Hoà là điện lớn nhất với diện tích 3 270 m, cao 36 m, có 12 654 con rồng uốn lượn theo các tư thế. Nhờ vị trí quan trọng trong sự phát triển kiến trúc và văn hoá Trung Hoa, Tử Cấm Thành được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới vào năm 1987.

• Khu bảo tồn Gấu trúc Lớn

Khu bảo tồn Gấu trúc Lớn ở tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc có diện tích khoảng 9 245 km² với 9 khu danh thắng và 7 khu bảo tồn. Đây là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc hơn 30% loại gấu trúc có nguy cơ tuyệt chủng cao trên thế giới. Ngoài ra, khu bảo tồn còn có nhiều loại động vật quý hiếm khác như báo tuyết, báo gấm,... và các cánh rừng mưa nhiệt đới, ước tính có khoảng 5 000 đến 6 000 loài thực vật sinh trưởng.



Hình 1. Gấu trúc ở Khu bảo tồn Gấu trúc Lớn

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Lào.
- + Tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Thạt Luồng, Cánh đồng Chum, Cố đô Luông Pha-băng,...
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: khai thác và sử dụng được những tư liệu lịch sử như tư liệu văn bản, hiện vật, tranh ảnh, câu chuyện liên quan đến Lào.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Xác định được vị trí địa lí của Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Suu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) về một số công trình tiêu biểu của Lào.
- + Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các quốc gia trên thế giới.

Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với tư liệu để trình bày về các công trình tiêu biểu của Lào.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin.

Phẩm chất

Nhân ái: biết quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc trên thế giới.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV giới thiệu: Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Lào) là quốc gia có chung đường biên giới dài nhất với Việt Nam. Em hãy nêu những hiểu biết của em về quốc gia này. Nếu HS không trả lời được, GV đưa ra những gợi ý và dẫn dắt vào bài.

Ngoài phần Khởi động trong SGK, GV có thể dùng hình ảnh, video về đất nước, con người liên quan đến nước Lào để dẫn dắt vào bài.

NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Bài 18



Thủ đô: Viêng Chăn
Diện tích: 230,8 nghìn km²
Số dân: 7,425 nghìn người
(năm 2021)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào.
- Suu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Cánh đồng Chum, Cố đô Luông Pha-băng (Luang Prabang), Thạt Luồng,...



Khởi động

Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Lào) là quốc gia có chung đường biên giới dài nhất với Việt Nam. Em hãy nêu những hiểu biết của em về quốc gia này.



Khám phá

1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Lào.



Hình 1. Lược đồ tự nhiên Lào

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí Lào

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 1 trong SGK để xác định vị trí địa lí của Lào.

Bước 2. HS thực hiện.

- Xác định trên lược đồ:
- Phạm vi lãnh thổ của Lào.
- Các quốc gia tiếp giáp.

Bước 3. HS trả lời.

- Các quốc gia tiếp giáp: HS có thể nêu tên theo thứ tự hoặc không theo thứ tự: Trung Quốc, Mi-an-ma, Cam-pu-chia, Thái Lan, Việt Nam.
- Nhấn mạnh nội dung: Lào không giáp biển (không có biển).

Bước 4. GV nhận xét.

- Nhận xét và điều chỉnh kĩ năng xác định các đối tượng địa lí trên lược đồ (GV thực hiện đồng thời ở bước 2).
- Nhận xét và chuẩn kiến thức.

Lào thuộc bán đảo Đông Dương, ở khu vực Đông Nam Á. Lào không giáp biển, có chung đường biên giới với Trung Quốc, Mi-an-ma, Thái Lan, Cam-pu-chia, Việt Nam.

Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy nêu đặc điểm tự nhiên của Lào.

Địa hình Lào chủ yếu là đồi núi, cao về phía đông và phía bắc, thấp dần về phía tây và phía nam. Bô-lô-ven (Bolaven), Xiêng Khoảng là hai cao nguyên lớn ở Lào. Các đồng bằng như Xa-van-na-khét (Savannakhet), Chăm-pa-sắc (Champasack) phân bố chủ yếu ở phía nam.



Hình 2. Sông Mê Công – đoạn chảy qua tỉnh Luông Pha-băng

Lào có khí hậu nhiệt đới với hai mùa trong năm: mùa khô và mùa mưa. Lượng mưa khá lớn nên rừng phát triển, có nhiều loài động, thực vật quý.

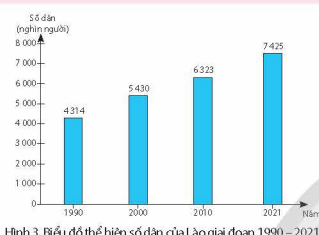
Phần lớn các con sông bắt nguồn từ miền núi phía bắc và phía đông, đổ vào sông Mê Công. Sông có nhiều ghềnh thác, giàu phù sa và thủy sản.

2. Đặc điểm dân cư

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy nêu đặc điểm của dân cư Lào.

Số dân của Lào không lớn, đạt 7 425 nghìn người (năm 2021); tốc độ tăng dân số nhanh. Mật độ dân số khoảng 32 người/km². Dân cư phân bố khá thưa thớt và không đều; tập trung chủ yếu ở đồng bằng, thung lũng sông lớn, vùng nông thôn.

Phần lớn dân cư là dân tộc Lào. Các dân tộc khác như Khơ-me, Mông,... chiếm tỉ lệ nhỏ.



Hình 3. Biểu đồ thể hiện số dân của Lào giai đoạn 1990 – 2021

73

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên Lào

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2 trong SGK để nêu đặc điểm tự nhiên của Lào.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Địa hình: chủ yếu là đồi núi, cao về phía đông và phía bắc, thấp dần về phía tây và phía nam, có một số cao nguyên và đồng bằng lớn.
- Khí hậu: nhiệt đới, có hai mùa trong năm.
- Sông, hồ: bắt nguồn từ miền núi phía bắc và phía đông, đổ vào sông Mê Công.
- Cảnh quan: rừng phát triển, nhiều loài quý hiếm.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm dân cư Lào

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 3 trong SGK để nêu đặc điểm dân cư Lào.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Quy mô dân số: không lớn, 7 425 nghìn người (năm 2021).
- Tốc độ tăng dân số: khá nhanh.
- Phân bố dân cư: mật độ dân số thấp (32 người/km²), phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở đồng bằng và nông thôn.
- Dân tộc: Lào (chiếm đa số), Khơ-me, Mông,...

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số công trình tiêu biểu của Lào

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6 trong SGK để mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Lào.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Thời gian xây dựng công trình.
- Giới thiệu một số nét tiêu biểu của công trình.
- Ý nghĩa, giá trị lịch sử của công trình.

Bước 4. GV nhận xét.

Các công trình ở Lào thể hiện được giá trị về lịch sử, nghệ thuật và tôn giáo. Sự kết hợp giữa kiến trúc độc đáo và giá trị tâm linh của chúng tạo nên một phần quan trọng trong bức tranh văn hoá của Lào, thu hút sự quan tâm của du khách; đồng thời là nguồn cảm hứng cho việc hiểu rõ hơn về quốc gia này.

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Lào.

Cánh đồng Chum là khu di tích văn hoá – lịch sử đặc biệt ở Lào. Ở đây có khoảng hơn 2 000 chum lớn, nhỏ được dựng lên từ rất lâu đời, nằm rải rác dọc theo cánh đồng thuộc cao nguyên Xiêng Khoảng. Các chum có kích thước lớn, chiều cao phổ biến là 1,5 m – 2 m, đường kính trung bình 1,5 m. Di tích này cho biết thông tin về đời sống, phong tục của người Lào cổ.



Hình 4. Cánh đồng Chum ở cao nguyên Xiêng Khoảng

Thật Luống là công trình tiêu biểu mang đậm giá trị văn hoá của cư dân Lào. Công trình được xây dựng vào năm 1566, với trung tâm là một tháp lớn đặt trên đế của một đài sen hình vuông. Bao quanh công trình là 30 tháp nhỏ, được trang trí bởi 332 hình lá bồ đề cách điệu. Trên các tháp nhỏ có ghi lời dạy của Đức Phật.



Hình 5. Tháp Thật Luống ở Thủ đô Viêng Chăn

74

Kiến thức bổ trợ

• Cánh đồng Chum

Đa số những chum ở Cánh đồng Chum đều làm từ đá gờ-ra-nít (granit), một số được làm từ đá sa thạch có chứa thạch anh phen-xpát (fenspat) và mi-ca (mica). Bên trên mỗi chiếc chum được chạm khắc hình dáng con người, con vật và một số biểu tượng tinh xảo khác. Chum nằm rải rác từng nhóm, đủ loại to nhỏ cao thấp, hình dạng khác nhau: đứng, nghiêng, chìm xuống một nửa.

Theo các nhà khảo cổ, các chum này không phải chum đựng rượu mà là chum chứa các di vật: quần áo, đồ dùng, rìu, nỏ, cung, tro cốt,... được chôn cùng người chết theo phong tục của bộ tộc.

Nơi đây còn là nơi trú ẩn của bộ đội Pa-thét (Pathet) Lào và bộ đội tình nguyện Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh, là minh chứng cho tình cảm keo sơn, cùng chung vai sát cánh trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của hai dân tộc Việt Nam – Lào.

• Chùa Xiêng Thông (Xiang Thong)

Đây là một trong những ngôi chùa có kiến trúc đẹp nhất ở Luông Pha-băng, nơi lưu giữ các bức họa cổ, được coi là biểu tượng đặc trưng cho kiến trúc văn hoá chùa cổ của Lào.

Quần thể chùa gồm các công trình nổi bật như ngôi Chính điện, miếu Trắng, miếu Đỏ, thư viện Tam Tạng,... Bên trong ngôi Chính điện có thờ tượng Phật Thích Ca Mâu Ni dát vàng lớn, hai bên là những hàng cột được trang trí hoa văn cầu kỳ, các bức tường được phủ kín bằng những bức phù điêu và hình vẽ chạm khắc tinh xảo, công phu và tỉ mỉ, miêu tả đời sống nhân dân Lào. Đặc biệt, tại



Em có biết?

Cố đô Luông Pha-băng

Luông Pha-băng – tiếng Lào có nghĩa là “Kính thành Phật”. Nơi đây từng là kinh đô của Lào từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVI với các tên gọi như: Mường Xoa, Xiêng Đông.

Ở Luông Pha-băng vẫn còn gìn giữ được hàng chục ngôi chùa cổ với nét kiến trúc độc đáo. Ngoài ra, nơi đây còn có Bảo tàng Cung điện Hoàng gia Lào để gìn giữ, bảo quản nhiều cổ vật quý hiếm và nếp sinh hoạt của Hoàng gia Lào.



Hình 6. Bảo tàng Cung điện Hoàng gia Lào ở Luông Pha-băng



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm tự nhiên và dân cư Lào.
2. Vì sao nhiều sông của Lào bắt nguồn từ phía bắc và phía đông?



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh, thông tin,... về một công trình tiêu biểu của Lào và chia sẻ với bạn.

75

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm tự nhiên và dân cư Lào.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS:

- Xác định nội dung của sơ đồ (tham khảo nội dung mục 1, trang 73 SGK).
 - Lên ý tưởng về hình thức: loại sơ đồ, màu sắc, hình ảnh minh hoạ,...
2. GV yêu cầu HS giải thích vì sao nhiều sông của Lào bắt nguồn từ phía bắc và phía đông.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS quan sát hình 1 trong SGK, chú ý đến đặc điểm địa hình nước Lào.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm về một công trình tiêu biểu của Lào. Sau đó, chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Gợi ý:

GV có thể cho HS sưu tầm một số tranh ảnh, đoạn phim ngắn giới thiệu về một công trình tiêu biểu của Lào và yêu cầu HS mô tả lại cho các bạn trong lớp cùng nghe.

mặt sau, trên tường của ngôi Chính điện được khảm bức tranh ghép bằng kính màu nổi tiếng, đó là cây nhân sinh trên nền màu đỏ cam. Tất cả đều hoà quyện, tạo nên một vẻ đẹp riêng, cuốn hút du khách.



Hình 1. Chùa Xiêng Thông, Luông Pha-băng

• Đặc điểm văn hoá Lào

Nền văn hoá Lào được hình thành từ lâu đời và không ngừng phát triển. Tuy có những nét chung của văn hoá Đông Nam Á, song văn hoá Lào vẫn có nhiều nét riêng, đó là bản sắc văn hoá của các dân tộc Lào.

Lào là xứ sở của lễ hội. Cũng như các nước trong khu vực Đông Nam Á, lễ hội tại Lào được chia làm hai phần, phần lễ và phần hội. Mỗi năm Lào có 4 tết là tết Dương lịch, tết Nguyên đán, tết Bun-pi-mây (Bunpimay) và tết HMông. Ngoài ra, còn các lễ hội: Phật hoá thân, Phật Đản, Pháo thăng thiên,...

Lào là quốc gia có số lượng chùa bình quân đầu người cao nhất thế giới, với hơn 1 400 ngôi chùa. Chùa, đền, tháp là nơi gắn bó người dân Lào, gắn kết các bộ tộc Lào.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia.
- + Tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: khai thác và sử dụng được những tư liệu lịch sử như tư liệu văn bản, hiện vật, tranh ảnh, câu chuyện liên quan đến Cam-pu-chia.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Xác định được vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) về một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.

Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với tư liệu để trình bày về các công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới.

Phẩm chất

Nhân ái: biết quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc trên thế giới.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV đặt vấn đề: Quốc kì của Vương quốc Cam-pu-chia (Cam-pu-chia) có in hình một công trình kiến trúc nổi tiếng. Em biết gì về công trình kiến trúc này?

Nếu HS không trả lời được, GV giải quyết vấn đề và dẫn dắt vào bài.

Ngoài phần Khởi động trong SGK, GV cung cấp các dữ liệu (thông tin, hình ảnh về vị trí địa lí, dân cư, các công trình văn hoá, lịch sử,...) của Cam-pu-chia và Lào (đã học tiết trước) để HS đưa ra nhận xét, sau đó GV dẫn dắt vào bài.



VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA



Thủ đô: Phnôm Pênh
Diện tích: 176,5 nghìn km²
Số dân: 16 589 nghìn người
(năm 2021)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia: Ăng-co Vát (Angkor Wat), Ăng-co Thom (Angkor Thom), Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...



Khởi động

Quốc kì của Vương quốc Cam-pu-chia (Cam-pu-chia) có in hình một công trình kiến trúc nổi tiếng. Em biết gì về công trình kiến trúc này?



Khám phá

1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia nằm ở phía tây nam bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á. Cam-pu-chia tiếp giáp với Việt Nam, Lào, Thái Lan và vịnh Thái Lan.

76

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí Cam-pu-chia

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 1 trong SGK để xác định vị trí địa lí Cam-pu-chia.

Bước 2. HS thực hiện.

Xác định trên lược đồ:

- Phạm vi lãnh thổ của Cam-pu-chia (phần đất liền).
- Các quốc gia tiếp giáp.
- Biển, vịnh biển tiếp giáp.

Bước 3. HS trả lời.

- Các quốc gia tiếp giáp: HS có thể nêu tên theo thứ tự hoặc không theo thứ tự: Lào, Thái Lan, Việt Nam.
- Biển, vịnh biển: Biển Đông, vịnh Thái Lan.

Bước 4. GV nhận xét.

Nhận xét và điều chỉnh kĩ năng xác định các đối tượng địa lí trên lược đồ (GV thực hiện đồng thời ở bước 2).

Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy:

- Trình bày đặc điểm tự nhiên của Cam-pu-chia.
- Cho biết mạng lưới sông, hồ ở Cam-pu-chia có vai trò quan trọng như thế nào.

Phần lớn diện tích lãnh thổ Cam-pu-chia là đồng bằng; các dãy núi thấp, cao nguyên,... phân bố ở xung quanh. Dãy núi Các-đa-môn (Cardamom) nằm ở phía tây nam với đỉnh núi Phnôm Aô-rô (Phnom Aural) cao nhất Cam-pu-chia (1 813 m).

Cam-pu-chia có khí hậu nhiệt đới, nóng quanh năm, lượng mưa khá lớn, hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa.

Mê Công là dòng sông chính, chảy theo hướng bắc – nam. Hồ Tôn-lê Sáp (Tonle Sap) còn gọi là Biển Hồ, là hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Đông Nam Á.



Hình 1. Lược đồ tự nhiên Cam-pu-chia



Hình 2. Một góc hồ Tôn-lê Sáp

2. Đặc điểm dân cư

Đọc thông tin, em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia.

77

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên Cam-pu-chia

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2 trong SGK để:

- Trình bày đặc điểm tự nhiên của Cam-pu-chia.
- Cho biết mạng lưới sông, hồ ở Cam-pu-chia có vai trò quan trọng như thế nào.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Địa hình: phần lớn diện tích lãnh thổ là đồng bằng; các dãy núi thấp, cao nguyên,... phân bố ở xung quanh.
- Khí hậu: nhiệt đới, có hai mùa trong năm.
- Sông, hồ: phát triển. Mê Công là dòng sông chính, hồ Tôn-lê Sáp có diện tích lớn. Mạng lưới sông, hồ ở Cam-pu-chia có vai trò rất quan trọng đối với thiên nhiên và đời sống. Hồ Tôn-lê Sáp là khu bảo tồn cá nước ngọt quan trọng trên thế giới.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm dân cư Cam-pu-chia

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin để nêu đặc điểm dân cư Cam-pu-chia.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Quy mô dân số: không lớn, khoảng 16 589 nghìn người (năm 2021).
- Tốc độ tăng dân số: khá nhanh.
- Phân bố dân cư: mật độ dân số khá thấp (94 người/km²); phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở đồng bằng và nông thôn. Tuy nhiên, số dân đô thị đang tăng nhanh.
- Dân tộc: người Khơ-me chiếm hơn 90% tổng số dân Cam-pu-chia.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 4. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5 trong SGK để mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Thời gian xây dựng công trình.
- Giới thiệu một số nét tiêu biểu của công trình.
- Ý nghĩa, giá trị lịch sử của công trình.

Bước 4. GV nhận xét.

Các công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia là những bảo tàng sống động về một quốc gia với lịch sử lâu dài và văn hoá độc đáo. Các công trình này không chỉ là những tuyệt tác của nghệ thuật xây dựng mà còn là những dấu ấn đặc sắc trong hành trình tìm hiểu về văn hoá và lịch sử của Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia có số dân không lớn, khoảng 16 589 nghìn người (năm 2021) nhưng tốc độ tăng khá nhanh. Mật độ dân số Cam-pu-chia đạt 94 người/km². Dân cư phân bố không đều, vùng đồng bằng đông đúc hơn rất nhiều so với vùng núi. Phần lớn dân số Cam-pu-chia sống ở nông thôn nhưng dân số thành thị có xu hướng tăng nhanh trong thời gian gần đây.

Hơn 90% dân số Cam-pu-chia là người Khơ-me, còn lại là các dân tộc khác.

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia có nhiều công trình kiến trúc nổi bật như Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, Tượng đài độc lập Phnôm Pênh, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...

Ăng-co Thom là kinh đô cũ của Cam-pu-chia, được xây dựng vào cuối thế kỉ XII. Thành có năm cửa ra vào, mỗi cửa xây hình ba ngọn tháp theo hàng ngang, mỗi ngọn có bốn mặt Phật. Bên trong thành có nhiều đền thờ, trung tâm là đền Bay-on – ngôi đền vĩ đại với nét kiến trúc độc đáo, là điểm nhấn đặc biệt của Ăng-co Thom trong nhiều thế kỉ.



Hình 3. Đền Bay-on (Bayon) ở Ăng-co Thom



Em có biết?

Ăng-co Vát trong tiếng Khơ-me có nghĩa là "Thành phố của những ngôi đền", là quần thể phức hợp với hơn 1 000 đền đài được xây dựng từ thế kỉ XII. Ăng-co Vát là biểu tượng của Cam-pu-chia và trở thành hình ảnh xuất hiện chính giữa trên Quốc kì Cam-pu-chia.



Hình 4. Một góc đền Ăng-co Vát

78

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ thể hiện một số đặc điểm tự nhiên và dân cư Cam-pu-chia.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS:

- Xác định nội dung của sơ đồ (tham khảo nội dung mục 1, trang 77 – 78 SGK).
- Lên ý tưởng về hình thức: loại sơ đồ, màu sắc, hình ảnh minh hoạ,...

2. GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Tại Cam-pu-chia, công trình nào thể hiện tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia? Hãy mô tả công trình ấy.

Gợi ý: đó là công trình Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam.

Sau đó, GV hướng dẫn HS mô tả công trình theo các nội dung sau:

- Mục đích xây dựng là gì?
- Tượng gồm những chi tiết nào?

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện lịch sử về một số công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia.

Gợi ý:

GV có thể cho HS sưu tầm một số tranh ảnh hoặc câu chuyện lịch sử về một công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia, sau đó cho HS chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam được xây dựng ở nhiều tỉnh và thành phố của Cam-pu-chia. Công trình là biểu tượng cho tình đoàn kết hữu nghị giữa hai đất nước. Hiện tại, ở Cam-pu-chia có khoảng 23 tượng đài chiến sĩ tình nguyện Việt Nam với những tạo hình khác nhau, nổi bật là tượng đài ở Thủ đô Phnôm Pênh. Công trình gồm tượng hai chiến sĩ, một chiến sĩ Cam-pu-chia và một chiến sĩ là quân tình nguyện Việt Nam, trên tay cầm súng bảo vệ một người phụ nữ đang bế con nhỏ.



Hình 5. Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam đặt tại Thủ đô Phnôm Pênh

Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ thể hiện một số đặc điểm tự nhiên và dân cư Cam-pu-chia.
2. Tại Cam-pu-chia, công trình nào thể hiện tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia? Hãy mô tả công trình ấy.

Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện lịch sử về một số công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia.

79

Kiến thức bổ trợ

Ăng-co Vát là di tích tôn giáo lớn trên thế giới, ban đầu được xây dựng để làm đền thờ Ấn Độ giáo, sau đó, chuyển thành đền thờ Phật giáo. Ăng-co Vát trong tiếng Khơ-me có nghĩa là “Thành phố của những ngôi đền”, là quần thể phức hợp của hơn 1 000 đền đài, lăng mộ có tuổi thọ lên đến 700 năm. Công trình nằm cách thị trấn Xiêm Riệp (Siem Reap) 5,5 km về phía bắc và chệch về phía đông nam của kinh đô cũ. Vào năm 1992, Ăng-co Vát được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới.

Ăng-co Vát được xây dựng sau khi vua Xu-y-a-vác-man (Suryavarman) II lên ngôi. Ông đã chọn một khu đất rộng và thoáng ở góc đông nam thành Y-a-xô-đha-ra-pu-ra (Yasodharapura) để xây đền núi cho mình. Công trình được khởi công vào năm 1122 và hoàn thành vào năm 1150.

Công trình được cất theo hình chữ nhật, vòng thành chiếm một khoảng đất rộng gần 200 mẫu (tính luôn hào nước vây quanh). Bề dài của vách

thành khoảng 1 500 m, bề ngang 1 300 m với bốn vành đai đồng tâm. Đền mở về hướng tây, hướng tới đô thành, không giống như các đền khác mở về phía đông. Có nhiều giả thuyết nêu lên sự trái ngược này, có người cho rằng vì địa thế bất buộc, người thì bảo vì theo lối thờ phụng vị Phật vua (Quốc vương Xu-y-a-vác-man II).

Toàn bộ quần thể kiến trúc nổi bật và đặc sắc lối điêu khắc cổ đại. Những ngọn tháp, đền đài, phù điêu và hành lang đều làm từ đá tảng, xếp chồng lên nhau nhìn rất tự nhiên, ngay cả ở trên nóc vòm. Hoa tiết trang trí bằng đá như tượng Phật, vũ nữ, chiến binh và những hình hoa sen minh họa sử thi *Ra-ma-y-a-na* (Ramayana) và *Ma-ha-bha-ra-ta* (Mahabharata) đều rất sống động, mềm mại.



Hình 1. Hoa tiết trên đền Ăng-co Vát

Ăng-co Vát là biểu tượng mạnh mẽ của Cam-pu-chia và trở thành hình ảnh xuất hiện chính giữa trên quốc kì Cam-pu-chia cho đến ngày nay.

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- + Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: trình bày được những hoạt động của ASEAN.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự sưu tầm được thông tin về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về những thông tin liên quan đến Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Phẩm chất

Trách nhiệm: ý thức được việc học tập để góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong ASEAN.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV mời HS kể tên một số hoạt động có sự tham gia của nhiều nước thuộc khu vực Đông Nam Á (các cuộc họp, kí kết, cuộc thi, hoạt động kinh tế, giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao,...). Nếu HS không trả lời được, GV nêu vấn đề và dẫn dắt vào bài.

Ngoài phần Khởi động trong SGK, GV có thể dùng hình ảnh hoặc video về các danh lam thắng cảnh hoặc hoạt động của ASEAN để dẫn dắt vào bài.



HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á [ASEAN]



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).



Khởi động

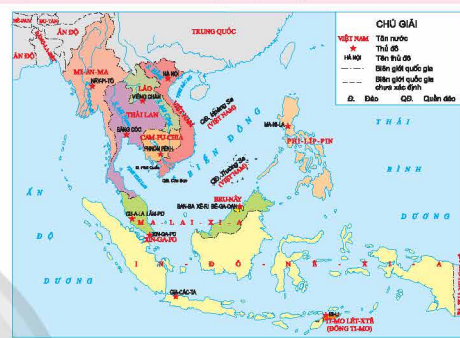
Hãy kể tên một số hoạt động có sự tham gia của nhiều nước thuộc khu vực Đông Nam Á mà em biết.



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á.



Hình 1. Lược đồ các nước Đông Nam Á năm 2021

80

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 1 trong SGK, xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

Khu vực Đông Nam Á có vị trí địa lí nằm án ngữ trên con đường hàng hải nối liền giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Khu vực này từ thời cổ đại đã được xem là cầu nối giữa Trung Quốc và Ấn Độ, giữa lục địa Á – Âu với châu Đại Dương.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 2 trong SGK, cho biết Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời như thế nào.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

Ti-mo Lét-xtê (Timor Leste) là nước cuối cùng ở Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN.

Vào năm 2011, nước này đã nộp đơn xin gia nhập ASEAN. Tuy nhiên, để được ASEAN kết nạp, Ti-mo Lét-xtê phải nỗ lực đáp ứng các điều kiện và nghĩa vụ của hiệp hội, trong đó có đáp ứng khả năng tham gia ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là chính trị – an ninh, kinh tế và văn hoá – xã hội. Nỗ lực này đã được đền đáp với việc Tuyên bố về việc Ti-mo Lét-xtê xin gia nhập ASEAN được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 40, 41 ở Cam-pu-chia tháng 11 – 2022. Theo đó, ASEAN nhất trí về nguyên tắc việc kết nạp Ti-mo Lét-xtê là thành viên thứ 11; trao quy chế quan sát viên và cho phép nước này tham gia tất cả các hội nghị của ASEAN.

Các nhà lãnh đạo ASEAN cũng giao Hội đồng điều phối ASEAN (ACC) xây dựng lộ trình Ti-mo Lét-xtê gia nhập hiệp hội.



Hình 1. Quốc kì nước Cộng hoà Dân chủ Ti-mo Lét-xtê

Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn gồm 11 quốc gia nằm ở phía đông nam châu Á. Phía bắc khu vực Đông Nam Á giáp Trung Quốc, Ấn Độ và Băng-la-đét (Bangladesh). Các phía còn lại được bao quanh bởi Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

2. Sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy cho biết Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời như thế nào.

Sau khi giành được độc lập, với mong muốn có một tổ chức liên minh khu vực để cùng hợp tác phát triển, ngày 8 – 8 – 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan). Ban đầu, Hiệp hội có sự tham gia của 5 nước là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

Sau đó, ASEAN đã kết nạp Bru-nây vào năm 1984, Việt Nam vào năm 1995, Lào và Mi-an-ma vào năm 1997. Đến năm 1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào ASEAN.



Hình 2. Đại diện 5 quốc gia kí tuyên bố thành lập ASEAN ngày 8 – 8 – 1967

Em có biết?

Cờ ASEAN gồm có màu xanh, đỏ, trắng và vàng, đại diện cho những màu chính của quốc kì các nước thành viên ASEAN. Màu xanh đại diện cho sự hoà bình và ổn định. Màu đỏ thể hiện sự năng động và lòng can đảm. Màu trắng thể hiện sự tinh khiết. Màu vàng biểu tượng cho sự thịnh vượng.



Hình 3. Lá cờ của ASEAN

81

Đông Nam Á nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều nên thuận lợi cho việc phát triển của cây lúa nước và nhiều loại cây hương liệu quý như trầm hương, đinh hương, đậu khấu, sa nhân,... Một thời gian dài sau khi nhà nước Văn Lang, Âu Lạc của người Việt ở Đồng bằng sông Hồng bị phong kiến phương Bắc đô hộ, một số vương quốc cổ lần lượt xuất hiện ở Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về sự gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) của Việt Nam

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5 trong SGK, cho biết việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có ý nghĩa như thế nào.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

– Những dấu mốc quan trọng về sự đóng góp của Việt Nam trong ASEAN:

+ 28 – 7 – 1995: chính thức gia nhập ASEAN.

+ 1995 – 1999: thúc đẩy kết nạp Lào, Mi-an-ma và Cam-pu-chia vào ASEAN.

+ 1998: tổ chức Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6; thông qua Chương trình Hành động Hà Nội.

+ 2000 – 2001: Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (ASC) khoá 34 và Chủ tịch Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF).

+ 2008: tổ chức Hội nghị Diễn đàn kinh tế thế giới về ASEAN (WEF ASEAN).

+ 2010: Chủ tịch ASEAN với chủ đề “Hướng tới Cộng đồng ASEAN: từ tầm nhìn đến hành động”; tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+).

+ 2020: Chủ tịch ASEAN với chủ đề “Gắn kết và chủ động thích ứng”; tổ chức Đại hội đồng liên Nghị viện ASEAN lần thứ 41 (AIPA 41).

+ 2021: Tổ chức Diễn đàn cấp cao ASEAN về hợp tác tiểu vùng vì tăng trưởng bao trùm và phát triển bền vững.

+ 2022: Chủ tịch luân phiên Ủy ban các nước ASEAN tại Bu-ê-nốt Ai-rét (Buenos Aires) (ACBA).

– Một số đóng góp của Việt Nam cho ASEAN:

+ Việc Việt Nam tham gia ASEAN đã giúp cho tổ chức này lớn mạnh về tiềm lực, phạm vi cũng như vững mạnh về tổ chức, giúp ASEAN trở thành một tổ chức vững mạnh, chấm dứt những nghi kị, chia rẽ, đối đầu, mở ra một thời kì phát triển mới của hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

+ Việt Nam đã tích cực tham gia và đóng góp vào việc xây dựng định hướng phát triển và các quyết sách lớn của ASEAN, trong đó có thể kể đến Hiến chương ASEAN, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và các Kế hoạch Tổng thể kèm theo, Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC), Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI),...

+ Việt Nam đóng góp tích cực và có trách nhiệm vào việc triển khai thực hiện các quyết định chung của ASEAN. Chúng ta tham gia triển khai đầy đủ và sâu rộng các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực chính trị – an ninh, văn hoá – xã hội và kinh tế cũng như chủ trì tổ chức các sự kiện có liên quan theo nghĩa vụ thành viên. Việt Nam là một trong số những nước đạt tỉ lệ thực thi cao các chương trình, biện pháp liên kết kinh tế của ASEAN.

3. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy cho biết việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có ý nghĩa như thế nào.

Ngày 28 – 7 – 1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN. Đây là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam. Việt Nam có cơ hội mở rộng hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hoá với các quốc gia trong tổ chức, gia tăng vị thế trên trường quốc tế. Ngoài ra, việc Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN đã góp phần củng cố hoà bình, ổn định và phát triển mọi mặt của khu vực Đông Nam Á.



Hình 4. Lễ kết nạp Việt Nam gia nhập ASEAN tại Bru-nây



Hình 5. Đoàn Việt Nam tham dự Lễ kỷ niệm ASEAN lần thứ 12 vào tháng 9 – 2018



Luyện tập

1. Xác định các nước trong khu vực Đông Nam Á giáp biển trên hình 1.
2. Vẽ sơ đồ trục thời gian về sự gia nhập ASEAN của các quốc gia Đông Nam Á.



Vận dụng

Hãy tìm hiểu những hoạt động của tổ chức ASEAN, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS xác định các nước trong khu vực Đông Nam Á giáp biển trên hình 1.
2. GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ trục thời gian về sự gia nhập ASEAN của các quốc gia Đông Nam Á.



Hình 2. Trục thời gian về sự gia nhập ASEAN của các quốc gia Đông Nam Á

Ngoài phần Luyện tập này, GV có thể chọn xây dựng các câu trắc nghiệm hoặc ô chữ, hình ảnh về các nước ASEAN để HS có thể thực hiện.

VẬN DỤNG

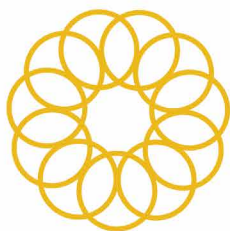
GV yêu cầu HS tìm hiểu những hoạt động của tổ chức ASEAN, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Gợi ý:

SEA Games (hay South East Asian Games), là một sự kiện thể thao lớn nhất tại khu vực Đông Nam Á và được tổ chức định kỳ 2 năm một lần.

Vào ngày 22 – 5 – 1958, các đại biểu đến từ các quốc gia ở bán đảo Đông Nam Á đã tham dự Đại hội Thể thao châu Á 1958 tại Tô-ky-ô (Tokyo), Nhật Bản và đã họp và thống nhất thành lập một tổ chức thể thao. Tại đó, ông Luông Xu-khum Nay-ao-ra-dít (Luang Sukhum Nayaoradit), người sau này làm Phó Chủ tịch Ủy ban Ô-lim-píc Thái Lan, đã đặt tên cho tổ chức này là SEA Games. Kỳ SEA Games lần đầu tiên được tổ chức vào năm 1959 với tên gọi là SEAP Games.

SEA Games là sân chơi của các vận động viên 11 nước trong khu vực Đông Nam Á hiện nay. Bên cạnh việc thi đấu thể thao, SEA Games còn tạo cơ hội để giao lưu, gắn kết tinh thần đoàn kết giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Mỗi kỳ SEA Games sẽ có một quốc gia đăng cai đứng lên tổ chức. Thứ tự các nước đăng cai sẽ được phân chia ra lần lượt theo bảng chữ cái tiếng Anh. Quốc gia nào đến lượt mà không thể tổ chức phải báo lại với ban tổ chức ít nhất một năm để làm việc lại.



Hình 3. Logo SEA Games



Hình 4. Cờ SEA Games

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 4 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
 - + Xác định được vị trí địa lí của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu.
 - + Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả Địa Cầu.
 - + Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm kiếm thông tin, sưu tầm tài liệu trên internet.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm cũng như trình bày trước lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tìm kiếm, sưu tầm thông tin về thiên nhiên các châu lục trên thế giới.

Phẩm chất

- Yêu nước: bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, trân trọng các vẻ đẹp tự nhiên.
- Chăm chỉ: chủ động học tập, tìm hiểu về các châu lục và đại dương trên thế giới

và hương liệu. Năm 1519, nhận được sự tài trợ của hoàng gia Tây Ban Nha, Ph. Ma-gien-lăng (Ferdinand Magellan) cùng đoàn thủy thủ tìm đường đến quần đảo hương liệu Ma-lu-ku (Maluku, ngày nay thuộc In-đô-nê-xi-a).

5 đoàn thuyền của Ma-gien-lăng bắt đầu rời Tây Ban Nha, căng buồm tới Tây Phi và sau đó tới Bra-xin (Brazil). Hải đoàn của ông vượt qua đại dương về phía tây trong 99 ngày, đi đến một khu vực có vùng nước yên bình, vì vậy đại dương này được gọi là Thái Bình Dương. Con tàu cuối cùng của đoàn đi qua Ấn Độ Dương, dọc theo Mũi Hảo Vọng và cập bến cảng Xan-lu-ca (Sanlucar) của Tây Ban Nha vào năm 1522, trở thành con tàu đầu tiên đi vòng quanh thế giới.

Chủ đề 5: TÌM HIỂU THẾ GIỚI

CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI

Bài 21

Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.
- Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.

Khởi động

Quan sát ô chữ dưới đây, em hãy:

- Sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ có nghĩa.
- Chia sẻ những hiểu biết của em về từ đó.

Đ Á Ư D Ộ N G N Ơ

Khám phá

1. Các châu lục trên thế giới Vị trí địa lí các châu lục

Quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên và xác định trên lược đồ vị trí các châu lục trên thế giới.
- Cho biết mỗi châu lục tiếp giáp với các đại dương và châu lục nào.

Thế giới có sáu châu lục, trong đó châu Á, châu Âu và châu Phi được gán với nhau thành một khối, chủ yếu nằm ở bán cầu Bắc. Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, giữa hai đại dương lớn là Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Phần lớn châu Đại Dương ở bán cầu Nam. Châu Nam Cực nằm ở khu vực quanh cực Nam của Trái Đất và cách xa các châu lục khác.

83

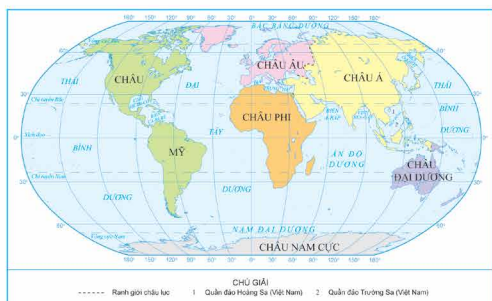
HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Quan sát ô chữ dưới đây và sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ có nghĩa. Chia sẻ những hiểu biết về từ đó.

Lưu ý: HS có thể trả lời chưa chính xác. GV chuyển thành tình huống có vấn đề để dẫn dắt HS tò mò, có nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới.

GV trao đổi thêm:

Đầu thế kỉ XVI, vua Tây Ban Nha khuyến khích các nhà thám hiểm tìm đường sang phương Đông vì mục đích tìm kiếm gia vị



Hình 1. Lược đồ các châu lục và đại dương trên thế giới

Đặc điểm tự nhiên các châu lục

- Châu Á

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:

- Xác định vị trí các dãy núi, cao nguyên, đồng bằng và một số sông lớn ở châu Á.
- Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Á.

Châu Á có địa hình đa dạng với các dãy núi cao, đồng bằng rộng lớn, sơn nguyên đồ sộ,... Đỉnh núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích. Ê-vơ-rét (Everest) thuộc dãy Hi-ma-lay-a (Himalaya) là đỉnh núi cao nhất thế giới với độ cao 8 848 m. Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích. Nhiều vịnh biển và bán đảo lớn như vịnh Ben-gan (Bengal), bán đảo Ả Rập,...

Khí hậu châu Á thay đổi từ bắc xuống nam, bao gồm hàn đới, ôn đới và nhiệt đới. Mạng lưới sông ngòi phát triển, nhiều sông dài bậc nhất thế giới như Trường Giang, Mê Công,...

Thiên nhiên châu Á rất đa dạng, bao gồm đài nguyên, rừng lá kim, rừng lá rộng, rừng nhiệt đới ẩm. Vào sâu trong đất liền còn có những hoang mạc rộng lớn.



Hình 2. Đỉnh núi Ê-vơ-rét

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên các châu lục

Bước 1. GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của một châu lục (địa hình, khí hậu, sông ngòi và sinh vật).

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

Lưu ý: GV mở rộng kiến thức, giới thiệu một số thông tin đặc sắc của các châu lục:

- Diện tích các châu lục.
- Các đỉnh núi, dãy núi tiêu biểu.
- Các sông, hồ tiêu biểu.

Tên châu lục	Châu lục tiếp giáp	Đại dương tiếp giáp
Châu Á	Châu Âu, châu Phi, châu Đại Dương	Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương
Châu Âu	Châu Á	Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương
Châu Phi	Châu Á	Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương
Châu Mỹ	Không	Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Đại Tây Dương
Châu Đại Dương	Châu Á	Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương
Châu Nam Cực	Không	Nam Đại Dương

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí các châu lục trên thế giới

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 1 trong SGK để:

- Kể tên và xác định trên lược đồ các châu lục trên thế giới.
- Cho biết mỗi châu lục tiếp giáp với các đại dương và châu lục khác nào.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

GV trao đổi thêm:

• Vườn quốc gia Se-ren-ge-ti

Vườn quốc gia Se-ren-ge-ti nằm ở phía bắc Tan-da-ni-a, có diện tích gần 15 nghìn km². Năm 1981, vườn quốc gia Se-ren-ge-ti được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới. Cho đến nay, vườn quốc gia Se-ren-ge-ti là một trong những nơi có hệ sinh thái lâu đời nhất trên thế giới.

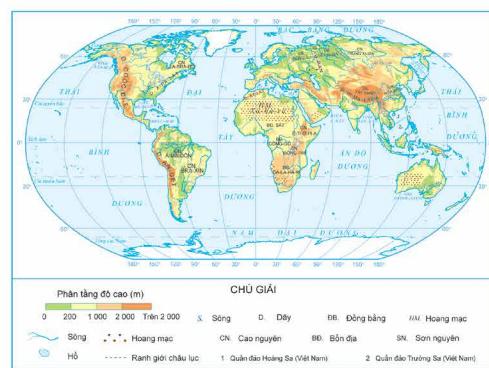
Vườn quốc gia Se-ren-ge-ti là những thảo nguyên bát ngát với những đồng cỏ bạt ngàn, các cánh rừng rậm rạp, bãi đầm lầy, là nơi sinh sống của nhiều loài thực vật quý hiếm trên thế giới như cây xúc xích, cây đa bóp cổ, cây cọ,... Đây còn là nơi sinh sống của quần thể sư tử, linh dương đầu bò, ngựa vằn, linh dương Eland, linh cẩu và báo gepa lớn nhất thế giới.

Từ tháng 7 đến tháng 9 hằng năm, tại Se-ren-ge-ti diễn ra cuộc di cư khổng lồ của hàng ngàn linh dương đầu bò nên người ta còn gọi vườn quốc gia Se-ren-ge-ti là cánh đồng linh dương.

• Hoang mạc Xim-sơn

Xim-sơn là hoang mạc đẹp nhất ở Ô-xtrây-li-a, có diện tích 176 500 km². Các cồn cát chạy song song có sóng là điểm thu hút nổi bật nhất của hoang mạc này. Ước tính hoang mạc Xim-sơn có hơn 1 100 cồn cát chạy song song. Điều thú vị là một số cồn cát có chiều dài hơn 200 km.

Ngoài số lượng và chiều dài cồn cát, hoang mạc Xim-sơn cũng nổi tiếng với màu sắc rực rỡ như đỏ, cam, hồng và trắng. Tuy nhiên, hoang mạc này rất khô cằn, chỉ nhận được lượng mưa trung bình 150 mm/năm. Nhiệt độ trung bình mùa hè khoảng 39 – 50°C.



Hình 3. Lược đồ tự nhiên thế giới

– Châu Âu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy:

– Xác định vị trí các dãy núi và đồng bằng ở châu Âu.

– Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Âu.

Địa hình châu Âu có đồng bằng chiếm $\frac{2}{3}$ diện tích, phần còn lại là đồi núi. Đường bờ biển kéo dài với nhiều vịnh biển và bán đảo.

Phần lớn châu Âu có khí hậu ôn đới, một phần nhỏ phía bắc có khí hậu hàn đới. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. Các sông tiêu biểu là Von-ga (Volga), Đa-nuyp (Danube),...

Thiên nhiên châu Âu đặc sắc, rừng lá rộng và rừng lá kim chiếm ưu thế; động vật đặc trưng là thỏ, gấu, tuần lộc,...



Hình 4. Rừng lá kim ở châu Âu

85

Thiên nhiên châu Mỹ rất đa dạng với các cánh rừng, đồng cỏ, hoang mạc cùng nhiều loài động vật đặc trưng như bò bi-đông (bison), con lười,... Rừng A-ma-đôn là khu rừng nhiệt đới lớn nhất trên thế giới.

– Châu Đại Dương

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 7, em hãy:

– Xác định vị trí các hoang mạc, đồng bằng, sông lớn ở châu Đại Dương.

– Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên của châu Đại Dương.

Địa hình châu Đại Dương có núi thấp ở phía đông; cao nguyên ở phía tây, trung tâm là bồn địa. Phần lớn các đảo nhỏ có địa hình thấp.

Phần lớn châu Đại Dương có khí hậu nhiệt đới, nóng quanh năm.

Sông ngòi kém phát triển do lượng mưa ít. Thiên nhiên có nhiều loài động, thực vật độc đáo như gấu túi – koala, chuột túi, chim kiwi, bạch đàn, keo,...

– Châu Nam Cực

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 8, em hãy:

– Nêu đặc điểm địa hình của châu Nam Cực.

– Cho biết khí hậu và thiên nhiên châu Nam Cực có những điểm khác biệt nào so với các châu lục còn lại.

Địa hình của châu Nam Cực cao do được bao phủ bởi một lớp băng rất dày. Khí hậu hàn đới, rất khắc nghiệt. Nhiệt độ quanh năm xuống dưới 0°C, gió mạnh. Sông ngòi hầu như không có.

Thiên nhiên nơi đây đơn điệu. Động vật đặc trưng là chim cánh cụt, cá voi xanh,... Thực vật rất nghèo nàn.



Hình 7. Một phần hoang mạc Xim-sơn (Simpson) ở Ô-xtrây-li-a (Australia)



Hình 8. Chim cánh cụt hoàng đế ở châu Nam Cực

87

– Châu Phi

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 5, em hãy:

- Xác định vị trí các bốn địa, cao nguyên, hoang mạc và sông lớn ở châu Phi.
- Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Phi.

Châu Phi có địa hình cao, bao gồm các cao nguyên, bốn địa, đồng bằng... Khí hậu nhiệt đới là chủ yếu, nóng và lượng mưa ít. Mạng lưới sông ngòi tương đối thưa và ít nước. Hệ thống sông lớn nhất ở châu Phi là sông Nin (Nile) và sông Công-gô (Congo). Khu vực Đông Phi có nhiều hồ lớn và sâu.

Thiên nhiên châu Phi đặc trưng cho môi trường nhiệt đới, với nhiều loài động vật tiêu biểu như voi, tê giác, sư tử, ngựa vằn, linh dương... Xa-ha-ra (Sahara) là hoang mạc lớn nhất ở châu Phi.

– Châu Mỹ

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 6, em hãy:

- Xác định vị trí các dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn ở châu Mỹ.
- Trình bày đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Mỹ.

Địa hình châu Mỹ gồm ba bộ phận rõ nét: phía tây là núi cao, phía đông là cao nguyên và núi thấp, ở giữa là đồng bằng.

Châu Mỹ có đầy đủ các đới khí hậu, thay đổi từ bắc xuống nam. Sông ngòi khá phát triển, đặc biệt ở Nam Mỹ. Hai hệ thống sông lớn nhất châu Mỹ là Mi-xi-xi-pi (Mississippi) và A-ma-dôn (Amazon).



Em có biết?

Công viên quốc gia Se-ren-ge-ti (Serengeti) ở Tan-da-ni-a (Tanzania) là một trong những khu bảo tồn động vật hoang dã nổi tiếng và lâu đời ở châu Phi.



Hình 5. Một góc công viên quốc gia Se-ren-ge-ti ở Tan-da-ni-a



Hình 6. Một đoạn sông Mi-xi-xi-pi

86

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các đại dương trên thế giới

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, bảng số liệu và quan sát hình 1 trong SGK để:

- Kể tên và xác định trên lược đồ vị trí các đại dương trên thế giới.
- So sánh diện tích và độ sâu của các đại dương.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Có 5 đại dương, Nam Đại Dương được đặt tên muộn nhất.
- Diện tích lớn nhất là Thái Bình Dương, nhỏ nhất là Bắc Băng Dương.
- Độ sâu lớn nhất là Thái Bình Dương, nhỏ nhất là Bắc Băng Dương.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

Lưu ý: GV có thể mở rộng thông tin với HS về tên gọi của các đại dương, một số địa danh độc đáo trên thế giới như hẻm vực Ma-ri-a-na (Mariana), tam giác quỷ Béc-mu-đa (Bermuda), biển San hô...

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Câu 1, câu 2: GV có thể lồng ghép cho HS thực hiện trong quá trình giảng dạy.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS tìm kiếm thông tin về một con sông lớn trên thế giới hoặc sưu tầm một số hình ảnh thể hiện nét đặc sắc của thiên nhiên ở một châu lục mà em thích nhất, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Gợi ý:

- GV cung cấp một số tiêu chí để HS tìm kiếm thông tin về sông ngòi: vị trí, diện tích lưu vực, chiều dài sông, nơi bắt nguồn, nơi đổ ra biển, chế độ nước sông, giá trị tiêu biểu...
- GV cung cấp một số nét đặc sắc về thiên nhiên của các châu lục để HS sưu tầm hình ảnh: hồ Bai-can (Baikal – châu Á) sâu nhất thế giới, khí hậu ở hoang mạc Xa-ha-ra hoặc ốc đảo giữa hoang mạc (châu Phi), rừng A-ma-dôn – rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới (châu Mỹ), sinh vật độc đáo: cầy-gu-ru, koala... (châu Đại Dương)...

2. Các đại dương trên thế giới

Đọc thông tin, dựa vào bảng số liệu và quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên và xác định trên lược đồ vị trí các đại dương trên thế giới.
- So sánh diện tích và độ sâu trung bình của các đại dương.

Đại dương bao phủ trên 70% diện tích bề mặt Trái Đất. Thế giới có năm đại dương. Các đại dương đều có diện tích rất lớn nhưng có sự khác biệt về diện tích, độ sâu, độ mặn...

Đại dương ảnh hưởng lớn đến thiên nhiên trên Trái Đất, đời sống của con người.

Diện tích và độ sâu trung bình của các đại dương trên thế giới

Đại dương	Diện tích (triệu km ²)	Độ sâu trung bình (m)
Ấn Độ Dương	70,6	3 741
Bắc Băng Dương	14,1	987
Đại Tây Dương	106,4	3 338
Nam Đại Dương	22,0	3 270
Thái Bình Dương	165,3	4 280

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022)



Em có biết?

Ngày 8 – 6 – 2021, Nam Đại Dương được công nhận trở thành đại dương thứ 5 trên thế giới. Đây là đại dương duy nhất tiếp giáp với ba đại dương khác và bao quanh toàn bộ châu Nam Cực.



Luyện tập

- Lựa chọn hai châu lục đã học để hoàn thành bảng thông tin so sánh sự khác nhau về đặc điểm địa hình, khí hậu và sông ngòi theo mẫu vào vở:
- Giới thiệu đặc điểm khái quát của một đại dương với các bạn cùng lớp.



Vận dụng

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

- Tìm kiếm thông tin về một con sông lớn trên thế giới, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.
- Sưu tầm một số hình ảnh thể hiện nét đặc sắc của thiên nhiên ở một châu lục mà em thích nhất, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

88

• Diện tích của các châu lục

Châu lục	Diện tích (triệu km ²)
Châu Á	44,4
Châu Âu	10,3
Châu Phi	30,3
Châu Mỹ	42,0
Châu Đại Dương	8,5
Châu Nam Cực	14,0

• Độ cao của một số ngọn núi lớn trên thế giới

Tên núi	Châu lục	Độ cao (m)
Ê-vơ-rét	Châu Á	8 848
K2	Châu Á	8 611
A-côn-ca-go-a (Aconcagua)	Châu Mỹ	6 960
Đê-na-li (Denali)	Châu Mỹ	6 190
Ki-li-man-gia-rô (Kilimanjaro)	Châu Phi	5 895
En-brút (Elbrus)	Châu Âu	5 642
Vin-sơn Mác-síp (Vinson Massif)	Châu Nam Cực	4 892
Vin-hem (Wilhelm)	Châu Đại Dương	4 509

• **Chiều dài của một số con sông lớn trên thế giới**

Tên sông	Châu lục	Chiều dài (km)
Nin	Châu Phi	6 650
A-ma-dôn	Châu Mỹ	6 400
Trường Giang	Châu Á	6 300
Mi-xi-xi-pi	Châu Mỹ	6 270
I-ê-nít-xây (Yenisei)	Châu Á	5 500
Hoàng Hà	Châu Á	5 464
Ô-bi (Ob)	Châu Á	5 410
Pa-ra-na (Parana)	Châu Mỹ	4 880
Công-gô	Châu Phi	4 700
A-mua (Amur)	Châu Á	4 444
Lê-na (Lena)	Châu Á	4 400
Mê Công	Châu Á	4 763
Von-ga	Châu Âu	3 690

• **Lục địa thứ 7 trên thế giới**

Trái Đất có 6 lục địa bao gồm Á – Âu, Phi, Nam Mỹ, Bắc Mỹ, Ô-xtrây-li-a và Nam Cực. Năm 2017, các nhà khoa học đã khám phá lục địa thứ 7 của Trái Đất, gọi là Di-len-đi-a (Zealandia). Đây là lục địa nằm phía dưới quốc gia Niu Di-len (New Zealand), được cho là đã chìm xuống dưới biển cách đây 75 triệu năm.

Vào khoảng 200 triệu năm trước, siêu lục địa Pan-gê-a (Pangea) tách thành 2 phần: Lau-ra-si-a (Laurasia) và Gon-quana (Gondwana). 2 siêu lục địa này tiếp tục phân tách thành các lục địa nhỏ hơn.

Lau-ra-si-a ở phía bắc sau này đã phân tách thành lục địa Á – Âu và Bắc Mỹ, trong khi siêu lục địa Gon-quana phân tách để hình thành lục địa Phi, Nam Cực, Nam Mỹ và Ô-xtrây-li-a.

Khi Di-len-đi-a còn nổi và bắt đầu tách ra khỏi siêu lục địa Gon-quana, lớp vỏ phía dưới lục địa này bị kéo dãn và mỏng dần, sau đó nằm hoàn toàn dưới đại dương khoảng 23 triệu năm trước. Động đất và núi lửa thường xuyên xảy ra ở Di-len-đi-a, do lục địa này nằm trên hai mảng kiến tạo: Ấn Độ – Ô-xtrây-li-a và Thái Bình Dương.

Bằng cách phân tích địa chất lục địa Di-len-đi-a, diện tích của lục địa này gần 5 triệu km², hơn 1/2 diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a. Tuy nhiên, chỉ khoảng 6% diện tích của Di-len-đi-a nổi trên mặt biển.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được đặc điểm dân số thế giới.
- + Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Tìm hoặc tra cứu được thông tin cơ bản về đặc điểm ngoại hình một số chủng tộc trên thế giới.
- + Khai thác bảng số liệu để so sánh được quy mô dân số giữa các châu lục trên thế giới.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Biết ứng xử phù hợp thể hiện sự tôn trọng về khác biệt chủng tộc.
- + Xác định trên lược đồ sự phân bố các chủng tộc.

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Giao tiếp và hợp tác: nhận ra được những bất đồng giữa bản thân với các bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường nhịn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

Phẩm chất

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về trang phục, tính cách và hoàn cảnh gia đình.
- Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV có thể chọn 1 trong 2 gợi ý sau để khởi động bài học:

- Gợi ý 1: GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Quan sát hình 1, hãy chia sẻ hiểu biết của em về dân số thế giới hiện nay.
- Gợi ý 2: GV trình chiếu những hình ảnh hoặc video về tình hình dân số thế giới (số dân đông, tăng nhanh,...) hoặc về các chủng tộc trên thế giới.

Bài
22

DÂN SỐ VÀ CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng được bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.
- Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Sử dụng được lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
- Biết ứng xử phù hợp thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.



Khởi động

Quan sát hình 1, hãy chia sẻ hiểu biết của em về dân số thế giới hiện nay.

NGÀY DÂN SỐ THẾ GIỚI 11 - 7



Hình 1

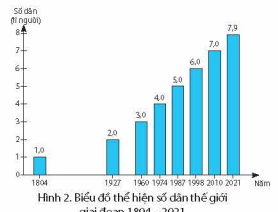


Khám phá

1. Dân số thế giới

Đọc thông tin, dựa vào bảng số liệu và quan sát hình 2, em hãy:

- Cho biết xu hướng thay đổi số dân thế giới giai đoạn 1804 – 2021.
- So sánh số dân giữa các châu lục trên thế giới năm 2021.



Trong những thế kỉ gần đây, số dân thế giới tăng rất nhanh, đạt gần 8 tỉ người (năm 2021). Mật độ dân số trung bình toàn thế giới khoảng 58 người/km².

89

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về dân số thế giới

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, bảng số liệu, quan sát hình 2 trong SGK và trả lời câu hỏi:

- Số dân thế giới giai đoạn 1804 – 2021 thay đổi như thế nào?
- Số dân giữa các châu lục trên thế giới năm 2021 khác nhau như thế nào?

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Giai đoạn 1804 – 2021: số dân thế giới tăng nhanh. (GV có thể yêu cầu HS cho biết số dân tăng thêm trong giai đoạn này. Mất bao nhiêu năm để dân số thế giới tăng thêm 1 tỉ người?).
- Châu lục có số dân đông nhất, châu lục có số dân ít nhất. Chênh lệch số dân giữa các châu lục, phân bố dân cư trên thế giới không đều.

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các chủng tộc trên thế giới

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát các hình 3, 4 trong SGK và trả lời câu hỏi:

- Tên các chủng tộc chính trên thế giới là gì?
- Các chủng tộc có ngoại hình như thế nào?
- Các chủng tộc có sự phân bố ra sao?

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Thế giới có 4 chủng tộc chính: Ô-rô-pê-ô-ít, Nê-grô-ít, Môn-gô-lô-ít, Ô-xtra-lô-ít.
- Một số nét chính về ngoại hình: da, tóc, mắt, mũi, môi,...

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS dựa vào bảng số liệu trong bài, xếp thứ tự các châu lục theo số dân tăng dần.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS:

- So sánh số dân giữa các châu lục.
- Lập bảng mới và thay đổi thứ tự các châu lục: từ số dân lớn nhất đến số dân nhỏ nhất.

2. GV yêu cầu HS hoàn thành bảng thông tin về một số đặc điểm ngoại hình của 4 chủng tộc chính trên thế giới.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS:

- Tìm thông tin (tham khảo nội dung mục 2, trang 90 – 91 SGK).
- Hoàn thành nội dung theo bảng cho từng chủng tộc.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách ứng xử phù hợp khi giao tiếp với những người thuộc những chủng tộc khác nhau (về ngoại hình, văn hoá, ...).

tuy nhiên phân bố không đều. Nơi có điều kiện thuận lợi cho sinh sống và sản xuất như địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hoà, giao thông thuận tiện, khu đô thị... dân cư đông đúc. Những nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt như hoang mạc, vùng núi cao, vùng cực lạnh giá... dân cư rất ít.

Phần lớn dân số thế giới tập trung ở châu Á. Châu Đại Dương có số dân ít nhất.

2. Các chủng tộc trên thế giới

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy:

- Cho biết tên các chủng tộc chính trên thế giới.
- Mô tả một số nét chính về ngoại hình của các chủng tộc.
- Xác định trên lược đồ sự phân bố các chủng tộc chính trên thế giới.

Thế giới có bốn chủng tộc chính và nhóm người lai. Các chủng tộc có nhiều đặc điểm khác nhau về ngoại hình, phân bố...



Hình 3. Các chủng tộc chính trên thế giới

Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-ít (người da trắng)

Đặc điểm ngoại hình: da trắng, tóc nâu hoặc vàng giòn, mắt xanh hoặc nâu, mũi cao, môi rộng.

Đặc điểm phân bố: chủng tộc có địa bàn cư trú rộng, tập trung chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương.

Chủng tộc Nê-grô-ít (người da đen)

Đặc điểm ngoại hình: da đen, tóc xoăn, mắt to và đen, mũi rộng, môi dày...

Đặc điểm phân bố: chủng tộc phân bố chủ yếu ở châu Phi.

Chủng tộc Môn-gô-lô-ít (người da vàng)

Đặc điểm ngoại hình: da vàng, tóc đen và thẳng, mắt đen, mũi thấp.

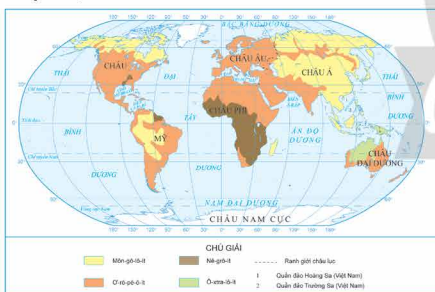
Đặc điểm phân bố: chủng tộc phân bố chủ yếu ở châu Á.

90

Chủng tộc Ô-xtra-lô-ít (người da nâu)

Đặc điểm ngoại hình: da đen hoặc nâu đen, mắt đen, tóc xoăn và đen, mũi rộng.

Đặc điểm phân bố: chủng tộc phân bố chủ yếu ở châu Đại Dương, một số đảo ở Đông Nam Á...



Hình 4. Lược đồ phân bố các chủng tộc chính trên thế giới năm 2022

Luyện tập

1. Dựa vào bảng số liệu trong bài, xếp thứ tự các châu lục theo số dân tăng dần.

2. Hoàn thành bảng thông tin về một số đặc điểm ngoại hình của bốn chủng tộc chính trên thế giới theo mẫu vào vở:

Đặc điểm	Màu da	Tóc	Mũi	Mắt
Chủng tộc				
Ô-rô-pê-ô-ít	?	?	?	?
Nê-grô-ít	?	?	?	?
Ô-xtra-lô-ít	?	?	?	?
Môn-gô-lô-ít	?	?	?	?

Vận dụng

Em có những ứng xử như thế nào nếu học chung trường với các bạn học sinh quốc tế?

91

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của văn minh Ai Cập.
- + Kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp, pha-ra-ông,...
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: khai thác và sử dụng được những tư liệu lịch sử, lược đồ liên quan đến Ai Cập.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) về một số công trình tiêu biểu của văn minh Ai Cập.
- + Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các quốc gia trên thế giới.

Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với tư liệu để trình bày về các công trình tiêu biểu của Ai Cập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

Phẩm chất

Nhân ái: quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc trên thế giới.

Bài
23

VĂN MINH AI CẬP



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp, pha-ra-ông (pharaoh),...



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về đất nước Ai Cập?



Hình 1. Sông Nin (Nile) ở Ai Cập



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay.

Ai Cập nằm ở phía đông bắc châu Phi, có sông Nin chảy qua lãnh thổ. Phía bắc Ai Cập giáp Địa Trung Hải, phía đông bắc giáp I-xra-en (Israel), phía đông giáp Biển Đỏ, phía nam giáp Xu-đăng (Sudan) và phía tây giáp Li-bi (Libya).



Hình 2. Lược đồ nước Ai Cập ngày nay

92

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của Ai Cập

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 2 trong SGK để xác định vị trí địa lí của Ai Cập hiện nay.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Hình 1 trong SGK gợi cho em điều gì về đất nước Ai Cập?

GV trình chiếu những hình ảnh hoặc đoạn phim ngắn giới thiệu về đất nước Ai Cập. Sau đó, GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Em còn biết điều gì khác về đất nước Ai Cập?

Ví dụ: kim tự tháp, tượng Nhân sư, pha-ra-ông, thần thoại Ai Cập, kênh đào Xuy-ê, đồng hồ mặt trời, chữ tượng hình,...

2. Một số thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy:

- Mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.
- Kể lại câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông.

Văn minh Ai Cập là một trong những nền văn minh cổ xưa nhất của nhân loại. Nền văn minh này đã để lại nhiều thành tựu đặc sắc: thần thoại, kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...

Thần thoại Ai Cập

Người Ai Cập cổ đại có một kho tàng truyện thần thoại đặc sắc, thể hiện được cái nhìn của con người với thế giới tự nhiên và thế giới tâm linh, đặc biệt chứa đựng nhiều giá trị về mặt lịch sử, đạo đức và pháp luật.



Các vị thần và sự ra đời của nữ pha-ra-ông đầu tiên trong lịch sử Ai Cập

Tương truyền vào một ngày nọ, thần tối cao A-mun (Amun) nói với các vị thần: "Chưa có người phụ nữ nào trở thành pha-ra-ông của Ai Cập. Ta nghĩ đã đến lúc phải thay đổi".

"Thay đổi như thế nào, thưa cha tối cao?", Tho (Thoht) – vị thần thông thái hỏi.

A-mun bắt đầu nói: "Thực chất, Ai-sít (Isis) đã là nữ thần của Ai Cập. Ta thấy không có lý do gì để một phụ nữ không thể trở thành pha-ra-ông".

Ngày hôm sau, thần A-mun mang một nụ hoa nhỏ đến tặng cho pha-ra-ông Ai Cập. Một thời gian sau đó, Công chúa Hát-xép-xút (Hatshepsut) ra đời và trở thành vị pha-ra-ông nữ đầu tiên trong lịch sử Ai Cập.

(Theo Hà Thu Phương dịch, *Truyện của những nền văn minh Ai Cập cổ đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2020)



Hình 3. Tượng nữ hoàng Hát-xép-xút

Kim tự tháp

Kim tự tháp là một trong những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc của người Ai Cập cổ đại. Các kim tự tháp thường có bốn mặt hình tam giác, được xây bằng những phiến đá lớn.

Kim tự tháp là những lăng mộ kiên cố và đồ sộ, nơi chôn cất các pha-ra-ông để thể hiện quyền uy bất diệt của mình. Bên trong kim tự tháp có những hành lang, đường hầm, giếng sâu, phòng chứa quan tài, buồng để đồ đạc,...

93

- Ai Cập nằm ở phía đông bắc châu Phi, có sông Nin chảy qua lãnh thổ.
- Phía bắc Ai Cập giáp Địa Trung Hải; phía đông bắc giáp I-xra-en; phía đông giáp Biển Đỏ; phía nam giáp Xu-đăng; phía tây giáp Li-bi.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

Ai Cập nằm giữa lộ trình hàng hải quan trọng của châu Phi và châu Á nên nơi đây được xem là trung tâm thương mại và giao thông quan trọng từ thời cổ đại. Sông Nin chảy qua lãnh thổ Ai Cập không chỉ mang lại nước và phù sa cho đất đai mà còn đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển văn hoá và kinh tế của đất nước.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5 trong SGK, thực hiện các yêu cầu:

- Mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.
- Kể lại câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông. GV lưu ý nêu điểm nổi bật và ý nghĩa (giá trị lịch sử) của thành tựu.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Thần thoại Ai Cập:
 - + Điểm nổi bật của thành tựu: người Ai Cập cổ đại có một kho tàng truyện thần thoại đặc sắc, thể hiện được cái nhìn của con người với thế giới tự nhiên và thế giới tâm linh.
 - + Ý nghĩa hoặc giá trị lịch sử của thành tựu: chứa đựng nhiều giá trị về mặt lịch sử, đạo đức và pháp luật.
- Kim tự tháp:
 - + Điểm nổi bật của thành tựu: các kim tự tháp thường có bốn mặt hình tam giác, được xây bằng những phiến đá lớn, là những lăng mộ kiên cố và đồ sộ, nơi chôn cất các pha-ra-ông để thể hiện quyền uy bất diệt của mình. Bên trong kim tự tháp có những hành lang, đường hầm, giếng sâu, phòng chứa quan tài, buồng để đồ đạc,...
 - + Ý nghĩa hoặc giá trị lịch sử của thành tựu: một trong những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc của người Ai Cập cổ đại.

– Đồng hồ mặt trời:

- + Điểm nổi bật của thành tựu: được phát minh vào khoảng năm 3 500 TCN. Đồng hồ được tạo ra từ những cột lớn và đặt dưới ánh nắng mặt trời. Sau đó, người Ai Cập đã cải tiến đồng hồ bằng cách sử dụng một hệ thống đĩa tròn chia thành 12 phần bằng nhau và một chiếc kim. Để xác định thời gian trong ngày, người Ai Cập cổ đại theo dõi hướng và độ dài bóng của cột hoặc kim.
- + Ý nghĩa hoặc giá trị lịch sử của thành tựu: con người đã hoàn thiện dần và phát triển thành đồng hồ có 3 kim: giờ, phút, giây như ngày nay.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

Những thành tựu đặc sắc của người Ai Cập cổ đại ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của văn hoá trên khắp thế giới.

Kim tự tháp với sức mạnh và vẻ uy nghiêm của mình đã trở thành biểu tượng của quốc gia, bắt chắp thời gian và mưa nắng vẫn đứng sừng sững ở vùng sa mạc. Thần thoại Ai Cập với những câu chuyện đặc sắc về thế giới tâm linh và tự nhiên, đã chạm đến lòng người, truyền đạt những giá trị lịch sử và đạo đức quý báu. Đồng hồ mặt trời không chỉ là phương tiện để xác định thời gian mà còn là biểu tượng của sự hiểu biết sâu sắc về thiên nhiên và mối quan hệ giữa con người với Vũ Trụ.

Những công trình này không chỉ là kì quan của một dân tộc mà còn là niềm tự hào của toàn nhân loại, là biểu tượng của sự sáng tạo và tri thức, là dấu ấn vững chắc trong hành trình phát triển của loài người qua các thời kì lịch sử.



Xây dựng Kim tự tháp Kê-ốp (Kheops)

Kim tự tháp Kê-ốp cao tới 147 m. Để xây dựng kim tự tháp này, người Ai Cập cổ đại phải đục đẽo hàng triệu tảng đá, trung bình mỗi tảng đá nặng 2,5 tấn. Pha-ra-ông Ai Cập đã huy động nhiều kiến trúc sư, thợ thủ công, nông dân và nô lệ trong hàng chục năm để thực hiện công trình này. Họ phải lao động cực nhọc. Kim tự tháp nổi chung và Kim tự tháp Kê-ốp nổi riêng chính là những công trình đánh dấu nền văn hoá rực rỡ của người Ai Cập cổ đại.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), Những mẫu chuyện lịch sử thế giới, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)



Hình 4. Kim tự tháp Kê-ốp

Đồng hồ mặt trời

Đồng hồ mặt trời được người Ai Cập cổ đại phát minh vào khoảng năm 3 500 TCN. Ban đầu, đồng hồ được tạo ra từ những cột lớn và đặt dưới ánh nắng mặt trời. Bằng cách theo dõi hướng và độ dài bóng của cột dưới ánh nắng mặt trời, người Ai Cập có thể xác định thời gian trong ngày.

Khoảng 2 000 năm sau, người Ai Cập đã cải tiến đồng hồ bằng cách sử dụng một hệ thống đĩa tròn chia thành 12 phần bằng nhau và một chiếc kim. Khi Mặt Trời di chuyển trong ngày, bóng của kim sẽ đổ xuống thẳng hàng với các đường trên mặt đĩa. Từ đó, con người đã hoàn thiện dần và phát triển thành đồng hồ có 3 kim: giờ, phút, giây như ngày nay.



Hình 5. Đồng hồ mặt trời



Luyện tập

Sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện về một thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.



Vận dụng

Dựa vào kiến thức đã học và hình 5 trong bài, hãy thiết kế một đồng hồ mặt trời bằng giấy.

94

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện về một thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện về một thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập và sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS dựa vào kiến thức đã học và hình 5 trong SGK để thiết kế một đồng hồ mặt trời bằng giấy.

Gợi ý:

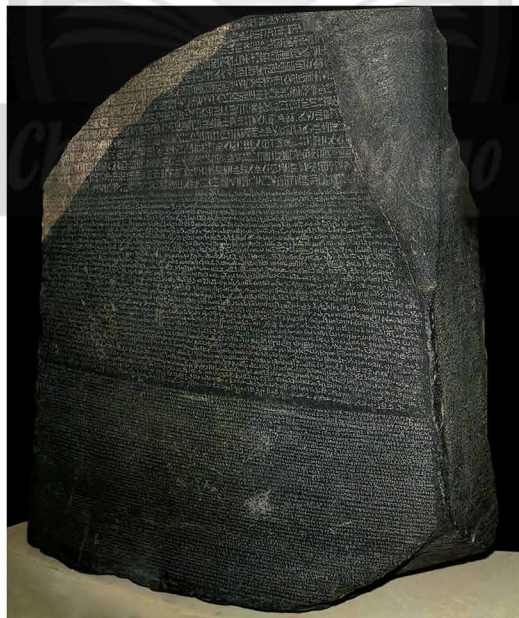
GV có thể cho HS xem đoạn phim hướng dẫn thực hiện đồng hồ mặt trời bằng giấy hoặc GV thực hiện mẫu trước lớp và cho HS làm theo.

• Chữ viết của người Ai Cập

Vào khoảng 3 000 năm TCN, cư dân vùng châu thổ sông Nin đã phát triển được hệ thống chữ tượng hình, một cách viết bằng các hình vẽ. Chữ tượng hình sử dụng hơn 600 dấu hiệu, hình vẽ, biểu tượng tương ứng với chữ và âm thanh.

Chữ viết của người Ai Cập thường được khắc trên đá, gỗ, đồ gốm, vải, da,... nhưng chất liệu dùng phổ biến nhất là giấy pa-pi-rút (papyrus). Họ dùng thân cây pa-pi-rút được trồng ở những đầm lầy gần sông Nin và chẻ thành từng thanh mỏng, ghép các thanh ấy thành những tờ giấy, ép mỏng rồi phơi khô. Đây là loại giấy có sớm nhất thế giới. Do vậy, trong tiếng Anh, giấy được gọi là paper. Người Ai Cập viết trên giấy pa-pi-rút với mực được làm từ bồ hóng (nhỏ nổi) – tinh thể của than, nước và nước ép thực vật. Họ cũng sử dụng bút lông làm từ cây bấc.

Vào năm 1798, quân Pháp xâm lược Ai Cập. Tại một địa điểm gần thành phố Rô-sét-ta (Rosetta), binh lính Pháp đã phát hiện một tấm bia và đặt tên là Rô-sét-ta. Những kí tự khắc trên phiến đá là các thông điệp được viết ở Ai Cập, phần trên phiến đá khắc chữ Ai Cập cổ, phần dưới khắc chữ Hy Lạp. Khoảng 23 năm sau, một chuyên gia ngôn ngữ người Pháp sử dụng phiến đá Rô-sét-ta để khám phá bức màn bí ẩn của chữ tượng hình. Những học giả thời hiện đại có thể đọc văn bản Rô-sét-ta của Hy Lạp và họ thấy rằng ý nghĩa của ba đoạn trong phiến đá đều giống nhau. Một chuyên gia ngôn ngữ dùng văn bản Rô-sét-ta để giải mã chữ tượng hình. Ông còn tìm ra quy luật để hiểu tất cả những chữ tượng hình khác. Nhiều học giả ngày nay có thể đọc các tài liệu về lịch sử Ai Cập được viết bởi những người chứng kiến tận mắt các sự kiện đó.



Hình 1. Phiến đá Rô-sét-ta

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Xác định được vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của văn minh Hy Lạp.
- + Kể lại được một số câu chuyện lịch sử về Ô-lim-píc, về các vị thần của Hy Lạp.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: khai thác và sử dụng được những tư liệu lịch sử, lược đồ liên quan đến Hy Lạp.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) về một số công trình tiêu biểu của văn minh Hy Lạp.

Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với tư liệu để trình bày về các công trình tiêu biểu của Hy Lạp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

Phẩm chất

Nhân ái: quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc trên thế giới.



VĂN MINH HY LẠP



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc... của văn minh Hy Lạp.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc (Olympic), về các vị thần của Hy Lạp.



Khởi động

Em hãy quan sát kiểu dáng, hoa văn trên hình 1 và nêu cảm nghĩ về nghệ thuật chế tác đồ gốm của người Hy Lạp cổ đại.



Hình 1. Bình gốm của người Hy Lạp cổ đại



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay.

Hy Lạp là quốc gia nằm ở phía đông nam châu Âu. Phần lớn lãnh thổ được bao quanh bởi Địa Trung Hải, biển I-ô-ni (Ionian) và biển Ê-giê (Aegea). Hy Lạp tiếp giáp với các nước An-ba-ni (Albania), Bắc Ma-xê-đô-ni-a (Macedonia), Bun-ga-ri (Bulgaria) và Thổ Nhĩ Kỳ.



Hình 2. Lược đồ nước Hy Lạp ngày nay

95

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của Hy Lạp

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 2 trong SGK để xác định vị trí địa lí của Hy Lạp hiện nay.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Quan sát kiểu dáng, hoa văn trên hình 1 trong SGK và nêu cảm nghĩ về nghệ thuật chế tác đồ gốm của người Hy Lạp cổ đại.

Gợi ý:

- Kiểu dáng độc đáo: sự kết hợp tinh tế giữa hình thức và nghệ thuật trang trí.
- Hoa văn phức tạp: sử dụng hoạ tiết sinh động, mô phỏng văn hoá và các yếu tố truyền thuyết.
- Tinh tế và chi tiết: đường nét uốn lượn kết hợp với những hoạ tiết hình học đa dạng.
- Biểu tượng của văn hoá và sự tiến bộ: nghệ thuật chế tác không chỉ thể hiện trình độ kĩ thuật cao mà còn là biểu tượng văn hoá và sự tiến bộ nghệ thuật của văn minh Hy Lạp.

GV có thể tổ chức các hoạt động khởi động khác như trình chiếu những hình ảnh hoặc đoạn phim ngắn giới thiệu về đất nước Hy Lạp. Sau đó, GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Em còn biết điều gì khác về đất nước Hy Lạp?

Ví dụ: thần thoại Hy Lạp, đền Pác-tê-nông, tượng Lực sĩ ném đĩa, Thế vận hội Ô-lim-píc,...

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5 trong SGK, thực hiện các yêu cầu:

- Mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp.
- Kể lại câu chuyện về vị thần Prô-mê-tê và Thế vận hội Ô-lim-píc.

GV lưu ý nêu điểm nổi bật và ý nghĩa (giá trị lịch sử) của thành tựu.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Thần thoại Hy Lạp:
 - + Điểm nổi bật của thành tựu: những câu chuyện kể về các vị thần của người Hy Lạp như thần Dớt, thần A-tê-na, thần Prô-mê-tê,...
 - + Ý nghĩa hoặc giá trị lịch sử của thành tựu: đóng vai trò quan trọng trong lịch sử và văn hoá, là nguồn cảm hứng vô tận cho nghệ thuật, giáo dục và hiểu biết về tâm linh, thế giới tự nhiên.
- Kiến trúc, điêu khắc:
 - + Điểm nổi bật của thành tựu: đạt đến trình độ cao, nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc của Hy Lạp cổ đại vẫn còn đến ngày nay, như đền thờ Pác-tê-nông – nơi thờ nữ thần A-tê-na. Toàn bộ đền được xây bằng đá trắng, có ba bậc, xung quanh là dãy cột đá cẩm thạch hình tròn, được chạm khắc nhiều kiểu, nổi bật nhất là dải phù điêu khắc nổi hình người và động vật, diễn tả cảnh lễ hội với bố cục tự nhiên, hợp lí.
 - + Ý nghĩa hoặc giá trị lịch sử của thành tựu: biểu tượng văn hoá và nghệ thuật cổ đại, thể hiện sự tinh tế và ảnh hưởng lâu dài trong lịch sử nghệ thuật thế giới.

2. Một số thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, em hãy:

- Mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp.
- Kể lại câu chuyện về vị thần Prô-mê-tê (Prometheus) và Thế vận hội Ô-lim-píc.

Văn minh Hy Lạp đạt được nhiều thành tựu nổi bật: thần thoại, kiến trúc, điêu khắc,... và là nơi khởi nguồn của Thế vận hội Ô-lim-píc.

Thần thoại Hy Lạp

Thần thoại Hy Lạp là những câu chuyện kể về các vị thần của người Hy Lạp như thần Dớt (Zeus), thần A-tê-na (Athena), thần Prô-mê-tê,...



Thần Prô-mê-tê tạo ra loài người

Theo thần thoại Hy Lạp, thuở ban đầu, thế gian chỉ có các vị thần. Nhìn thấy cảnh mặt đất mênh mông, vắng vẻ, thần Prô-mê-tê và em trai Ê-pi-thê-ốt (Epithemeus) đã dùng đất sét tạo ra loài người và các sinh vật. Prô-mê-tê cũng đã lấy ngọn lửa từ thần Dớt và trao nó cho nhân loại. Với lửa, con người có thể sưởi ấm, nấu ăn, không còn sợ bóng tối và thú dữ,... Cuộc sống ngày càng phát triển, con người trở nên đông đúc hơn.

(Theo Nguyễn Văn Khoá, Thần thoại Hy Lạp, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1987)



Hình 3. Tranh minh họa thần Prô-mê-tê trao ngọn lửa cho con người

Kiến trúc, điêu khắc

Người Hy Lạp cổ đại đã đạt đến trình độ cao về kiến trúc và điêu khắc. Nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc của Hy Lạp cổ đại vẫn còn đến ngày nay. Đó là đền Pác-tê-nông (Parthenon), nhà hát Đê-ô-ni-xốt (Dionysos) của A-ten; hay những tác phẩm về điêu khắc như tượng thần Dớt, tượng Lực sĩ ném đĩa,...

Đền thờ Pác-tê-nông là công trình kiến trúc tiêu biểu của người Hy Lạp. Đền được hoàn thành vào năm 438 TCN trên một ngọn đồi, là nơi thờ nữ thần A-tê-na.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

- Hy Lạp là quốc gia nằm ở phía đông nam châu Âu.
- Lãnh thổ Hy Lạp được bao quanh bởi Địa Trung Hải, biển I-ô-ni và biển Ê-giê.
- Hy Lạp tiếp giáp với các nước An-ba-ni, Bắc Ma-xê-đô-ni-a, Bun-ga-ri và Thổ Nhĩ Kỳ.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

- Hy Lạp nằm ở giao điểm của châu Âu, châu Á và châu Phi, có lợi thế về kinh tế, du lịch và thương mại. Vị trí địa lí này cũng tạo ra cơ hội cho sự trao đổi văn hoá và kinh tế với nhiều quốc gia khác.
- Hy Lạp có lợi thế là bờ biển dài, có hàng nghìn hòn đảo nhỏ, thuận tiện cho giao thương, buôn bán. Bờ biển phía đông khúc khuỷu, nhiều vũng, vịnh kín gió thuận lợi xây dựng hải cảng. Hy Lạp từng là một trong những trung tâm thương mại quan trọng của thế giới cổ đại.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

– Thế vận hội Ô-lim-píc:

+ Điểm nổi bật của thành tựu: các cuộc tranh tài thể thao thể hiện sức mạnh và tình đoàn kết của người Hy Lạp cổ đại.

+ Ý nghĩa hoặc giá trị lịch sử của thành tựu: đại diện cho tinh thần thi đua, đoàn kết và văn hoá thể thao, đặt nền móng cho các sự kiện thể thao quốc tế hiện đại.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

Văn minh Hy Lạp được đánh giá cao thông qua những thành tựu đặc sắc mà nó để lại cho thế giới.

Thần thoại Hy Lạp với các câu chuyện kể về các vị thần như thần Dớt, thần A-tê-na hay thần Prô-mê-tê không chỉ là những chuyện kể hấp dẫn mà còn mang ý nghĩa sâu sắc về tâm linh, thế giới tự nhiên và giáo dục.

Kiến trúc, điêu khắc với các công trình độc đáo và tinh tế thể hiện sự tôn vinh và kì diệu của những hình tượng được ghi chép trong truyền thuyết. Trong khi đó, Thế vận hội Ô-lim-píc không chỉ là cuộc thi thể thao mà còn là cơ hội để thể hiện tinh thần đoàn kết của người dân Hy Lạp. Sự kiện này đã tạo ra một không khí hứng khởi, góp phần đặt nền móng cho truyền thống Ô-lim-píc hiện đại.

Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp là nguồn cảm hứng vô tận, ảnh hưởng sâu sắc đến nền văn minh toàn cầu, làm nền tảng cho sự phát triển văn hoá và nghệ thuật trong lịch sử nhân loại.

KIẾN THỨC BỔ TRỢ

• Đền I-rét-tay-on

Đền I-rét-tay-on là một ngôi đền nổi tiếng ở A-ten với kiến trúc hoàn mỹ thể hiện qua hệ thống cột, mặt bằng phù hợp với địa hình và đặc biệt là thành công trong việc sáng tạo chi tiết kiến trúc mới.

Toàn bộ đền được xây bằng đá trắng, có ba bậc, xung quanh là dãy cột đá cẩm thạch hình tròn, được chạm khắc nhiều kiểu, nổi bật nhất là dải phù điêu khắc nổi hình người và động vật, diễn tả cảnh lễ hội với bố cục tự nhiên, hợp lí.



Hình 4. Đền Pác-tê-nông



Em có biết?

Tượng Lưc sĩ ném đĩa –
kĩ nghệ điêu khắc kinh điển
của người Hy Lạp

Tượng Lưc sĩ ném đĩa là sự phối hợp về dáng, về hình, về tỉ lệ nhằm khắc họa một lưc sĩ cường tráng đang vận động toàn bộ cơ thể để tung tay ném đĩa. Vẻ đẹp hoàn mĩ của bức tượng thể hiện ở phần chân nghiêng và thân nhìn chính diện đã tạo ra sự chuyển động một cách tự nhiên và chân thực cho tác phẩm.



Hình 5. Tượng Lưc sĩ ném đĩa

97



Hình 1. Đền I-rét-tay-on

Tương truyền ở khu đất mà I-rét-tay-on được xây dựng có những phần mộ của ba vị thần được tôn trọng nhất: A-tê-na, Pô-say-đông (Poseidon) và vua I-rét-tơ (Erechthe), đây là nơi có chiếc giếng thần được tạo ra từ cuộc đọ sức giữa A-tê-na và Pô-say-đông.

(Theo Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc, *Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003)

Thể vận hội Ô-lim-píc

Thể vận hội Ô-lim-píc là cuộc tranh tài thể thao của người Hy Lạp cổ đại, thể hiện sức mạnh và tinh đoàn kết của người Hy Lạp cổ đại.



Thể vận hội đầu tiên trong lịch sử

Theo truyền thuyết, thần Hê-ra-clét (Heracles) đã khởi xướng Thể vận hội Ô-lim-píc đầu tiên nhằm tôn vinh cha của mình là thần Đôt. Thể vận hội đầu tiên được tổ chức vào năm 776 TCN và duy trì bốn năm một lần suốt thời gian dài đến thế kỉ thứ 4 TCN và được khôi phục vào thế kỉ XIX. Thời kì đầu, Thể vận hội Ô-lim-píc chỉ có một số môn như chạy, đấu vật, nhảy xa, ném lao, ném đĩa,... Người chiến thắng tại thể vận hội sẽ được nhận một vòng nguyệt quế. Trong suốt thời gian diễn ra thể vận hội, các cuộc chiến tranh, xung đột đều phải tạm dừng.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẫu chuyện lịch sử thế giới*, tập 1, Sđđ)



Hình 6. Các hình vẽ mô tả những vận động viên Hy Lạp cổ đại tham gia Ô-lim-píc



Luyện tập

1. Kể tên các thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp. Chọn và mô tả một thành tựu văn minh mà em ấn tượng.
2. Kể lại một câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc hoặc về một vị thần của Hy Lạp.



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh về các công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu của văn minh Hy Lạp.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS kể tên các thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp. Chọn và mô tả một thành tựu văn minh mà em ấn tượng.

Gợi ý:

- Các thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp: thần thoại Hy Lạp, kiến trúc, điêu khắc, Thể vận hội Ô-lim-píc.
- Mô tả một thành tựu: GV có thể hướng dẫn HS mô tả theo các nội dung như tên thành tựu, điểm nổi bật, ý nghĩa hoặc giá trị lịch sử của thành tựu đó.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS sưu tầm tranh ảnh về các công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu của văn minh Hy Lạp.

Gợi ý:

GV có thể hướng dẫn cho HS sưu tầm tranh ảnh về các công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu của văn minh Hy Lạp theo gợi ý sau:

- Kiến trúc: đền Pác-tê-nông, nhà hát Đê-ô-ni-xốt của A-ten,...
- Điêu khắc: tượng thần Đôt, tượng Lực sĩ ném đĩa,...

• Tượng Lực sĩ ném đĩa

Tượng Lực sĩ ném đĩa là sự phối hợp về dáng, về hình, về tỉ lệ nhằm khắc hoạ một lực sĩ cường tráng đang vận động toàn bộ cơ thể để vung tay ném đĩa. Vẻ đẹp hoàn mỹ của bức tượng thể hiện ở phần chân nghiêng và thân nhìn chính diện đã tạo ra sự chuyển động một cách tự nhiên và chân thực cho tác phẩm.

(Theo Lương Ninh, *Lịch sử văn hoá thế giới cổ – trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)

• Lịch sử môn chạy Ma-ra-tông (Marathon)

Năm 490 TCN, quân đội A-ten đánh bại quân Ba Tư trong trận Ma-ra-tông. Một chiến binh vì muốn nhanh chóng trở về A-ten báo tin mừng nên đã chạy bộ liên tục trên chặng đường dài khoảng 40 km. Sau khi về đến A-ten và báo tin xong, chiến binh đó đã qua đời vì kiệt sức.

Năm 1896, trong kì Đại hội thể thao Ô-lim-píc lần thứ nhất, để tưởng nhớ về câu chuyện cảm động này, người ta đã lập ra hạng mục chạy đường dài Ma-ra-tông và đến tận năm 1921 thì chiều dài của cuộc đua mới được tiêu chuẩn hoá (42,195 km).

(Theo Đặng Đức An, *Những mẫu chuyện lịch sử thế giới*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001)

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.
- + Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...).
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư,...

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm cũng như trình bày trước lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vẽ tranh tuyên truyền, bảo vệ môi trường tại nơi sinh sống,...

Phẩm chất

- Yêu nước: yêu thiên nhiên, yêu môi trường, bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
- Chăm chỉ: chủ động học tập, tìm hiểu về nội dung bài học.

Chủ đề 6: CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI

Bài
25

XÂY DỰNG THẾ GIỚI XANH – SẠCH – ĐẸP



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.
- Sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...).
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.
- Thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư,...



Khởi động

Năm 1972, Liên hợp quốc quyết định chọn ngày 5 – 6 là Ngày Môi trường Thế giới. Hãy chia sẻ những điều em biết về ngày này.



Khám phá

1. Vai trò của thiên nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy nêu vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người. Cho ví dụ.

Từ hàng nghìn năm qua, thiên nhiên luôn gắn bó chặt chẽ với đời sống và hoạt động sản xuất của con người. Những nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi (địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hoà,...) thường sẽ có đông dân cư sinh sống và nền kinh tế đa dạng.

99

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vai trò của thiên nhiên

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát các hình 1, 2, 3 trong SGK và yêu cầu HS nêu vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người. Cho ví dụ.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV có thể chọn 1 trong 2 gợi ý sau để khởi động bài học:

- Gợi ý 1: GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Năm 1972, Liên hợp quốc quyết định chọn ngày 5 – 6 là Ngày Môi trường Thế giới. Hãy chia sẻ những điều em biết về ngày này.

Lưu ý: HS có thể trả lời chưa chính xác. GV chuyển thành tình huống có vấn đề để dẫn dắt HS tò mò, có nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới.

- Gợi ý 2: GV thiết kế trò chơi phù hợp với bài học để HS tham gia và nêu lên các từ khoá hoặc thông tin trọng tâm.

Lưu ý: GV có thể gợi ý, trao đổi, liên hệ thực tiễn với một số vấn đề về tài nguyên và môi trường của địa phương đang diễn ra để tạo sự gắn gũi, gắn kết.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số vấn đề về môi trường

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và yêu cầu HS:

- Kể tên một số thiên tai và cho biết hậu quả của nó.
- Cho biết một số biểu hiện và hậu quả của biến đổi khí hậu.
- Trình bày biểu hiện và hậu quả của suy giảm tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. GV có thể đặt các câu hỏi ngắn để HS trả lời.

Bước 4. GV sử dụng một số video, hình ảnh để hỏi đáp với HS nhằm khắc sâu kiến thức. GV chuẩn kiến thức và mở rộng thêm một số thông tin.



Hình 1. Một khu vực nuôi thủy sản ở Việt Nam



Hình 2. Cảnh đồng hoa và điện gió ở Hà Lan



Hình 3. Thác Ku-ang Xi (Kuang Si) ở Lào

Thiên nhiên cung cấp nguồn thực phẩm cho con người cũng như nguồn nguyên, nhiên liệu phong phú cho các ngành kinh tế. Đồng thời, những cảnh quan đẹp giúp phát triển ngành du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho con người. Thiên nhiên còn là nơi chứa đựng các chất thải do con người tạo.

2. Một số vấn đề về môi trường

Thiên tai

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy kể tên một số thiên tai và cho biết hậu quả của nó.

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường như bão, ngập lụt, hạn hán, lũ quét, vùi róng, động đất,... gây thiệt hại lớn đến người và tài sản.



Hình 4. Hạn hán ở Na-mi-bi-a (Namibia) năm 2019



Hình 5. Con bão Ê-ta (Eta) ở Trung Mỹ năm 2020



Hình 6. Ngập lụt ở Hội An (Quảng Nam) năm 2022

Biến đổi khí hậu

Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy cho biết một số biểu hiện và hậu quả của biến đổi khí hậu.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Các yếu tố của thiên nhiên: địa hình, khí hậu, sông, hồ, khoáng sản,... có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống con người.
- Một số vai trò tiêu biểu: cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, cung cấp thực phẩm cho con người như hải sản, nấm,... Ngoài ra thiên nhiên còn là nơi chứa đựng chất thải như tro bụi, rác thải sinh hoạt,...

Bước 4. GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

GV trao đổi thêm:

Thiên nhiên cung cấp tài nguyên thiên nhiên – là một trong những nguồn lực cơ bản để phát triển kinh tế. Khai thác hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể cung cấp nguyên, nhiên liệu ổn định cho sản xuất trong nước; góp phần giảm nhẹ ảnh hưởng của khủng hoảng năng lượng và sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Tài nguyên thiên nhiên có thể được khai thác để xuất khẩu, tích lũy vốn thực hiện quá trình công nghiệp hoá, xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện đời sống dân sinh,...

Chân trời sáng tạo

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

GV trao đổi thêm:

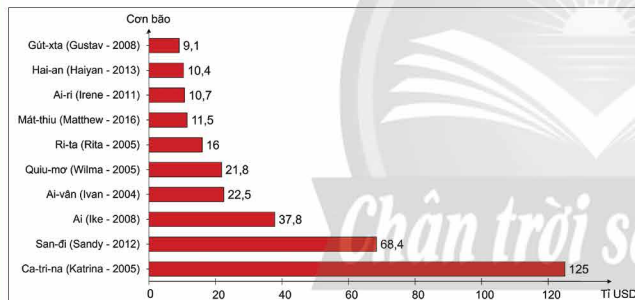
• Ngày Môi trường Thế giới

Ngày Môi trường Thế giới có tên tiếng Anh là World Environment Day. Đây là ngày mà người dân trên toàn thế giới chung tay bảo vệ môi trường.

Ngày Môi trường Thế giới lần đầu tiên được khai mạc vào ngày 5 – 6 – 1972 tại Thụy Điển. Sự kiện này đã chính thức được công bố bởi Chương trình Môi trường Liên hợp quốc. Đến nay, đã có hơn 150 quốc gia trên thế giới hưởng ứng tham gia ngày kỉ niệm này.

Để hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới, hằng năm ở Việt Nam diễn ra các hoạt động: phân loại rác thải tại hộ; dọn vệ sinh ở khu vực sinh sống, làm việc; trồng cây xanh, hoa; sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; thu gom rác tái chế;...

• Các cơn bão gây thiệt hại lớn nhất trên thế giới tính đến năm 2022



Bão Ca-tri-na (Katrina)

Tháng 8 – 2005, một cơn bão lớn mang tên Ca-tri-na đã đổ bộ vào miền Nam Hoa Kỳ với sức gió lên đến 280 km/h. Cơn bão kèm theo mưa to, nước biển dâng đã nhấn chìm những con đê lớn. Thiên tai này đã cướp đi sinh mạng của 1 800 người và gây thiệt hại hơn 125 tỉ đô la.

Bão 01B

Tháng 5 – 2008, bão 01B (tên quốc tế là Na-gít – Nargis) được xem là thảm họa thiên tai lớn nhất ở Mi-an-ma. Với sức gió lên đến 227 km/h, nó đã làm 140 000 người thiệt mạng.

Biến đổi khí hậu biểu hiện bởi sự gia tăng nhiệt độ không khí, thay đổi về lượng mưa, băng tan, nước biển dâng và thiên tai xảy ra ngày càng phức tạp.

Biến đổi khí hậu gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng như gia tăng các thiên tai, suy giảm số lượng các loài sinh vật, làm thay đổi các hệ sinh thái cũng như gây thiệt hại đến sản xuất và đời sống của con người.



Hình 7. Gấu Bắc Cực mất nơi sinh sống khi băng tan

Suy giảm tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường

Đọc thông tin và quan sát hình 8, em hãy trình bày biểu hiện và hậu quả của suy giảm tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.

Con người đã khai thác nhiều tài nguyên thiên nhiên như khoáng sản, rừng, hải sản,... để phục vụ cho sản xuất và đời sống. Điều này làm tài nguyên thiên nhiên suy giảm, nhiều loại tài nguyên cạn kiệt và có nguy cơ không thể phục hồi.

Bên cạnh đó, trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên của con người, môi trường đất, nước, không khí... trở nên ô nhiễm, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và phát triển bền vững của thế giới.



Em có biết?

Sự kiện tràn dầu ở Hoa Kỳ

Năm 2010, sự kiện tràn dầu từ giàn khoan Deepwater Horizon (Hô-rì-dôn) đã trở thành thảm họa môi trường nặng nề đối với Hoa Kỳ. Hơn 50 000 thùng dầu đã tràn khắp vịnh Mê-hi-cô (Mexico) trong vòng 87 ngày. Dầu tràn bao phủ một khu vực rộng lớn, tới 51 triệu m².

Sau một thập kỉ, những loài cá được đánh bắt trong khu vực vịnh Mê-hi-cô đều có hàm lượng dầu trong cơ thể cao. Bên cạnh đó, nhiều loài sinh vật đã bị suy giảm về số lượng.



Hình 8. Khí thải gây ô nhiễm ở Băng-la-đét

• Xu hướng 5R trong bảo vệ môi trường

Reduce (Giảm thiểu): giảm thiểu sử dụng những thứ không cần thiết như tài nguyên, năng lượng,...

Reuse (Tái sử dụng): tái sử dụng nhiều lần vật dụng nhằm kéo dài tuổi thọ cho vật dụng đó.

Recycle (Tái chế): tái chế những vật dụng bỏ đi, những vật không cần thiết thành những vật có ích.

Refuse (Từ chối): từ chối các công nghệ, nguồn nguyên liệu, sản phẩm gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, sản phẩm sử dụng một lần, không có khả năng tái chế.

Rot (Ủ phân): biến rác thải hữu cơ thành phân bón cho cây trồng từ rác thực phẩm và thức ăn thừa như rau củ quả, vỏ trứng, bánh kẹo,...

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. GV yêu cầu HS kể tên một số vấn đề môi trường hiện nay. Cho biết vấn đề nào là cấp bách nhất. Vì sao?

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS kể tên một số vấn đề môi trường đã học. HS đưa ra nhận xét vấn đề cấp bách nhất dựa trên: biểu hiện, hậu quả, đối tượng bị tác động,...

2. GV yêu cầu HS nêu một số việc làm của em để góp phần xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS nêu ra các việc làm HS thường xuyên thực hiện hoặc có thể thực hiện được: vệ sinh lớp học, khu vực sinh sống; tắt đèn khi không sử dụng;...

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS vẽ một bức tranh thể hiện hành động cụ thể về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Lưu ý: GV có thể kết hợp cho HS thực hành trong tiết Mĩ thuật.

3. Một số biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, em hãy đề xuất một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

Ngày nay, nhân loại đã và đang thực hiện nhiều biện pháp thiết thực nhằm bảo vệ Trái Đất như tuyên truyền, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý,...



Hình 9. Một số biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

Hình 10. Hệ thống xử lý nước thải ở Thái Lan

Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp trở thành một mục tiêu quan trọng của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Luyện tập

1. Kể tên một số vấn đề môi trường hiện nay. Theo em, vấn đề nào là cấp bách nhất? Tại sao?
2. Nêu một số việc làm của em để góp phần xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

Vận dụng

Vẽ một bức tranh thể hiện hành động cụ thể về ứng phó với biến đổi khí hậu.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát các hình 9, 10 trong SGK và yêu cầu HS đề xuất một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Gợi ý:

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân thông qua các phương tiện truyền thông.
- Trồng rừng và bảo vệ rừng; phát triển mảng xanh.
- Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
- Giữ gìn môi trường sống, xử lý rác thải, phân loại rác,...
- Lựa chọn và thực hiện lối sống xanh: không dùng túi ni lông; trồng cây xanh; tắt đèn, tắt quạt khi không sử dụng; tiết kiệm nước;...

Bước 4. GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: trình bày được một số câu chuyện về quá trình xây dựng hoà bình của nhân loại.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
 - + Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.
 - + Thể hiện được ý tưởng về một thế giới trong tương lai thông qua việc vẽ tranh, viết thư hay kể chuyện,...

Năng lực chung

Giải quyết vấn đề và sáng tạo:

- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.
- Dựa trên hiểu biết đã có, hình thành được ý tưởng về một thế giới trong tương lai qua hình thức vẽ tranh, viết thư, kể chuyện,...

Phẩm chất

Trách nhiệm: có trách nhiệm với xã hội trong việc xây dựng hoà bình thế giới bằng những việc làm cụ thể.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi dựa trên các gợi ý dưới đây:

- Hiện nay, các em có đang sống trong môi trường hoà bình không?
- Xung quanh nơi em sống có các cuộc chiến tranh hay xung đột nào diễn ra không?

Gợi ý: thế giới hoà bình là thế giới trong tình trạng không có chiến tranh, xung đột. Trái với hoà bình là chiến tranh.

GV có thể thiết kế trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” để HS đoán các từ khoá như chiến tranh, hoà bình,...

Bài
26

XÂY DỰNG THẾ GIỚI HOÀ BÌNH



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng một số tư liệu (tranh ảnh, một số câu chuyện về Liên hợp quốc, truyền thuyết về chim bồ câu và cành ô-liu (olive), phong trào Chữ thập đỏ, Thế vận hội Ô-lim-píc...), trình bày được mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng một thế giới hoà bình.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.
- Thể hiện được một thế giới trong tương lai qua hình thức vẽ tranh, viết thư, kể chuyện,...



Khởi động

Theo em, thế nào là một thế giới hoà bình?



Khám phá

1. Khát khao về một thế giới hoà bình của nhân loại

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy trình bày mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng thế giới hoà bình.

Từ xa xưa, nhân loại luôn khát khao về một thế giới hoà bình. Mong ước này đã sớm xuất hiện trong *Truyền thuyết về chim bồ câu ngậm cành ô-liu*, câu chuyện về Thế vận hội Ô-lim-píc và thể hiện qua một số hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc, phong trào Chữ thập đỏ,...



Truyền thuyết về chim bồ câu ngậm cành ô-liu

Theo truyền thuyết, Thượng đế đã tạo nên một trận đại hồng thủy để trừng phạt những người gian ác. Lúc bấy giờ, có một người tốt tên Nô-ê (Noah) được Thượng đế báo trước việc này. Sau trận lụt, chỉ có mỗi gia đình của Nô-ê còn sống. Khi đó, ông đã thả một con chim bồ câu để thám dò tình hình.



Hình 1. Chim bồ câu ngậm cành ô-liu – biểu tượng của hoà bình

103

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về khát khao về một thế giới hoà bình của nhân loại

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3 trong SGK để trả lời các câu hỏi:

- Vì sao chim bồ câu được chọn làm biểu tượng hoà bình?
- Thế vận hội Ô-lim-píc được tổ chức để làm gì?
- Nhiệm vụ của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế là gì?
- Việc thành lập tổ chức Liên hợp quốc có ý nghĩa như thế nào?

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

- Hình ảnh chim bồ câu ngậm cành ô-liu báo hiệu sự an toàn, con người có thể yên tâm sinh sống.

Lần thứ nhất, chim bồ câu không tìm được chỗ đậu nên đã bay về. Ngày sau, ông thả bồ câu lần nữa. Lần này, nó ngắm cảnh ô-liu bay trở về. Nhờ vậy, ông biết là nước đã rút, cánh cây đã nhô lên khỏi mặt nước, báo hiệu vùng đất đã an bình. Ngày nay, hình ảnh chim bồ câu được lấy là biểu tượng cho hoà bình của nhân loại.

(Theo Bô-ri-an Pha-gan (Brian Fagan), *Bảy mươi bí ẩn lớn của thế giới cổ đại*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2003)

Thế vận hội Ô-lim-píc là sự kiện thể thao lớn nhất thế giới, nơi vận động viên của các nước thi tài với nhau để tăng cường tình đoàn kết hữu nghị.



Thế vận hội Ô-lim-píc

Thế vận hội hiện đại được tổ chức lần đầu tiên tại A-tên vào năm 1896. Thế vận hội được lấy ý tưởng từ các cuộc thi đấu thể thao thời Hy Lạp cổ đại, tổ chức bốn năm một lần tại đền thờ thần Đớt ở thành phố Ô-lim-pi-a (Olympia). Ngày nay, thế vận hội gồm Thế vận hội mùa hè và Thế vận hội mùa đông được tổ chức xen kẽ, cách nhau 2 năm. Thế vận hội biểu tượng cho tinh thần hợp tác, đoàn kết giữa các quốc gia và hoà bình của toàn nhân loại.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẫu chuyện lịch sử thế giới*, tập 1, Sdđ)



Hình 2. Lá cờ của Thế vận hội

Năm 1863, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế được thành lập dựa trên ý tưởng của Hen-ri Đu-nan (Henry Dunant). Hiện nay, phong trào Chữ thập đỏ có sự tham gia của hàng triệu tình nguyện viên, thành viên và nhân viên trên toàn thế giới làm nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe của con người.

Năm 1945, tổ chức Liên hợp quốc được thành lập với mục đích chính là duy trì hoà bình và an ninh thế giới. Thông qua các hoạt động như giải quyết các xung đột bằng biện pháp hoà bình, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền con người,... sự ra đời của tổ chức này đã mở ra một giai đoạn mới trong việc gìn giữ hoà bình thế giới.



Hình 3. Trụ sở của Liên hợp quốc ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ)

104

- Thế vận hội Ô-lim-píc được tổ chức để vận động viên các nước tranh tài thể thao với nhau, nhằm tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa các quốc gia.
- Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế được thành lập nhằm bảo vệ sức khỏe con người.
- Sự ra đời của Liên hợp quốc đã mở ra một giai đoạn mới trong việc gìn giữ hoà bình thế giới thông qua các hoạt động nhằm bảo vệ hoà bình, giải quyết các xung đột, tránh nguy cơ chiến tranh.

Bước 4. GV nhận xét.

GV trao đổi thêm:

- Bức tranh vẽ *Chim bồ câu* của danh họa người Pháp P. Pi-cát-sô (Pablo Picasso) được chọn làm biểu tượng của Hội nghị Hoà bình Thế giới đầu tiên (năm 1949). Người ta gọi chim bồ câu này là chim bồ câu hoà bình.
- Thế vận hội Ô-lim-píc hiện đại được nam tước người Pháp tên Cau-bơ-tin (Coubertin) tổ chức lần đầu tiên tại A-tên vào năm 1896. Năm 1936, Cau-bơ-tin được đề cử giải Nobel Hoà bình vì nỗ lực làm giảm căng thẳng thế giới bằng việc thành lập Thế vận hội và Ủy ban Ô-lim-píc Quốc tế.

- Vào năm 1859, tại thành phố Son-phơ-ri-nô (Solferino), miền Bắc nước I-ta-li-a (Italia), cuộc giao chiến khốc liệt đã diễn ra giữa lực lượng liên minh hai nước Pháp – I-ta-li-a nhằm chống lại quân Áo. Số lượng người thương vong nhiều đã gây ra tình trạng quá tải cho lực lượng quân y của các bên tham chiến. Trước tình hình đó, một thương gia người Thụy Sĩ tên là Hen-ri Đu-nan đã kêu gọi dân chúng địa phương giúp đỡ người bị thương của cả hai bên. Sau khi trở về nước, ông đã viết lại những điều này trong cuốn sách *Kỉ ức về Son-phơ-ri-nô*, đưa ra ý tưởng thành lập hội cứu trợ chăm sóc những người bị thương trong chiến tranh. Đến năm 1863, ý tưởng của ông đã trở thành hiện thực với sự ra đời của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế. Để ghi nhớ công lao này, ngày sinh của ông là ngày 8 – 5 được lấy làm ngày Chữ thập đỏ quốc tế. Năm 1901, Hen-ri Đu-nan được trao giải Nobel Hoà bình vì vai trò sáng lập phong trào Chữ thập đỏ.
- Ngày 1 – 1 – 1942, đại diện 26 nước chống phát xít đã kí bản *Tuyên bố Liên hợp quốc*, cam kết thành lập một tổ chức quốc tế vì hoà bình và an ninh sau chiến tranh. Năm 1945, đại biểu 50 quốc gia họp tại Xan Phran-xi-xcô (San Francisco) (Mỹ) thông qua bản *Hiến chương Liên hợp quốc*, chính thức thành lập tổ chức Liên hợp quốc, trụ sở đặt tại Niu Oóc (New York). Cho đến ngày nay, Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất với mục tiêu hàng đầu là bảo đảm nền hoà bình và an ninh của thế giới.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số biện pháp xây dựng thế giới hoà bình

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát các hình 4, 5 trong SGK để nêu một số biện pháp xây dựng thế giới hoà bình.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

- Thành lập lực lượng gìn giữ hoà bình.
- Tham gia các diễn đàn về hoà bình, xây dựng các mối quan hệ hợp tác, hữu nghị,...
- Giải quyết các tranh chấp, xung đột bằng biện pháp hoà bình.

Bước 4. GV nhận xét.

KIẾN THỨC BỔ TRỢ

• Cục gìn giữ hoà bình Việt Nam

- Cục gìn giữ hoà bình Việt Nam (tiền thân là Trung tâm gìn giữ hoà bình Việt Nam) thành lập ngày 27 – 5 – 2014. Đây là cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, có chức năng tham mưu với Quân uỷ Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Bộ Quốc phòng trong lãnh đạo, điều hành, chỉ huy lực lượng quân đội tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc; quản lý, chỉ huy và điều hành toàn bộ quá trình chuẩn bị, tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc; giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc.
- Một số đóng góp của Việt Nam cho sứ mệnh gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc (theo Đại tá Phạm Mạnh Thắng, Cục trưởng Cục gìn giữ hoà bình Việt Nam):
 - + Từ tháng 6 – 2014 đến nay, Việt Nam đã cử khoảng 533 lượt sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn hoà bình Liên hợp quốc theo hai hình thức cá nhân và đơn vị tại Phái bộ Nam Xu-đăng, Cộng hoà Trung Phi, khu vực A-bi-ai (Abyei) và Trụ sở Liên hợp quốc. Các lực lượng của Việt Nam đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ; được Đảng, Nhà nước, nhân dân ghi nhận, đồng tình ủng hộ và Liên hợp quốc cùng cộng đồng quốc tế đánh giá cao.
 - + Các bệnh viện dã chiến cấp 2 của Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Chỉ huy phái bộ đánh giá cao, tiếp tục khẳng định được năng lực chuyên môn, tinh thần

2. Một số biện pháp xây dựng thế giới hoà bình

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy nêu một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.

Xây dựng thế giới hoà bình là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia. Một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình:

- Thành lập lực lượng gìn giữ hoà bình;
- Tham gia các diễn đàn về hoà bình, xây dựng các mối quan hệ hợp tác, hữu nghị,...
- Giải quyết các tranh chấp, xung đột bằng biện pháp hoà bình,...



Hình 4. Chiến sĩ Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc năm 2021



Hình 5. Diễn đàn hoà bình Pa-ri (Paris) năm 2022



Luyện tập

1. Kể tên những hoạt động của nhân loại trong việc xây dựng thế giới hoà bình.
2. Để xây dựng thế giới hoà bình, học sinh cần làm những gì?



Vận dụng

Vẽ một bức tranh hoặc kể một câu chuyện về một thế giới tương lai bằng trí tưởng tượng của em.

105

LUYỆN TẬP

1. GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bằng cách sử dụng kết quả tìm hiểu trong mục 1.
2. GV hướng dẫn HS trả lời bằng cách gợi ý về một số hành động nhỏ, vừa sức với lứa tuổi HS như luôn hoà đồng, thân thiện với bạn bè và mọi người xung quanh, giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn, không tranh cãi, xung đột với bạn,...

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bằng những gợi ý: Theo em, thế giới tương lai là thế giới hoà bình hay chiến tranh? Trong thế giới tương lai đó, con người sẽ sống như thế nào?

trách nhiệm, là chỗ dựa tin cậy về chăm sóc sức khoẻ cho nhân viên Liên hợp quốc tại địa bàn. Phó tổng Thư kí Liên hợp quốc và Cố vấn Quân sự của Tổng Thư kí Liên hợp quốc đã gửi thư cảm ơn Chính phủ Việt Nam về sự đóng góp này.

+ Ngoài việc triển khai các bệnh viện dã chiến, các sĩ quan liên lạc tại các phái bộ, tháng 5 – 2022, Việt Nam đã cử Đội Công binh đầu tiên với 184 sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và gần 2 000 tấn trang thiết bị sang Phái bộ An ninh lâm thời của Liên hợp quốc ở khu vực A-bi-ai (UNISFA). Sau gần 1 năm triển khai, Chỉ huy phái bộ đánh giá Đội Công binh Việt Nam đã góp phần làm thay đổi diện mạo của Phái bộ UNISFA tại A-bi-ai.

• **Diễn đàn Hoà bình Pa-ri (Paris)**

- Diễn đàn Hoà bình Pa-ri được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2018, theo ý tưởng của Tổng thống Pháp E. Mác-rông (E. Macron) nhằm phát huy vai trò của hợp tác quốc tế để giải quyết các thách thức toàn cầu và đảm bảo hoà bình lâu dài. Với 5 lần tổ chức (tính đến năm 2022), diễn đàn đã quy tụ hơn 40 000 người tham gia từ 175 quốc gia, hơn 130 người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ, 48 lãnh đạo của các tổ chức quốc tế và đại diện của 1 400 tổ chức phi Chính phủ.
- Hơn 1 100 diễn giả đã đến thảo luận về các giải pháp cho những thách thức lớn nhất hiện nay. Hơn 400 dự án từ khắp nơi trên thế giới đã được đề xuất, lựa chọn và triển khai với các giải pháp và hành động cụ thể để vượt qua những thách thức toàn cầu. Diễn đàn Hoà bình Pa-ri cho thấy sự quan tâm mạnh mẽ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới đối với hợp tác đa phương và cùng nhau nỗ lực giải quyết những vấn đề mang tính cấp bách toàn cầu.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TÚ LINH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẦN

Thiết kế sách: HOÀNG THIẾU MY

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TÔNG THANH THẢO

Sửa bản in: NGUYỄN TÚ LINH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẦN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 — SÁCH GIÁO VIÊN (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2HG5U001M24

In bản, (QĐ in số) khổ 19 x 26,5 cm

Đơn vị in:

Địa chỉ:

Số ĐKXB: 06-2024/CXBIPH/55-2346/GD

Số QĐXB:, ngày tháng năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mã số ISBN: 978-604-0-40350-6



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 5 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 8. TIN HỌC 5
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 9. CÔNG NGHỆ 5
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 5
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 5
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 5 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 11. ÂM NHẠC 5
Sách giáo viên |
| 5. ĐẠO ĐỨC 5
Sách giáo viên | 12. MĨ THUẬT 5 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 6. KHOA HỌC 5
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 5 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 2)
Sách giáo viên |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

ISBN 978-604-0-40350-6



9 786040 403506

Giá: 27.000đ